

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 157/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 08/11/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 08/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 08/11/2024: Trước 16h30' ngày 05/11/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 05/11/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



GIÁM ĐỐC

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 08/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 05/11/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).



Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	30M-066.88	Hà Nội	1601	51N-000.01	Hồ Chí Minh	3201	51M-222.22	Hồ Chí Minh
2	34A-944.44	Hải Dương	1602	60D-022.22	Đồng Nai	3202	15K-477.77	Hải Phòng
3	20A-888.89	Thái Nguyên	1603	60K-644.44	Đồng Nai	3203	34C-433.33	Hải Dương
4	81C-288.99	Gia Lai	1604	61K-589.89	Bình Dương	3204	51M-067.89	Hồ Chí Minh
5	85C-086.86	Ninh Thuận	1605	68C-177.77	Kiên Giang	3205	61K-588.66	Bình Dương
6	98A-869.96	Bắc Giang	1606	70A-589.98	Tây Ninh	3206	97A-100.01	Bắc Kạn
7	14A-999.04	Quảng Ninh	1607	14K-019.99	Quảng Ninh	3207	14A-918.69	Quảng Ninh
8	15K-392.86	Hải Phòng	1608	15C-488.68	Hải Phòng	3208	17A-498.88	Thái Bình
9	19A-688.84	Phú Thọ	1609	28C-125.55	Hòa Bình	3209	20A-879.99	Thái Nguyên
10	29K-369.66	Hà Nội	1610	29K-399.69	Hà Nội	3210	23A-144.44	Hà Giang
11	30M-280.88	Hà Nội	1611	30L-356.39	Hà Nội	3211	29K-389.88	Hà Nội
12	30M-288.98	Hà Nội	1612	30M-245.55	Hà Nội	3212	30M-222.79	Hà Nội
13	30M-338.88	Hà Nội	1613	36K-298.98	Thanh Hóa	3213	30M-238.99	Hà Nội
14	30M-393.68	Hà Nội	1614	38A-687.96	Hà Tĩnh	3214	36K-266.86	Thanh Hóa
15	36C-555.52	Thanh Hóa	1615	51L-919.89	Hồ Chí Minh	3215	37K-488.84	Nghệ An
16	37K-499.95	Nghệ An	1616	51L-999.68	Hồ Chí Minh	3216	51M-099.96	Hồ Chí Minh
17	48A-248.88	Đắk Nông	1617	51L-999.83	Hồ Chí Minh	3217	51M-185.55	Hồ Chí Minh
18	49C-399.88	Lâm Đồng	1618	51M-236.66	Hồ Chí Minh	3218	51M-306.66	Hồ Chí Minh
19	51L-972.72	Hồ Chí Minh	1619	60K-665.55	Đồng Nai	3219	51N-133.88	Hồ Chí Minh
20	60K-666.83	Đồng Nai	1620	61K-598.98	Bình Dương	3220	60K-688.65	Đồng Nai
21	60K-686.63	Đồng Nai	1621	65A-533.66	Cần Thơ	3221	63A-303.03	Tiền Giang
22	60K-695.55	Đồng Nai	1622	65C-266.86	Cần Thơ	3222	64A-199.98	Vĩnh Long
23	60K-696.63	Đồng Nai	1623	67C-196.99	An Giang	3223	64C-119.99	Vĩnh Long
24	61K-525.55	Bình Dương	1624	75A-389.88	Thừa Thiên Huế	3224	68A-363.66	Kiên Giang
25	61K-555.35	Bình Dương	1625	81A-466.96	Gia Lai	3225	69A-169.79	Cà Mau
26	61K-595.55	Bình Dương	1626	83A-200.00	Sóc Trăng	3226	72A-846.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
27	73C-196.99	Quảng Bình	1627	88A-799.88	Vĩnh Phúc	3227	75A-399.88	Thừa Thiên Huế
28	81A-468.88	Gia Lai	1628	89A-555.00	Hưng Yên	3228	76A-333.34	Quảng Ngãi
29	88A-788.68	Vĩnh Phúc	1629	89A-555.50	Hưng Yên	3229	99A-885.99	Bắc Ninh
30	89A-565.55	Hưng Yên	1630	98C-396.99	Bắc Giang	3230	89A-552.55	Hưng Yên
31	89A-567.86	Hưng Yên	1631	99A-885.68	Bắc Ninh	3231	93C-199.79	Bình Phước
32	30M-030.22	Hà Nội	1632	30M-030.03	Hà Nội	3232	30M-033.03	Hà Nội
33	30M-037.22	Hà Nội	1633	30M-033.69	Hà Nội	3233	30M-035.36	Hà Nội
34	30M-040.33	Hà Nội	1634	30M-043.99	Hà Nội	3234	30M-037.88	Hà Nội
35	30M-043.33	Hà Nội	1635	30M-056.88	Hà Nội	3235	30M-043.89	Hà Nội
36	30M-050.33	Hà Nội	1636	30M-057.44	Hà Nội	3236	30M-045.11	Hà Nội
37	30M-053.66	Hà Nội	1637	30M-059.11	Hà Nội	3237	30M-048.49	Hà Nội
38	30M-055.22	Hà Nội	1638	30M-071.86	Hà Nội	3238	30M-057.11	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	30M-061.60	Hà Nội	1639	30M-092.92	Hà Nội	3239	30M-060.61	Hà Nội
40	30M-065.88	Hà Nội	1640	30M-106.33	Hà Nội	3240	30M-072.39	Hà Nội
41	30M-066.79	Hà Nội	1641	30M-106.55	Hà Nội	3241	30M-075.44	Hà Nội
42	30M-071.07	Hà Nội	1642	30M-111.00	Hà Nội	3242	30M-076.44	Hà Nội
43	30M-072.73	Hà Nội	1643	30M-115.33	Hà Nội	3243	30M-088.79	Hà Nội
44	30M-074.66	Hà Nội	1644	30M-115.89	Hà Nội	3244	30M-092.77	Hà Nội
45	30M-078.55	Hà Nội	1645	30M-116.69	Hà Nội	3245	30M-097.86	Hà Nội
46	30M-084.69	Hà Nội	1646	30M-125.88	Hà Nội	3246	30M-098.79	Hà Nội
47	30M-087.55	Hà Nội	1647	30M-131.89	Hà Nội	3247	30M-099.77	Hà Nội
48	30M-093.77	Hà Nội	1648	30M-137.37	Hà Nội	3248	30M-113.55	Hà Nội
49	30M-095.96	Hà Nội	1649	30M-143.33	Hà Nội	3249	30M-115.51	Hà Nội
50	30M-097.00	Hà Nội	1650	30M-144.66	Hà Nội	3250	30M-119.68	Hà Nội
51	30M-098.55	Hà Nội	1651	30M-145.39	Hà Nội	3251	30M-122.44	Hà Nội
52	30M-104.88	Hà Nội	1652	30M-148.49	Hà Nội	3252	30M-130.31	Hà Nội
53	30M-109.88	Hà Nội	1653	30M-161.55	Hà Nội	3253	30M-132.89	Hà Nội
54	30M-119.98	Hà Nội	1654	30M-166.22	Hà Nội	3254	30M-138.11	Hà Nội
55	30M-120.69	Hà Nội	1655	30M-175.88	Hà Nội	3255	30M-140.79	Hà Nội
56	30M-129.22	Hà Nội	1656	30M-178.79	Hà Nội	3256	30M-142.11	Hà Nội
57	30M-133.13	Hà Nội	1657	30M-184.69	Hà Nội	3257	30M-142.77	Hà Nội
58	30M-145.22	Hà Nội	1658	30M-197.68	Hà Nội	3258	30M-149.33	Hà Nội
59	30M-156.39	Hà Nội	1659	30M-200.02	Hà Nội	3259	30M-149.94	Hà Nội
60	30M-160.16	Hà Nội	1660	30M-206.68	Hà Nội	3260	30M-151.39	Hà Nội
61	30M-164.86	Hà Nội	1661	30M-210.33	Hà Nội	3261	30M-157.39	Hà Nội
62	30M-175.69	Hà Nội	1662	30M-212.86	Hà Nội	3262	30M-158.00	Hà Nội
63	30M-180.86	Hà Nội	1663	30M-215.51	Hà Nội	3263	30M-175.00	Hà Nội
64	30M-186.44	Hà Nội	1664	30M-216.99	Hà Nội	3264	30M-179.97	Hà Nội
65	30M-194.91	Hà Nội	1665	30M-220.44	Hà Nội	3265	30M-180.81	Hà Nội
66	30M-232.55	Hà Nội	1666	30M-237.39	Hà Nội	3266	30M-187.78	Hà Nội
67	30M-234.22	Hà Nội	1667	30M-244.86	Hà Nội	3267	30M-190.77	Hà Nội
68	30M-234.44	Hà Nội	1668	30M-245.54	Hà Nội	3268	30M-190.79	Hà Nội
69	30M-240.39	Hà Nội	1669	30M-250.11	Hà Nội	3269	30M-195.39	Hà Nội
70	30M-241.41	Hà Nội	1670	30M-251.00	Hà Nội	3270	30M-200.66	Hà Nội
71	30M-241.69	Hà Nội	1671	30M-251.25	Hà Nội	3271	30M-202.77	Hà Nội
72	30M-241.79	Hà Nội	1672	30M-263.77	Hà Nội	3272	30M-205.77	Hà Nội
73	30M-249.44	Hà Nội	1673	30M-273.22	Hà Nội	3273	30M-206.69	Hà Nội
74	30M-253.88	Hà Nội	1674	30M-289.55	Hà Nội	3274	30M-210.86	Hà Nội
75	30M-262.39	Hà Nội	1675	30M-300.22	Hà Nội	3275	30M-211.21	Hà Nội
76	30M-263.44	Hà Nội	1676	30M-303.00	Hà Nội	3276	30M-217.33	Hà Nội
77	30M-263.86	Hà Nội	1677	30M-324.79	Hà Nội	3277	30M-223.00	Hà Nội
78	30M-268.89	Hà Nội	1678	30M-326.00	Hà Nội	3278	30M-234.55	Hà Nội
79	30M-276.11	Hà Nội	1679	30M-331.86	Hà Nội	3279	30M-237.23	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-293.79	Hà Nội	1680	30M-334.34	Hà Nội	3280	30M-239.33	Hà Nội
81	30M-294.49	Hà Nội	1681	30M-345.22	Hà Nội	3281	30M-240.24	Hà Nội
82	30M-298.69	Hà Nội	1682	30M-346.44	Hà Nội	3282	30M-241.88	Hà Nội
83	30M-310.11	Hà Nội	1683	30M-347.89	Hà Nội	3283	30M-243.79	Hà Nội
84	30M-314.66	Hà Nội	1684	30M-353.35	Hà Nội	3284	30M-248.99	Hà Nội
85	30M-323.22	Hà Nội	1685	30M-354.11	Hà Nội	3285	30M-251.55	Hà Nội
86	30M-323.32	Hà Nội	1686	30M-354.79	Hà Nội	3286	30M-253.11	Hà Nội
87	30M-333.46	Hà Nội	1687	30M-359.96	Hà Nội	3287	30M-260.89	Hà Nội
88	30M-337.33	Hà Nội	1688	30M-364.89	Hà Nội	3288	30M-269.44	Hà Nội
89	30M-343.79	Hà Nội	1689	30M-367.76	Hà Nội	3289	30M-270.70	Hà Nội
90	30M-349.43	Hà Nội	1690	30M-371.66	Hà Nội	3290	30M-274.33	Hà Nội
91	30M-352.44	Hà Nội	1691	30M-374.86	Hà Nội	3291	30M-275.88	Hà Nội
92	30M-358.39	Hà Nội	1692	30M-377.89	Hà Nội	3292	30M-281.44	Hà Nội
93	30M-375.37	Hà Nội	1693	30M-388.55	Hà Nội	3293	30M-295.33	Hà Nội
94	30M-379.37	Hà Nội	1694	30M-394.79	Hà Nội	3294	30M-300.39	Hà Nội
95	30M-384.55	Hà Nội	1695	30M-398.33	Hà Nội	3295	30M-306.22	Hà Nội
96	30M-386.87	Hà Nội	1696	30M-403.40	Hà Nội	3296	30M-309.30	Hà Nội
97	30M-401.02	Hà Nội	1697	30M-407.11	Hà Nội	3297	30M-314.13	Hà Nội
98	30M-405.44	Hà Nội	1698	30M-418.33	Hà Nội	3298	30M-326.79	Hà Nội
99	30M-411.55	Hà Nội	1699	30M-419.95	Hà Nội	3299	30M-327.69	Hà Nội
100	30M-413.22	Hà Nội	1700	51L-908.22	Hồ Chí Minh	3300	30M-330.86	Hà Nội
101	30M-415.68	Hà Nội	1701	51L-908.69	Hồ Chí Minh	3301	30M-331.99	Hà Nội
102	30M-419.14	Hà Nội	1702	51L-910.86	Hồ Chí Minh	3302	30M-336.39	Hà Nội
103	51L-901.99	Hồ Chí Minh	1703	51L-912.91	Hồ Chí Minh	3303	30M-339.11	Hà Nội
104	51L-927.79	Hồ Chí Minh	1704	51L-915.89	Hồ Chí Minh	3304	30M-349.66	Hà Nội
105	51L-932.23	Hồ Chí Minh	1705	51L-926.11	Hồ Chí Minh	3305	30M-351.44	Hà Nội
106	51L-933.11	Hồ Chí Minh	1706	51L-928.82	Hồ Chí Minh	3306	30M-365.00	Hà Nội
107	51L-940.33	Hồ Chí Minh	1707	51L-931.11	Hồ Chí Minh	3307	30M-370.88	Hà Nội
108	51L-941.94	Hồ Chí Minh	1708	51L-931.55	Hồ Chí Minh	3308	30M-372.73	Hà Nội
109	51L-942.49	Hồ Chí Minh	1709	51L-938.68	Hồ Chí Minh	3309	30M-381.77	Hà Nội
110	51L-942.68	Hồ Chí Minh	1710	51L-942.00	Hồ Chí Minh	3310	30M-387.79	Hà Nội
111	51L-943.11	Hồ Chí Minh	1711	51L-944.77	Hồ Chí Minh	3311	30M-396.55	Hà Nội
112	51L-945.99	Hồ Chí Minh	1712	51L-946.86	Hồ Chí Minh	3312	51L-901.77	Hồ Chí Minh
113	51L-946.79	Hồ Chí Minh	1713	51L-949.00	Hồ Chí Minh	3313	51L-902.68	Hồ Chí Minh
114	51L-958.22	Hồ Chí Minh	1714	51L-960.60	Hồ Chí Minh	3314	51L-906.60	Hồ Chí Minh
115	51L-958.55	Hồ Chí Minh	1715	51L-961.77	Hồ Chí Minh	3315	51L-924.33	Hồ Chí Minh
116	51L-967.66	Hồ Chí Minh	1716	51L-963.39	Hồ Chí Minh	3316	51L-927.29	Hồ Chí Minh
117	51L-967.88	Hồ Chí Minh	1717	51L-968.00	Hồ Chí Minh	3317	51L-932.93	Hồ Chí Minh
118	51L-972.39	Hồ Chí Minh	1718	51L-972.97	Hồ Chí Minh	3318	51L-936.44	Hồ Chí Minh
119	51L-973.00	Hồ Chí Minh	1719	51L-973.33	Hồ Chí Minh	3319	51L-950.44	Hồ Chí Minh
120	51L-973.88	Hồ Chí Minh	1720	51L-975.76	Hồ Chí Minh	3320	51L-954.22	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	51L-974.39	Hồ Chí Minh	1721	51L-977.22	Hồ Chí Minh	3321	51L-955.79	Hồ Chí Minh
122	51L-980.11	Hồ Chí Minh	1722	51L-978.39	Hồ Chí Minh	3322	51L-956.11	Hồ Chí Minh
123	51L-983.84	Hồ Chí Minh	1723	51L-984.33	Hồ Chí Minh	3323	51L-966.33	Hồ Chí Minh
124	51L-992.79	Hồ Chí Minh	1724	51L-984.44	Hồ Chí Minh	3324	51L-979.00	Hồ Chí Minh
125	51L-995.59	Hồ Chí Minh	1725	51L-985.98	Hồ Chí Minh	3325	51L-982.44	Hồ Chí Minh
126	51L-997.44	Hồ Chí Minh	1726	51L-995.11	Hồ Chí Minh	3326	51L-999.07	Hồ Chí Minh
127	51M-063.99	Hồ Chí Minh	1727	51L-999.01	Hồ Chí Minh	3327	51M-062.26	Hồ Chí Minh
128	51M-072.22	Hồ Chí Minh	1728	51L-999.02	Hồ Chí Minh	3328	51M-063.06	Hồ Chí Minh
129	51M-072.68	Hồ Chí Minh	1729	51L-999.13	Hồ Chí Minh	3329	51M-067.33	Hồ Chí Minh
130	51M-076.39	Hồ Chí Minh	1730	51L-999.24	Hồ Chí Minh	3330	51M-072.86	Hồ Chí Minh
131	51M-087.55	Hồ Chí Minh	1731	51M-053.11	Hồ Chí Minh	3331	51M-074.33	Hồ Chí Minh
132	51M-092.33	Hồ Chí Minh	1732	51M-054.22	Hồ Chí Minh	3332	51M-075.76	Hồ Chí Minh
133	51M-100.39	Hồ Chí Minh	1733	51M-057.88	Hồ Chí Minh	3333	51M-080.68	Hồ Chí Minh
134	51M-114.41	Hồ Chí Minh	1734	51M-074.77	Hồ Chí Minh	3334	51M-102.39	Hồ Chí Minh
135	51M-120.22	Hồ Chí Minh	1735	51M-079.70	Hồ Chí Minh	3335	51M-103.39	Hồ Chí Minh
136	51M-124.12	Hồ Chí Minh	1736	51M-082.11	Hồ Chí Minh	3336	51M-111.34	Hồ Chí Minh
137	51M-124.55	Hồ Chí Minh	1737	51M-083.38	Hồ Chí Minh	3337	51M-117.79	Hồ Chí Minh
138	51M-131.89	Hồ Chí Minh	1738	51M-083.89	Hồ Chí Minh	3338	51M-125.89	Hồ Chí Minh
139	51M-134.34	Hồ Chí Minh	1739	51M-089.11	Hồ Chí Minh	3339	51M-148.39	Hồ Chí Minh
140	51M-145.68	Hồ Chí Minh	1740	51M-093.22	Hồ Chí Minh	3340	51M-148.48	Hồ Chí Minh
141	51M-149.88	Hồ Chí Minh	1741	51M-094.33	Hồ Chí Minh	3341	51M-158.55	Hồ Chí Minh
142	51M-150.33	Hồ Chí Minh	1742	51M-094.39	Hồ Chí Minh	3342	51M-162.69	Hồ Chí Minh
143	51M-161.68	Hồ Chí Minh	1743	51M-094.89	Hồ Chí Minh	3343	51M-165.77	Hồ Chí Minh
144	51M-167.55	Hồ Chí Minh	1744	51M-101.00	Hồ Chí Minh	3344	51M-179.11	Hồ Chí Minh
145	51M-173.99	Hồ Chí Minh	1745	51M-101.66	Hồ Chí Minh	3345	51M-186.00	Hồ Chí Minh
146	51M-176.99	Hồ Chí Minh	1746	51M-111.01	Hồ Chí Minh	3346	51M-187.66	Hồ Chí Minh
147	51M-181.18	Hồ Chí Minh	1747	51M-131.77	Hồ Chí Minh	3347	51M-190.86	Hồ Chí Minh
148	51M-183.68	Hồ Chí Minh	1748	51M-137.68	Hồ Chí Minh	3348	51M-196.39	Hồ Chí Minh
149	51M-184.89	Hồ Chí Minh	1749	51M-137.77	Hồ Chí Minh	3349	51M-197.86	Hồ Chí Minh
150	51M-192.66	Hồ Chí Minh	1750	51M-137.86	Hồ Chí Minh	3350	51M-201.11	Hồ Chí Minh
151	51M-192.91	Hồ Chí Minh	1751	51M-148.79	Hồ Chí Minh	3351	51M-201.66	Hồ Chí Minh
152	51M-199.33	Hồ Chí Minh	1752	51M-153.89	Hồ Chí Minh	3352	51M-202.55	Hồ Chí Minh
153	51M-201.02	Hồ Chí Minh	1753	51M-159.89	Hồ Chí Minh	3353	51M-210.99	Hồ Chí Minh
154	51M-203.03	Hồ Chí Minh	1754	51M-165.79	Hồ Chí Minh	3354	51M-212.13	Hồ Chí Minh
155	51M-204.02	Hồ Chí Minh	1755	51M-173.77	Hồ Chí Minh	3355	51M-213.44	Hồ Chí Minh
156	51M-217.44	Hồ Chí Minh	1756	51M-175.86	Hồ Chí Minh	3356	51M-219.22	Hồ Chí Minh
157	51M-219.88	Hồ Chí Minh	1757	51M-180.08	Hồ Chí Minh	3357	51M-224.00	Hồ Chí Minh
158	51M-222.04	Hồ Chí Minh	1758	51M-181.00	Hồ Chí Minh	3358	51M-230.55	Hồ Chí Minh
159	51M-230.23	Hồ Chí Minh	1759	51M-184.68	Hồ Chí Minh	3359	51M-230.79	Hồ Chí Minh
160	51M-232.33	Hồ Chí Minh	1760	51M-185.89	Hồ Chí Minh	3360	51M-234.68	Hồ Chí Minh
161	51M-236.00	Hồ Chí Minh	1761	51M-190.66	Hồ Chí Minh	3361	51M-242.22	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-237.11	Hồ Chí Minh	1762	51M-191.11	Hồ Chí Minh	3362	51M-247.55	Hồ Chí Minh
163	51M-238.66	Hồ Chí Minh	1763	51M-194.88	Hồ Chí Minh	3363	51M-252.52	Hồ Chí Minh
164	51M-245.46	Hồ Chí Minh	1764	51M-196.79	Hồ Chí Minh	3364	51M-253.25	Hồ Chí Minh
165	51M-246.89	Hồ Chí Minh	1765	51M-198.22	Hồ Chí Minh	3365	51M-258.58	Hồ Chí Minh
166	51M-256.68	Hồ Chí Minh	1766	51M-200.22	Hồ Chí Minh	3366	51M-261.00	Hồ Chí Minh
167	51M-261.33	Hồ Chí Minh	1767	51M-200.39	Hồ Chí Minh	3367	51M-270.00	Hồ Chí Minh
168	51M-267.79	Hồ Chí Minh	1768	51M-203.39	Hồ Chí Minh	3368	51M-275.44	Hồ Chí Minh
169	51M-272.99	Hồ Chí Minh	1769	51M-214.22	Hồ Chí Minh	3369	51M-289.33	Hồ Chí Minh
170	51M-274.27	Hồ Chí Minh	1770	51M-216.44	Hồ Chí Minh	3370	51M-291.79	Hồ Chí Minh
171	51M-281.44	Hồ Chí Minh	1771	51M-219.44	Hồ Chí Minh	3371	51N-000.37	Hồ Chí Minh
172	51M-281.79	Hồ Chí Minh	1772	51M-219.95	Hồ Chí Minh	3372	51N-002.03	Hồ Chí Minh
173	51M-289.77	Hồ Chí Minh	1773	51M-220.99	Hồ Chí Minh	3373	51N-006.22	Hồ Chí Minh
174	51M-293.33	Hồ Chí Minh	1774	51M-223.11	Hồ Chí Minh	3374	51N-006.55	Hồ Chí Minh
175	51M-293.86	Hồ Chí Minh	1775	51M-227.69	Hồ Chí Minh	3375	51N-010.11	Hồ Chí Minh
176	51M-297.97	Hồ Chí Minh	1776	51M-230.33	Hồ Chí Minh	3376	51N-014.89	Hồ Chí Minh
177	51M-304.89	Hồ Chí Minh	1777	51M-235.11	Hồ Chí Minh	3377	51N-022.11	Hồ Chí Minh
178	51N-000.18	Hồ Chí Minh	1778	51M-236.68	Hồ Chí Minh	3378	51N-033.30	Hồ Chí Minh
179	51N-001.99	Hồ Chí Minh	1779	51M-240.66	Hồ Chí Minh	3379	51N-034.55	Hồ Chí Minh
180	51N-011.69	Hồ Chí Minh	1780	51M-259.96	Hồ Chí Minh	3380	51N-039.68	Hồ Chí Minh
181	51N-012.12	Hồ Chí Minh	1781	51M-273.89	Hồ Chí Minh	3381	51N-046.22	Hồ Chí Minh
182	51N-030.03	Hồ Chí Minh	1782	51M-275.77	Hồ Chí Minh	3382	51N-049.55	Hồ Chí Minh
183	51N-034.77	Hồ Chí Minh	1783	51M-278.27	Hồ Chí Minh	3383	51N-050.11	Hồ Chí Minh
184	51N-038.44	Hồ Chí Minh	1784	51M-279.86	Hồ Chí Minh	3384	51N-053.88	Hồ Chí Minh
185	51N-039.88	Hồ Chí Minh	1785	51M-281.00	Hồ Chí Minh	3385	51N-057.86	Hồ Chí Minh
186	51N-042.04	Hồ Chí Minh	1786	51M-281.88	Hồ Chí Minh	3386	51N-064.33	Hồ Chí Minh
187	51N-051.00	Hồ Chí Minh	1787	51M-283.69	Hồ Chí Minh	3387	51N-064.77	Hồ Chí Minh
188	51N-063.64	Hồ Chí Minh	1788	51M-283.86	Hồ Chí Minh	3388	51N-067.99	Hồ Chí Minh
189	51N-071.77	Hồ Chí Minh	1789	51M-290.69	Hồ Chí Minh	3389	51N-074.00	Hồ Chí Minh
190	51N-078.68	Hồ Chí Minh	1790	51M-292.93	Hồ Chí Minh	3390	51N-086.87	Hồ Chí Minh
191	51N-079.66	Hồ Chí Minh	1791	51M-294.89	Hồ Chí Minh	3391	51N-087.69	Hồ Chí Minh
192	51N-084.00	Hồ Chí Minh	1792	51M-297.77	Hồ Chí Minh	3392	51N-095.90	Hồ Chí Minh
193	51N-084.84	Hồ Chí Minh	1793	51M-304.86	Hồ Chí Minh	3393	51N-105.68	Hồ Chí Minh
194	51N-086.11	Hồ Chí Minh	1794	51M-307.00	Hồ Chí Minh	3394	51N-108.55	Hồ Chí Minh
195	51N-087.39	Hồ Chí Minh	1795	51N-000.66	Hồ Chí Minh	3395	51N-110.11	Hồ Chí Minh
196	51N-106.22	Hồ Chí Minh	1796	51N-003.77	Hồ Chí Minh	3396	51N-120.86	Hồ Chí Minh
197	51N-109.68	Hồ Chí Minh	1797	51N-011.89	Hồ Chí Minh	3397	51N-121.79	Hồ Chí Minh
198	51N-112.13	Hồ Chí Minh	1798	51N-017.77	Hồ Chí Minh	3398	51N-126.00	Hồ Chí Minh
199	51N-120.44	Hồ Chí Minh	1799	51N-018.55	Hồ Chí Minh	3399	51N-135.66	Hồ Chí Minh
200	51N-125.25	Hồ Chí Minh	1800	51N-027.00	Hồ Chí Minh	3400	51N-145.66	Hồ Chí Minh
201	51N-132.79	Hồ Chí Minh	1801	51N-031.99	Hồ Chí Minh	3401	51N-149.66	Hồ Chí Minh
202	51N-137.79	Hồ Chí Minh	1802	51N-048.48	Hồ Chí Minh	3402	51N-154.44	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	51N-138.69	Hồ Chí Minh	1803	51N-049.88	Hồ Chí Minh	3403	12A-263.22	Lạng Sơn
204	51N-140.44	Hồ Chí Minh	1804	51N-051.79	Hồ Chí Minh	3404	12A-263.86	Lạng Sơn
205	51N-141.89	Hồ Chí Minh	1805	51N-055.99	Hồ Chí Minh	3405	12A-272.66	Lạng Sơn
206	51N-149.11	Hồ Chí Minh	1806	51N-074.99	Hồ Chí Minh	3406	12D-010.10	Lạng Sơn
207	51N-150.00	Hồ Chí Minh	1807	51N-075.11	Hồ Chí Minh	3407	14A-990.77	Quảng Ninh
208	51N-154.11	Hồ Chí Minh	1808	51N-086.22	Hồ Chí Minh	3408	14A-993.94	Quảng Ninh
209	11B-016.39	Cao Bằng	1809	51N-111.28	Hồ Chí Minh	3409	14A-994.94	Quảng Ninh
210	11D-009.44	Cao Bằng	1810	51N-127.72	Hồ Chí Minh	3410	14A-997.33	Quảng Ninh
211	11D-009.68	Cao Bằng	1811	51N-128.86	Hồ Chí Minh	3411	14A-997.89	Quảng Ninh
212	12A-263.55	Lạng Sơn	1812	51N-133.00	Hồ Chí Minh	3412	14B-054.69	Quảng Ninh
213	12A-264.79	Lạng Sơn	1813	51N-141.77	Hồ Chí Minh	3413	14B-055.56	Quảng Ninh
214	12A-264.86	Lạng Sơn	1814	51N-142.22	Hồ Chí Minh	3414	14C-454.33	Quảng Ninh
215	12A-272.68	Lạng Sơn	1815	51N-143.86	Hồ Chí Minh	3415	14C-459.79	Quảng Ninh
216	12B-018.33	Lạng Sơn	1816	51N-148.41	Hồ Chí Minh	3416	14C-460.79	Quảng Ninh
217	12C-139.99	Lạng Sơn	1817	51N-149.22	Hồ Chí Minh	3417	14C-465.99	Quảng Ninh
218	12C-143.86	Lạng Sơn	1818	51N-149.49	Hồ Chí Minh	3418	14C-468.44	Quảng Ninh
219	14A-994.88	Quảng Ninh	1819	51N-152.52	Hồ Chí Minh	3419	14D-029.44	Quảng Ninh
220	14A-999.46	Quảng Ninh	1820	11A-141.33	Cao Bằng	3420	14D-032.79	Quảng Ninh
221	14B-055.05	Quảng Ninh	1821	11C-087.86	Cao Bằng	3421	14K-003.55	Quảng Ninh
222	14C-461.69	Quảng Ninh	1822	11D-009.11	Cao Bằng	3422	14K-006.55	Quảng Ninh
223	14K-000.27	Quảng Ninh	1823	11D-009.55	Cao Bằng	3423	14K-012.88	Quảng Ninh
224	14K-008.69	Quảng Ninh	1824	12A-268.62	Lạng Sơn	3424	14K-016.69	Quảng Ninh
225	14K-011.33	Quảng Ninh	1825	12A-269.79	Lạng Sơn	3425	14K-016.79	Quảng Ninh
226	14K-017.86	Quảng Ninh	1826	12A-270.44	Lạng Sơn	3426	14K-021.22	Quảng Ninh
227	14K-018.68	Quảng Ninh	1827	12A-272.44	Lạng Sơn	3427	14K-022.86	Quảng Ninh
228	14K-025.44	Quảng Ninh	1828	12C-140.14	Lạng Sơn	3428	14K-023.66	Quảng Ninh
229	14K-036.11	Quảng Ninh	1829	12C-142.77	Lạng Sơn	3429	14K-030.44	Quảng Ninh
230	14K-038.44	Quảng Ninh	1830	12D-008.69	Lạng Sơn	3430	14K-039.33	Quảng Ninh
231	14K-047.99	Quảng Ninh	1831	14A-990.33	Quảng Ninh	3431	15B-058.05	Hải Phòng
232	14K-048.04	Quảng Ninh	1832	14A-991.33	Quảng Ninh	3432	15C-481.79	Hải Phòng
233	15C-484.69	Hải Phòng	1833	14A-992.89	Quảng Ninh	3433	15C-482.77	Hải Phòng
234	15C-490.09	Hải Phòng	1834	14A-997.88	Quảng Ninh	3434	15C-482.89	Hải Phòng
235	15C-493.11	Hải Phòng	1835	14B-053.99	Quảng Ninh	3435	15C-489.22	Hải Phòng
236	15K-432.44	Hải Phòng	1836	14C-451.22	Quảng Ninh	3436	15C-495.77	Hải Phòng
237	15K-432.88	Hải Phòng	1837	14C-460.46	Quảng Ninh	3437	15C-495.96	Hải Phòng
238	15K-435.88	Hải Phòng	1838	14C-460.55	Quảng Ninh	3438	15D-056.50	Hải Phòng
239	15K-436.39	Hải Phòng	1839	14C-461.16	Quảng Ninh	3439	15K-428.77	Hải Phòng
240	15K-439.96	Hải Phòng	1840	14K-009.88	Quảng Ninh	3440	15K-435.39	Hải Phòng
241	15K-440.40	Hải Phòng	1841	14K-010.66	Quảng Ninh	3441	15K-437.77	Hải Phòng
242	15K-443.69	Hải Phòng	1842	14K-010.99	Quảng Ninh	3442	15K-442.11	Hải Phòng
243	15K-451.55	Hải Phòng	1843	14K-015.10	Quảng Ninh	3443	15K-442.86	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	15K-453.69	Hải Phòng	1844	14K-019.98	Quảng Ninh	3444	15K-445.11	Hải Phòng
245	15K-456.22	Hải Phòng	1845	14K-026.33	Quảng Ninh	3445	15K-450.86	Hải Phòng
246	15K-467.99	Hải Phòng	1846	14K-029.66	Quảng Ninh	3446	15K-460.79	Hải Phòng
247	15K-472.44	Hải Phòng	1847	14K-032.32	Quảng Ninh	3447	15K-470.88	Hải Phòng
248	15K-472.99	Hải Phòng	1848	14K-035.77	Quảng Ninh	3448	15K-471.74	Hải Phòng
249	15K-476.39	Hải Phòng	1849	14K-039.96	Quảng Ninh	3449	15K-476.11	Hải Phòng
250	15K-476.88	Hải Phòng	1850	15B-056.22	Hải Phòng	3450	15K-476.67	Hải Phòng
251	15K-483.86	Hải Phòng	1851	15B-058.44	Hải Phòng	3451	15K-476.69	Hải Phòng
252	15K-484.00	Hải Phòng	1852	15B-058.50	Hải Phòng	3452	15K-496.77	Hải Phòng
253	15K-485.48	Hải Phòng	1853	15C-483.39	Hải Phòng	3453	15K-499.77	Hải Phòng
254	15K-487.00	Hải Phòng	1854	15C-487.39	Hải Phòng	3454	15K-501.11	Hải Phòng
255	15K-489.77	Hải Phòng	1855	15C-489.69	Hải Phòng	3455	15K-511.89	Hải Phòng
256	15K-492.55	Hải Phòng	1856	15C-491.55	Hải Phòng	3456	17A-494.99	Thái Bình
257	15K-498.11	Hải Phòng	1857	15C-494.89	Hải Phòng	3457	17A-496.44	Thái Bình
258	15K-505.89	Hải Phòng	1858	15C-495.86	Hải Phòng	3458	17A-499.55	Thái Bình
259	17A-492.93	Thái Bình	1859	15D-054.44	Hải Phòng	3459	17A-506.33	Thái Bình
260	17A-495.11	Thái Bình	1860	15D-055.68	Hải Phòng	3460	17A-512.12	Thái Bình
261	17A-501.39	Thái Bình	1861	15K-427.28	Hải Phòng	3461	17A-512.21	Thái Bình
262	17A-502.00	Thái Bình	1862	15K-428.22	Hải Phòng	3462	17C-217.71	Thái Bình
263	17A-505.11	Thái Bình	1863	15K-432.22	Hải Phòng	3463	17D-013.33	Thái Bình
264	17A-511.99	Thái Bình	1864	15K-434.00	Hải Phòng	3464	17D-014.10	Thái Bình
265	17B-031.69	Thái Bình	1865	15K-439.66	Hải Phòng	3465	17D-015.86	Thái Bình
266	17C-221.77	Thái Bình	1866	15K-444.39	Hải Phòng	3466	18A-497.39	Nam Định
267	17C-222.68	Thái Bình	1867	15K-458.86	Hải Phòng	3467	18A-497.55	Nam Định
268	18A-493.22	Nam Định	1868	15K-459.89	Hải Phòng	3468	18A-503.55	Nam Định
269	18A-494.77	Nam Định	1869	15K-462.11	Hải Phòng	3469	18A-503.89	Nam Định
270	18A-499.86	Nam Định	1870	15K-464.65	Hải Phòng	3470	18A-504.68	Nam Định
271	18A-502.03	Nam Định	1871	15K-473.77	Hải Phòng	3471	18A-506.33	Nam Định
272	18A-507.89	Nam Định	1872	15K-491.77	Hải Phòng	3472	18A-506.68	Nam Định
273	18A-509.33	Nam Định	1873	15K-493.79	Hải Phòng	3473	18A-509.11	Nam Định
274	18A-509.77	Nam Định	1874	15K-495.66	Hải Phòng	3474	18C-174.71	Nam Định
275	18B-032.99	Nam Định	1875	15K-499.68	Hải Phòng	3475	18C-175.17	Nam Định
276	18D-017.71	Nam Định	1876	15K-505.79	Hải Phòng	3476	18C-178.44	Nam Định
277	18D-017.86	Nam Định	1877	15K-506.11	Hải Phòng	3477	18C-179.22	Nam Định
278	19A-719.17	Phú Thọ	1878	15K-507.86	Hải Phòng	3478	18C-180.88	Nam Định
279	19A-719.95	Phú Thọ	1879	17A-494.89	Thái Bình	3479	19A-715.88	Phú Thọ
280	19A-749.55	Phú Thọ	1880	17A-497.55	Thái Bình	3480	19A-716.22	Phú Thọ
281	19B-028.29	Phú Thọ	1881	17A-500.44	Thái Bình	3481	19A-721.27	Phú Thọ
282	19C-264.22	Phú Thọ	1882	17A-501.05	Thái Bình	3482	19A-721.33	Phú Thọ
283	19C-268.88	Phú Thọ	1883	17A-508.22	Thái Bình	3483	19A-724.24	Phú Thọ
284	19C-279.22	Phú Thọ	1884	17A-511.44	Thái Bình	3484	19A-728.29	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	19C-279.89	Phú Thọ	1885	17A-513.68	Thái Bình	3485	19A-739.88	Phú Thọ
286	19C-280.69	Phú Thọ	1886	18A-494.94	Nam Định	3486	19A-745.22	Phú Thọ
287	19D-021.39	Phú Thọ	1887	18A-495.11	Nam Định	3487	19A-752.52	Phú Thọ
288	20A-863.55	Thái Nguyên	1888	18A-501.66	Nam Định	3488	19A-756.33	Phú Thọ
289	20A-871.71	Thái Nguyên	1889	18A-503.99	Nam Định	3489	19A-756.86	Phú Thọ
290	20A-875.57	Thái Nguyên	1890	18A-506.79	Nam Định	3490	19A-756.89	Phú Thọ
291	20A-882.83	Thái Nguyên	1891	18A-509.50	Nam Định	3491	19A-757.11	Phú Thọ
292	20A-884.84	Thái Nguyên	1892	18A-512.55	Nam Định	3492	19B-029.00	Phú Thọ
293	20A-887.11	Thái Nguyên	1893	18C-176.22	Nam Định	3493	19B-030.11	Phú Thọ
294	20A-893.86	Thái Nguyên	1894	18C-177.79	Nam Định	3494	19C-263.55	Phú Thọ
295	20A-893.89	Thái Nguyên	1895	19A-719.69	Phú Thọ	3495	19C-278.39	Phú Thọ
296	20A-896.97	Thái Nguyên	1896	19A-720.86	Phú Thọ	3496	19C-278.77	Phú Thọ
297	20A-899.39	Thái Nguyên	1897	19A-720.89	Phú Thọ	3497	20A-862.88	Thái Nguyên
298	20A-901.90	Thái Nguyên	1898	19A-726.00	Phú Thọ	3498	20A-864.99	Thái Nguyên
299	20B-038.69	Thái Nguyên	1899	19A-727.88	Phú Thọ	3499	20A-866.55	Thái Nguyên
300	20C-309.90	Thái Nguyên	1900	19A-732.66	Phú Thọ	3500	20A-872.11	Thái Nguyên
301	20C-314.88	Thái Nguyên	1901	19A-735.77	Phú Thọ	3501	20A-877.55	Thái Nguyên
302	20C-317.77	Thái Nguyên	1902	19A-745.88	Phú Thọ	3502	20A-894.86	Thái Nguyên
303	20D-033.99	Thái Nguyên	1903	19A-749.22	Phú Thọ	3503	20A-897.11	Thái Nguyên
304	21A-230.11	Yên Bái	1904	19A-750.11	Phú Thọ	3504	20B-037.00	Thái Nguyên
305	21B-016.16	Yên Bái	1905	19A-751.39	Phú Thọ	3505	20B-038.55	Thái Nguyên
306	21C-111.26	Yên Bái	1906	19A-751.57	Phú Thọ	3506	20C-315.11	Thái Nguyên
307	21D-006.89	Yên Bái	1907	19B-029.68	Phú Thọ	3507	20C-317.33	Thái Nguyên
308	22A-275.66	Tuyên Quang	1908	19C-269.99	Phú Thọ	3508	20C-319.69	Thái Nguyên
309	22A-283.84	Tuyên Quang	1909	19C-276.22	Phú Thọ	3509	20C-321.99	Thái Nguyên
310	22C-113.11	Tuyên Quang	1910	19C-277.11	Phú Thọ	3510	20D-035.68	Thái Nguyên
311	22C-114.22	Tuyên Quang	1911	19C-279.44	Phú Thọ	3511	21A-222.11	Yên Bái
312	22C-116.22	Tuyên Quang	1912	19D-022.66	Phú Thọ	3512	21A-225.25	Yên Bái
313	23A-163.89	Hà Giang	1913	20A-862.68	Thái Nguyên	3513	21A-226.89	Yên Bái
314	23A-165.69	Hà Giang	1914	20A-873.39	Thái Nguyên	3514	21A-229.00	Yên Bái
315	23A-171.17	Hà Giang	1915	20A-881.00	Thái Nguyên	3515	21A-229.44	Yên Bái
316	23B-014.77	Hà Giang	1916	20A-887.66	Thái Nguyên	3516	21B-015.99	Yên Bái
317	23C-091.22	Hà Giang	1917	20A-903.39	Thái Nguyên	3517	21C-111.56	Yên Bái
318	23D-010.55	Hà Giang	1918	20A-903.66	Thái Nguyên	3518	21C-111.79	Yên Bái
319	24A-318.86	Lào Cai	1919	20C-318.55	Thái Nguyên	3519	21C-113.68	Yên Bái
320	24C-170.44	Lào Cai	1920	20D-034.39	Thái Nguyên	3520	21D-008.00	Yên Bái
321	24D-011.12	Lào Cai	1921	20D-034.77	Thái Nguyên	3521	22A-270.22	Tuyên Quang
322	24D-012.68	Lào Cai	1922	20D-035.99	Thái Nguyên	3522	22A-279.66	Tuyên Quang
323	25B-010.79	Lai Châu	1923	21A-229.77	Yên Bái	3523	23B-013.39	Hà Giang
324	25C-059.88	Lai Châu	1924	21A-230.55	Yên Bái	3524	23D-010.99	Hà Giang
325	25D-009.90	Lai Châu	1925	21A-230.79	Yên Bái	3525	24A-323.23	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	26A-238.44	Sơn La	1926	21C-112.89	Yên Bái	3526	24B-020.39	Lào Cai
327	26A-240.77	Sơn La	1927	21C-114.44	Yên Bái	3527	24B-022.02	Lào Cai
328	26C-166.55	Sơn La	1928	21D-007.00	Yên Bái	3528	24B-022.68	Lào Cai
329	26D-013.77	Sơn La	1929	22A-272.99	Tuyên Quang	3529	24C-169.44	Lào Cai
330	27A-130.00	Điện Biên	1930	22A-273.73	Tuyên Quang	3530	24D-010.69	Lào Cai
331	27A-131.66	Điện Biên	1931	22A-275.88	Tuyên Quang	3531	25B-010.11	Lai Châu
332	27A-133.89	Điện Biên	1932	22C-114.88	Tuyên Quang	3532	25D-007.07	Lai Châu
333	27A-135.36	Điện Biên	1933	22C-115.22	Tuyên Quang	3533	26A-235.66	Sơn La
334	27D-010.79	Điện Biên	1934	23A-164.44	Hà Giang	3534	26A-242.24	Sơn La
335	28A-264.77	Hòa Bình	1935	23A-168.77	Hà Giang	3535	26A-244.11	Sơn La
336	28A-270.71	Hòa Bình	1936	23C-092.92	Hà Giang	3536	26C-163.64	Sơn La
337	28B-019.88	Hòa Bình	1937	23D-007.99	Hà Giang	3537	26C-169.44	Sơn La
338	28D-011.55	Hòa Bình	1938	23D-008.99	Hà Giang	3538	27C-075.76	Điện Biên
339	29B-661.62	Hà Nội	1939	24A-320.11	Lào Cai	3539	27C-076.86	Điện Biên
340	29D-629.26	Hà Nội	1940	24B-020.77	Lào Cai	3540	27D-007.33	Điện Biên
341	29D-632.89	Hà Nội	1941	24B-021.77	Lào Cai	3541	28A-263.22	Hòa Bình
342	29D-638.66	Hà Nội	1942	24D-009.89	Lào Cai	3542	28A-263.99	Hòa Bình
343	29D-639.11	Hà Nội	1943	25B-008.11	Lai Châu	3543	28A-264.44	Hòa Bình
344	29K-331.32	Hà Nội	1944	25B-009.77	Lai Châu	3544	28A-265.62	Hòa Bình
345	29K-333.86	Hà Nội	1945	25D-006.77	Lai Châu	3545	28A-266.89	Hòa Bình
346	29K-335.11	Hà Nội	1946	26A-236.69	Sơn La	3546	28B-017.39	Hòa Bình
347	29K-342.66	Hà Nội	1947	26B-019.00	Sơn La	3547	28B-020.55	Hòa Bình
348	29K-343.00	Hà Nội	1948	26B-020.66	Sơn La	3548	28B-020.69	Hòa Bình
349	29K-382.55	Hà Nội	1949	26C-167.66	Sơn La	3549	29B-658.68	Hà Nội
350	29K-383.00	Hà Nội	1950	26C-169.22	Sơn La	3550	29B-659.66	Hà Nội
351	29K-391.79	Hà Nội	1951	26D-016.22	Sơn La	3551	29D-629.92	Hà Nội
352	29K-392.55	Hà Nội	1952	27A-131.11	Điện Biên	3552	29D-633.36	Hà Nội
353	29K-396.88	Hà Nội	1953	27A-131.33	Điện Biên	3553	29D-637.79	Hà Nội
354	29K-421.00	Hà Nội	1954	27C-074.70	Điện Biên	3554	29K-335.44	Hà Nội
355	29K-433.43	Hà Nội	1955	27D-009.55	Điện Biên	3555	29K-341.22	Hà Nội
356	29K-436.33	Hà Nội	1956	28A-268.44	Hòa Bình	3556	29K-354.11	Hà Nội
357	29K-441.22	Hà Nội	1957	28A-271.66	Hòa Bình	3557	29K-367.63	Hà Nội
358	29K-452.45	Hà Nội	1958	28B-017.68	Hòa Bình	3558	29K-371.00	Hà Nội
359	29K-453.77	Hà Nội	1959	28C-125.68	Hòa Bình	3559	29K-382.88	Hà Nội
360	29K-457.39	Hà Nội	1960	28D-011.66	Hòa Bình	3560	29K-383.22	Hà Nội
361	29K-457.86	Hà Nội	1961	28D-014.68	Hòa Bình	3561	29K-387.44	Hà Nội
362	29K-461.69	Hà Nội	1962	29B-659.65	Hà Nội	3562	29K-391.91	Hà Nội
363	29K-463.89	Hà Nội	1963	29D-631.33	Hà Nội	3563	29K-399.86	Hà Nội
364	29K-471.55	Hà Nội	1964	29K-327.77	Hà Nội	3564	29K-408.69	Hà Nội
365	29K-474.74	Hà Nội	1965	29K-331.88	Hà Nội	3565	29K-412.69	Hà Nội
366	29K-475.11	Hà Nội	1966	29K-337.68	Hà Nội	3566	29K-413.69	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29K-475.99	Hà Nội	1967	29K-349.49	Hà Nội	3567	29K-414.39	Hà Nội
368	29K-476.55	Hà Nội	1968	29K-354.99	Hà Nội	3568	29K-422.44	Hà Nội
369	34A-925.77	Hải Dương	1969	29K-365.86	Hà Nội	3569	29K-425.86	Hà Nội
370	34A-926.29	Hải Dương	1970	29K-370.68	Hà Nội	3570	29K-428.77	Hà Nội
371	34A-934.11	Hải Dương	1971	29K-372.11	Hà Nội	3571	29K-432.99	Hà Nội
372	34A-936.63	Hải Dương	1972	29K-375.44	Hà Nội	3572	29K-433.00	Hà Nội
373	34A-941.88	Hải Dương	1973	29K-376.69	Hà Nội	3573	29K-443.00	Hà Nội
374	34A-948.44	Hải Dương	1974	29K-379.69	Hà Nội	3574	29K-444.89	Hà Nội
375	34A-957.68	Hải Dương	1975	29K-380.79	Hà Nội	3575	29K-447.66	Hà Nội
376	34A-962.77	Hải Dương	1976	29K-381.00	Hà Nội	3576	29K-450.39	Hà Nội
377	34C-435.79	Hải Dương	1977	29K-397.55	Hà Nội	3577	29K-450.69	Hà Nội
378	34C-437.73	Hải Dương	1978	29K-407.33	Hà Nội	3578	29K-458.88	Hà Nội
379	34C-440.39	Hải Dương	1979	29K-413.99	Hà Nội	3579	29K-466.00	Hà Nội
380	34C-443.79	Hải Dương	1980	29K-416.16	Hà Nội	3580	29K-466.69	Hà Nội
381	34C-448.88	Hải Dương	1981	29K-417.88	Hà Nội	3581	29K-468.11	Hà Nội
382	35A-468.55	Ninh Bình	1982	29K-418.39	Hà Nội	3582	34A-922.55	Hải Dương
383	35A-470.07	Ninh Bình	1983	29K-423.68	Hà Nội	3583	34A-949.96	Hải Dương
384	35A-470.99	Ninh Bình	1984	29K-432.33	Hà Nội	3584	34A-951.00	Hải Dương
385	35A-471.89	Ninh Bình	1985	29K-432.86	Hà Nội	3585	34A-951.22	Hải Dương
386	35A-472.44	Ninh Bình	1986	29K-434.44	Hà Nội	3586	34A-955.56	Hải Dương
387	35A-472.86	Ninh Bình	1987	29K-440.41	Hà Nội	3587	34A-961.89	Hải Dương
388	35B-025.11	Ninh Bình	1988	29K-441.41	Hà Nội	3588	34A-963.36	Hải Dương
389	35C-186.33	Ninh Bình	1989	29K-447.77	Hà Nội	3589	34A-976.55	Hải Dương
390	35D-019.66	Ninh Bình	1990	29K-450.51	Hà Nội	3590	34B-043.77	Hải Dương
391	36B-050.44	Thanh Hóa	1991	29K-461.00	Hà Nội	3591	34C-434.44	Hải Dương
392	36B-050.77	Thanh Hóa	1992	29K-462.44	Hà Nội	3592	34C-439.66	Hải Dương
393	36C-547.44	Thanh Hóa	1993	29K-469.77	Hà Nội	3593	34C-445.55	Hải Dương
394	36C-557.44	Thanh Hóa	1994	29K-473.33	Hà Nội	3594	34C-448.66	Hải Dương
395	36C-561.77	Thanh Hóa	1995	34A-921.39	Hải Dương	3595	34C-450.51	Hải Dương
396	36C-565.66	Thanh Hóa	1996	34A-922.23	Hải Dương	3596	34D-040.89	Hải Dương
397	36C-578.88	Thanh Hóa	1997	34A-924.92	Hải Dương	3597	34D-041.69	Hải Dương
398	36C-580.44	Thanh Hóa	1998	34A-926.33	Hải Dương	3598	35A-465.00	Ninh Bình
399	36C-580.68	Thanh Hóa	1999	34A-929.66	Hải Dương	3599	35A-466.33	Ninh Bình
400	36C-581.69	Thanh Hóa	2000	34A-934.89	Hải Dương	3600	35A-478.99	Ninh Bình
401	36D-030.77	Thanh Hóa	2001	34A-943.00	Hải Dương	3601	35A-480.77	Ninh Bình
402	36K-235.00	Thanh Hóa	2002	34A-950.79	Hải Dương	3602	35B-022.44	Ninh Bình
403	36K-235.44	Thanh Hóa	2003	34A-951.15	Hải Dương	3603	35B-024.68	Ninh Bình
404	36K-236.37	Thanh Hóa	2004	34A-951.89	Hải Dương	3604	35B-024.77	Ninh Bình
405	36K-237.86	Thanh Hóa	2005	34A-961.77	Hải Dương	3605	35C-179.71	Ninh Bình
406	36K-240.33	Thanh Hóa	2006	34A-972.27	Hải Dương	3606	35C-183.86	Ninh Bình
407	36K-242.24	Thanh Hóa	2007	34C-446.00	Hải Dương	3607	35C-184.68	Ninh Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	36K-243.11	Thanh Hóa	2008	34C-446.79	Hải Dương	3608	35D-016.10	Ninh Bình
409	36K-246.44	Thanh Hóa	2009	34C-451.68	Hải Dương	3609	36C-549.00	Thanh Hóa
410	36K-250.68	Thanh Hóa	2010	35A-468.11	Ninh Bình	3610	36C-549.89	Thanh Hóa
411	36K-251.55	Thanh Hóa	2011	35A-472.73	Ninh Bình	3611	36C-557.33	Thanh Hóa
412	36K-262.66	Thanh Hóa	2012	35C-182.11	Ninh Bình	3612	36C-565.99	Thanh Hóa
413	36K-263.88	Thanh Hóa	2013	35C-186.18	Ninh Bình	3613	36C-566.69	Thanh Hóa
414	36K-276.27	Thanh Hóa	2014	36B-047.79	Thanh Hóa	3614	36C-570.89	Thanh Hóa
415	36K-277.78	Thanh Hóa	2015	36B-048.22	Thanh Hóa	3615	36C-576.77	Thanh Hóa
416	36K-280.44	Thanh Hóa	2016	36B-049.40	Thanh Hóa	3616	36K-232.22	Thanh Hóa
417	36K-286.44	Thanh Hóa	2017	36C-549.45	Thanh Hóa	3617	36K-238.86	Thanh Hóa
418	36K-287.88	Thanh Hóa	2018	36C-549.66	Thanh Hóa	3618	36K-239.44	Thanh Hóa
419	36K-288.11	Thanh Hóa	2019	36C-557.22	Thanh Hóa	3619	36K-241.14	Thanh Hóa
420	36K-294.55	Thanh Hóa	2020	36C-570.55	Thanh Hóa	3620	36K-241.39	Thanh Hóa
421	36K-300.11	Thanh Hóa	2021	36C-570.77	Thanh Hóa	3621	36K-250.88	Thanh Hóa
422	36K-306.60	Thanh Hóa	2022	36C-574.00	Thanh Hóa	3622	36K-252.25	Thanh Hóa
423	37B-049.96	Nghệ An	2023	36K-234.11	Thanh Hóa	3623	36K-259.25	Thanh Hóa
424	37C-570.75	Nghệ An	2024	36K-234.33	Thanh Hóa	3624	36K-259.95	Thanh Hóa
425	37C-572.77	Nghệ An	2025	36K-254.86	Thanh Hóa	3625	36K-272.11	Thanh Hóa
426	37C-573.11	Nghệ An	2026	36K-255.52	Thanh Hóa	3626	36K-274.74	Thanh Hóa
427	37C-580.77	Nghệ An	2027	36K-260.11	Thanh Hóa	3627	36K-286.33	Thanh Hóa
428	37C-582.79	Nghệ An	2028	36K-264.66	Thanh Hóa	3628	36K-288.69	Thanh Hóa
429	37C-582.82	Nghệ An	2029	36K-266.79	Thanh Hóa	3629	36K-290.39	Thanh Hóa
430	37C-587.11	Nghệ An	2030	36K-269.44	Thanh Hóa	3630	36K-292.69	Thanh Hóa
431	37C-591.39	Nghệ An	2031	36K-270.55	Thanh Hóa	3631	36K-297.92	Thanh Hóa
432	37D-047.47	Nghệ An	2032	36K-274.86	Thanh Hóa	3632	36K-301.66	Thanh Hóa
433	37D-050.77	Nghệ An	2033	36K-280.68	Thanh Hóa	3633	37C-572.57	Nghệ An
434	37K-484.22	Nghệ An	2034	36K-282.99	Thanh Hóa	3634	37C-576.79	Nghệ An
435	37K-492.55	Nghệ An	2035	36K-285.11	Thanh Hóa	3635	37C-578.00	Nghệ An
436	37K-518.77	Nghệ An	2036	36K-294.77	Thanh Hóa	3636	37C-587.33	Nghệ An
437	37K-521.89	Nghệ An	2037	36K-295.95	Thanh Hóa	3637	37C-587.79	Nghệ An
438	37K-525.89	Nghệ An	2038	36K-296.92	Thanh Hóa	3638	37C-591.89	Nghệ An
439	37K-539.44	Nghệ An	2039	36K-303.89	Thanh Hóa	3639	37C-592.88	Nghệ An
440	37K-547.22	Nghệ An	2040	37C-570.55	Nghệ An	3640	37K-483.55	Nghệ An
441	37K-550.66	Nghệ An	2041	37C-572.72	Nghệ An	3641	37K-483.66	Nghệ An
442	37K-555.46	Nghệ An	2042	37C-576.44	Nghệ An	3642	37K-501.66	Nghệ An
443	37K-558.22	Nghệ An	2043	37C-578.79	Nghệ An	3643	37K-503.86	Nghệ An
444	37K-562.39	Nghệ An	2044	37C-578.99	Nghệ An	3644	37K-519.77	Nghệ An
445	37K-564.00	Nghệ An	2045	37C-581.11	Nghệ An	3645	37K-529.44	Nghệ An
446	37K-564.56	Nghệ An	2046	37C-582.68	Nghệ An	3646	37K-532.39	Nghệ An
447	37K-570.57	Nghệ An	2047	37C-586.44	Nghệ An	3647	37K-539.66	Nghệ An
448	37K-571.79	Nghệ An	2048	37C-587.77	Nghệ An	3648	37K-547.69	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	37K-574.44	Nghệ An	2049	37C-593.69	Nghệ An	3649	37K-548.89	Nghệ An
450	38A-679.67	Hà Tĩnh	2050	37C-594.66	Nghệ An	3650	37K-554.77	Nghệ An
451	38A-681.44	Hà Tĩnh	2051	37C-595.66	Nghệ An	3651	37K-559.88	Nghệ An
452	38A-696.33	Hà Tĩnh	2052	37D-048.00	Nghệ An	3652	37K-560.22	Nghệ An
453	38A-706.00	Hà Tĩnh	2053	37K-489.11	Nghệ An	3653	37K-568.11	Nghệ An
454	38A-708.89	Hà Tĩnh	2054	37K-501.55	Nghệ An	3654	37K-572.69	Nghệ An
455	38A-711.17	Hà Tĩnh	2055	37K-506.99	Nghệ An	3655	38A-680.79	Hà Tĩnh
456	38B-023.24	Hà Tĩnh	2056	37K-508.08	Nghệ An	3656	38A-687.88	Hà Tĩnh
457	38B-024.89	Hà Tĩnh	2057	37K-509.86	Nghệ An	3657	38A-692.39	Hà Tĩnh
458	38C-246.11	Hà Tĩnh	2058	37K-510.01	Nghệ An	3658	38A-703.77	Hà Tĩnh
459	38C-247.68	Hà Tĩnh	2059	37K-513.15	Nghệ An	3659	38A-704.44	Hà Tĩnh
460	38C-247.69	Hà Tĩnh	2060	37K-514.41	Nghệ An	3660	38A-709.86	Hà Tĩnh
461	38C-248.68	Hà Tĩnh	2061	37K-526.99	Nghệ An	3661	38A-711.44	Hà Tĩnh
462	38C-250.00	Hà Tĩnh	2062	37K-531.66	Nghệ An	3662	38C-251.55	Hà Tĩnh
463	38C-250.99	Hà Tĩnh	2063	37K-539.89	Nghệ An	3663	38C-252.69	Hà Tĩnh
464	43A-960.68	Đà Nẵng	2064	37K-548.11	Nghệ An	3664	38C-253.99	Hà Tĩnh
465	43A-960.69	Đà Nẵng	2065	37K-550.55	Nghệ An	3665	43A-942.00	Đà Nẵng
466	43A-960.96	Đà Nẵng	2066	37K-552.22	Nghệ An	3666	43A-943.86	Đà Nẵng
467	43A-964.22	Đà Nẵng	2067	37K-553.00	Nghệ An	3667	43A-947.44	Đà Nẵng
468	43A-967.22	Đà Nẵng	2068	37K-554.66	Nghệ An	3668	43A-953.35	Đà Nẵng
469	43A-969.79	Đà Nẵng	2069	37K-555.14	Nghệ An	3669	43A-958.77	Đà Nẵng
470	43A-974.11	Đà Nẵng	2070	37K-559.77	Nghệ An	3670	43A-963.11	Đà Nẵng
471	43A-976.67	Đà Nẵng	2071	37K-569.33	Nghệ An	3671	43A-973.00	Đà Nẵng
472	43A-978.00	Đà Nẵng	2072	38A-681.00	Hà Tĩnh	3672	43A-977.33	Đà Nẵng
473	43C-321.00	Đà Nẵng	2073	38A-686.11	Hà Tĩnh	3673	43A-978.11	Đà Nẵng
474	43C-321.68	Đà Nẵng	2074	38A-689.68	Hà Tĩnh	3674	43A-978.87	Đà Nẵng
475	47A-817.39	Đắk Lắk	2075	38A-690.00	Hà Tĩnh	3675	43A-980.89	Đà Nẵng
476	47A-819.66	Đắk Lắk	2076	38A-697.00	Hà Tĩnh	3676	43B-065.00	Đà Nẵng
477	47A-820.44	Đắk Lắk	2077	38A-703.33	Hà Tĩnh	3677	43C-314.99	Đà Nẵng
478	47A-823.99	Đắk Lắk	2078	38A-707.39	Hà Tĩnh	3678	43D-013.89	Đà Nẵng
479	47A-830.86	Đắk Lắk	2079	38A-708.79	Hà Tĩnh	3679	47A-818.33	Đắk Lắk
480	47A-846.48	Đắk Lắk	2080	38B-026.26	Hà Tĩnh	3680	47A-819.68	Đắk Lắk
481	47A-853.44	Đắk Lắk	2081	38C-253.22	Hà Tĩnh	3681	47A-827.28	Đắk Lắk
482	47A-856.65	Đắk Lắk	2082	38D-021.68	Hà Tĩnh	3682	47A-827.44	Đắk Lắk
483	47A-859.22	Đắk Lắk	2083	43A-954.44	Đà Nẵng	3683	47A-827.66	Đắk Lắk
484	47B-043.33	Đắk Lắk	2084	43A-960.60	Đà Nẵng	3684	47A-841.11	Đắk Lắk
485	47C-410.88	Đắk Lắk	2085	43A-973.44	Đà Nẵng	3685	47A-841.42	Đắk Lắk
486	47C-411.99	Đắk Lắk	2086	43C-316.66	Đà Nẵng	3686	47A-841.86	Đắk Lắk
487	47C-414.15	Đắk Lắk	2087	43C-317.13	Đà Nẵng	3687	47A-845.86	Đắk Lắk
488	47C-414.89	Đắk Lắk	2088	43C-317.99	Đà Nẵng	3688	47A-848.22	Đắk Lắk
489	47C-416.69	Đắk Lắk	2089	43C-319.39	Đà Nẵng	3689	47A-848.49	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	47C-419.77	Đắk Lắk	2090	43C-323.32	Đà Nẵng	3690	47A-851.89	Đắk Lắk
491	47C-420.66	Đắk Lắk	2091	43D-015.15	Đà Nẵng	3691	47A-860.44	Đắk Lắk
492	47D-021.66	Đắk Lắk	2092	47A-821.68	Đắk Lắk	3692	47A-862.63	Đắk Lắk
493	48A-249.77	Đắk Nông	2093	47A-824.99	Đắk Lắk	3693	47A-862.69	Đắk Lắk
494	48A-250.86	Đắk Nông	2094	47A-828.00	Đắk Lắk	3694	47A-863.64	Đắk Lắk
495	48A-260.89	Đắk Nông	2095	47A-836.38	Đắk Lắk	3695	47C-404.39	Đắk Lắk
496	48C-117.17	Đắk Nông	2096	47A-839.83	Đắk Lắk	3696	47C-412.12	Đắk Lắk
497	48D-007.08	Đắk Nông	2097	47A-846.33	Đắk Lắk	3697	47C-419.88	Đắk Lắk
498	48D-008.08	Đắk Nông	2098	47A-851.77	Đắk Lắk	3698	47C-422.89	Đắk Lắk
499	49A-745.88	Lâm Đồng	2099	47A-851.79	Đắk Lắk	3699	47C-422.99	Đắk Lắk
500	49A-748.11	Lâm Đồng	2100	47A-853.77	Đắk Lắk	3700	47D-018.68	Đắk Lắk
501	49A-749.47	Lâm Đồng	2101	47A-854.44	Đắk Lắk	3701	47D-020.89	Đắk Lắk
502	49A-757.79	Lâm Đồng	2102	47A-861.33	Đắk Lắk	3702	48A-255.44	Đắk Nông
503	49A-760.55	Lâm Đồng	2103	47B-044.99	Đắk Lắk	3703	48B-013.79	Đắk Nông
504	49A-762.77	Lâm Đồng	2104	47C-399.33	Đắk Lắk	3704	48B-015.11	Đắk Nông
505	49A-772.72	Lâm Đồng	2105	47C-404.77	Đắk Lắk	3705	48C-121.88	Đắk Nông
506	49A-772.86	Lâm Đồng	2106	47C-405.22	Đắk Lắk	3706	49A-745.99	Lâm Đồng
507	49A-776.22	Lâm Đồng	2107	47C-417.22	Đắk Lắk	3707	49A-746.33	Lâm Đồng
508	49A-777.69	Lâm Đồng	2108	47D-021.21	Đắk Lắk	3708	49A-756.88	Lâm Đồng
509	49A-778.00	Lâm Đồng	2109	48A-248.55	Đắk Nông	3709	49A-767.11	Lâm Đồng
510	49B-032.88	Lâm Đồng	2110	48A-258.22	Đắk Nông	3710	49A-774.33	Lâm Đồng
511	49C-400.04	Lâm Đồng	2111	48A-258.33	Đắk Nông	3711	49A-777.55	Lâm Đồng
512	49D-016.61	Lâm Đồng	2112	48A-261.39	Đắk Nông	3712	49C-387.69	Lâm Đồng
513	51B-712.33	Hồ Chí Minh	2113	48C-120.77	Đắk Nông	3713	49C-388.89	Lâm Đồng
514	51B-713.11	Hồ Chí Minh	2114	49A-745.86	Lâm Đồng	3714	51B-715.77	Hồ Chí Minh
515	51E-341.43	Hồ Chí Minh	2115	49A-747.47	Lâm Đồng	3715	51B-716.16	Hồ Chí Minh
516	51E-341.68	Hồ Chí Minh	2116	49A-756.44	Lâm Đồng	3716	51E-348.84	Hồ Chí Minh
517	51E-351.33	Hồ Chí Minh	2117	49A-761.16	Lâm Đồng	3717	51E-348.99	Hồ Chí Minh
518	51E-351.88	Hồ Chí Minh	2118	49A-761.86	Lâm Đồng	3718	51E-350.05	Hồ Chí Minh
519	60B-078.44	Đồng Nai	2119	49A-762.11	Lâm Đồng	3719	60B-079.07	Đồng Nai
520	60B-080.44	Đồng Nai	2120	49A-768.39	Lâm Đồng	3720	60C-757.22	Đồng Nai
521	60C-760.55	Đồng Nai	2121	49A-770.88	Lâm Đồng	3721	60C-758.85	Đồng Nai
522	60C-762.11	Đồng Nai	2122	49A-775.86	Lâm Đồng	3722	60C-759.77	Đồng Nai
523	60C-762.63	Đồng Nai	2123	49A-779.22	Lâm Đồng	3723	60C-760.79	Đồng Nai
524	60C-767.44	Đồng Nai	2124	49C-384.33	Lâm Đồng	3724	60C-763.36	Đồng Nai
525	60C-772.72	Đồng Nai	2125	49C-384.99	Lâm Đồng	3725	60C-763.76	Đồng Nai
526	60C-775.88	Đồng Nai	2126	49C-386.44	Lâm Đồng	3726	60C-769.55	Đồng Nai
527	60C-778.33	Đồng Nai	2127	49C-389.79	Lâm Đồng	3727	60C-775.76	Đồng Nai
528	60C-786.11	Đồng Nai	2128	49C-389.96	Lâm Đồng	3728	60C-775.79	Đồng Nai
529	60C-793.86	Đồng Nai	2129	49C-390.99	Lâm Đồng	3729	60D-024.99	Đồng Nai
530	60K-619.89	Đồng Nai	2130	49C-396.79	Lâm Đồng	3730	60D-025.33	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	60K-624.55	Đồng Nai	2131	49D-015.39	Lâm Đồng	3731	60K-620.88	Đồng Nai
532	60K-627.69	Đồng Nai	2132	51E-342.66	Hồ Chí Minh	3732	60K-622.44	Đồng Nai
533	60K-629.96	Đồng Nai	2133	51E-351.79	Hồ Chí Minh	3733	60K-628.33	Đồng Nai
534	60K-636.00	Đồng Nai	2134	60B-078.68	Đồng Nai	3734	60K-631.22	Đồng Nai
535	60K-637.55	Đồng Nai	2135	60C-758.58	Đồng Nai	3735	60K-632.55	Đồng Nai
536	60K-644.69	Đồng Nai	2136	60C-759.96	Đồng Nai	3736	60K-633.39	Đồng Nai
537	60K-647.33	Đồng Nai	2137	60C-769.79	Đồng Nai	3737	60K-637.11	Đồng Nai
538	60K-652.68	Đồng Nai	2138	60C-770.99	Đồng Nai	3738	60K-642.39	Đồng Nai
539	60K-654.33	Đồng Nai	2139	60C-773.68	Đồng Nai	3739	60K-644.68	Đồng Nai
540	60K-658.39	Đồng Nai	2140	60C-790.00	Đồng Nai	3740	60K-646.69	Đồng Nai
541	60K-658.56	Đồng Nai	2141	60C-792.39	Đồng Nai	3741	60K-649.77	Đồng Nai
542	60K-665.00	Đồng Nai	2142	60C-792.44	Đồng Nai	3742	60K-650.33	Đồng Nai
543	60K-669.00	Đồng Nai	2143	60K-627.44	Đồng Nai	3743	60K-650.65	Đồng Nai
544	60K-674.69	Đồng Nai	2144	60K-637.79	Đồng Nai	3744	60K-650.68	Đồng Nai
545	60K-676.79	Đồng Nai	2145	60K-645.00	Đồng Nai	3745	60K-658.65	Đồng Nai
546	60K-678.22	Đồng Nai	2146	60K-647.00	Đồng Nai	3746	60K-669.79	Đồng Nai
547	60K-680.86	Đồng Nai	2147	60K-647.11	Đồng Nai	3747	60K-675.39	Đồng Nai
548	60K-682.77	Đồng Nai	2148	60K-648.69	Đồng Nai	3748	60K-678.77	Đồng Nai
549	60K-689.55	Đồng Nai	2149	60K-655.00	Đồng Nai	3749	60K-687.66	Đồng Nai
550	60K-701.88	Đồng Nai	2150	60K-659.96	Đồng Nai	3750	60K-690.44	Đồng Nai
551	61C-619.66	Bình Dương	2151	60K-662.11	Đồng Nai	3751	60K-695.11	Đồng Nai
552	61C-623.99	Bình Dương	2152	60K-662.79	Đồng Nai	3752	61B-047.22	Bình Dương
553	61C-630.03	Bình Dương	2153	60K-663.44	Đồng Nai	3753	61C-619.88	Bình Dương
554	61C-631.79	Bình Dương	2154	60K-665.11	Đồng Nai	3754	61C-627.11	Bình Dương
555	61C-634.33	Bình Dương	2155	60K-665.22	Đồng Nai	3755	61C-630.69	Bình Dương
556	61K-520.02	Bình Dương	2156	60K-672.55	Đồng Nai	3756	61C-631.68	Bình Dương
557	61K-528.68	Bình Dương	2157	60K-680.44	Đồng Nai	3757	61C-632.88	Bình Dương
558	61K-531.44	Bình Dương	2158	60K-682.83	Đồng Nai	3758	61C-634.66	Bình Dương
559	61K-535.66	Bình Dương	2159	60K-692.88	Đồng Nai	3759	61D-022.79	Bình Dương
560	61K-538.69	Bình Dương	2160	60K-694.44	Đồng Nai	3760	61D-026.00	Bình Dương
561	61K-538.99	Bình Dương	2161	60K-694.95	Đồng Nai	3761	61D-026.33	Bình Dương
562	61K-540.77	Bình Dương	2162	60K-701.86	Đồng Nai	3762	61K-525.86	Bình Dương
563	61K-547.22	Bình Dương	2163	61B-044.79	Bình Dương	3763	61K-530.39	Bình Dương
564	61K-551.22	Bình Dương	2164	61C-617.18	Bình Dương	3764	61K-531.35	Bình Dương
565	61K-562.22	Bình Dương	2165	61C-623.77	Bình Dương	3765	61K-537.69	Bình Dương
566	61K-565.77	Bình Dương	2166	61C-636.00	Bình Dương	3766	61K-542.79	Bình Dương
567	61K-580.89	Bình Dương	2167	61C-643.77	Bình Dương	3767	61K-548.00	Bình Dương
568	61K-581.85	Bình Dương	2168	61K-520.66	Bình Dương	3768	61K-549.11	Bình Dương
569	61K-584.99	Bình Dương	2169	61K-523.77	Bình Dương	3769	61K-552.68	Bình Dương
570	61K-594.39	Bình Dương	2170	61K-531.22	Bình Dương	3770	61K-561.79	Bình Dương
571	62A-474.00	Long An	2171	61K-544.66	Bình Dương	3771	61K-566.39	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	62A-482.83	Long An	2172	61K-550.33	Bình Dương	3772	61K-574.44	Bình Dương
573	62A-485.48	Long An	2173	61K-573.75	Bình Dương	3773	61K-576.22	Bình Dương
574	62A-488.77	Long An	2174	61K-574.89	Bình Dương	3774	61K-579.68	Bình Dương
575	62A-490.69	Long An	2175	61K-585.79	Bình Dương	3775	61K-583.86	Bình Dương
576	62A-491.69	Long An	2176	61K-587.58	Bình Dương	3776	61K-587.00	Bình Dương
577	62A-491.89	Long An	2177	61K-592.22	Bình Dương	3777	61K-588.77	Bình Dương
578	62C-218.19	Long An	2178	61K-594.55	Bình Dương	3778	61K-597.55	Bình Dương
579	62C-225.39	Long An	2179	61K-599.33	Bình Dương	3779	62A-492.88	Long An
580	62D-016.22	Long An	2180	62A-470.00	Long An	3780	62A-493.99	Long An
581	63A-332.00	Tiền Giang	2181	62A-492.33	Long An	3781	62C-219.96	Long An
582	63A-333.56	Tiền Giang	2182	62A-493.94	Long An	3782	62C-222.44	Long An
583	63A-337.55	Tiền Giang	2183	62C-220.00	Long An	3783	62C-225.22	Long An
584	63C-231.13	Tiền Giang	2184	62D-017.00	Long An	3784	62C-225.26	Long An
585	63C-237.86	Tiền Giang	2185	63A-329.77	Tiền Giang	3785	62D-015.39	Long An
586	63C-239.77	Tiền Giang	2186	63A-335.77	Tiền Giang	3786	63A-329.22	Tiền Giang
587	63D-014.99	Tiền Giang	2187	63A-336.00	Tiền Giang	3787	63A-333.46	Tiền Giang
588	63D-015.44	Tiền Giang	2188	63A-336.22	Tiền Giang	3788	63A-334.34	Tiền Giang
589	64A-206.00	Vĩnh Long	2189	63A-338.11	Tiền Giang	3789	63A-339.11	Tiền Giang
590	64A-208.22	Vĩnh Long	2190	63B-036.22	Tiền Giang	3790	63A-339.33	Tiền Giang
591	64A-209.69	Vĩnh Long	2191	63D-012.55	Tiền Giang	3791	63C-235.77	Tiền Giang
592	64A-209.88	Vĩnh Long	2192	63D-014.69	Tiền Giang	3792	63C-236.00	Tiền Giang
593	64A-213.13	Vĩnh Long	2193	64A-204.77	Vĩnh Long	3793	63C-236.86	Tiền Giang
594	64C-135.44	Vĩnh Long	2194	64A-207.44	Vĩnh Long	3794	64A-206.39	Vĩnh Long
595	65A-516.15	Cần Thơ	2195	64A-207.89	Vĩnh Long	3795	64A-210.12	Vĩnh Long
596	65A-519.89	Cần Thơ	2196	64A-214.14	Vĩnh Long	3796	64B-018.11	Vĩnh Long
597	65A-520.39	Cần Thơ	2197	64B-020.44	Vĩnh Long	3797	64C-140.11	Vĩnh Long
598	65A-521.25	Cần Thơ	2198	64C-136.99	Vĩnh Long	3798	64C-140.41	Vĩnh Long
599	65A-526.69	Cần Thơ	2199	64C-138.83	Vĩnh Long	3799	64D-007.44	Vĩnh Long
600	65A-532.53	Cần Thơ	2200	65A-531.69	Cần Thơ	3800	64D-008.68	Vĩnh Long
601	65A-533.39	Cần Thơ	2201	65B-025.25	Cần Thơ	3801	64D-010.11	Vĩnh Long
602	65A-533.86	Cần Thơ	2202	65C-249.49	Cần Thơ	3802	65C-248.99	Cần Thơ
603	65B-027.69	Cần Thơ	2203	65C-251.22	Cần Thơ	3803	65C-253.55	Cần Thơ
604	65C-252.86	Cần Thơ	2204	65C-255.69	Cần Thơ	3804	65C-258.79	Cần Thơ
605	65C-258.55	Cần Thơ	2205	65C-256.56	Cần Thơ	3805	65C-269.68	Cần Thơ
606	65D-013.77	Cần Thơ	2206	65C-260.39	Cần Thơ	3806	65D-012.88	Cần Thơ
607	66A-305.66	Đồng Tháp	2207	65C-267.66	Cần Thơ	3807	66A-304.68	Đồng Tháp
608	66A-315.55	Đồng Tháp	2208	65C-268.44	Cần Thơ	3808	66A-308.44	Đồng Tháp
609	66C-185.79	Đồng Tháp	2209	65C-268.88	Cần Thơ	3809	66A-309.55	Đồng Tháp
610	66C-190.55	Đồng Tháp	2210	65C-272.00	Cần Thơ	3810	66C-184.44	Đồng Tháp
611	66D-012.00	Đồng Tháp	2211	65C-272.33	Cần Thơ	3811	66D-013.55	Đồng Tháp
612	66D-014.99	Đồng Tháp	2212	66A-302.77	Đồng Tháp	3812	67A-331.13	An Giang

41
 NG 7
 Ủ GI
 DAN
 T NA
 AN - T

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	66D-015.00	Đồng Tháp	2213	66A-302.88	Đồng Tháp	3813	67A-332.79	An Giang
614	67A-338.00	An Giang	2214	66A-303.11	Đồng Tháp	3814	67A-333.11	An Giang
615	67A-342.34	An Giang	2215	66C-189.22	Đồng Tháp	3815	67A-334.39	An Giang
616	67B-032.77	An Giang	2216	66C-189.96	Đồng Tháp	3816	67A-337.00	An Giang
617	67C-191.11	An Giang	2217	66D-013.68	Đồng Tháp	3817	67A-338.22	An Giang
618	67C-193.39	An Giang	2218	67A-329.32	An Giang	3818	67C-194.55	An Giang
619	67C-196.91	An Giang	2219	67A-333.04	An Giang	3819	67C-194.86	An Giang
620	68A-369.89	Kiên Giang	2220	67A-339.88	An Giang	3820	68A-377.33	Kiên Giang
621	68C-181.39	Kiên Giang	2221	67A-341.89	An Giang	3821	68C-178.66	Kiên Giang
622	68C-183.68	Kiên Giang	2222	67A-345.69	An Giang	3822	68C-182.82	Kiên Giang
623	68D-010.01	Kiên Giang	2223	68A-374.88	Kiên Giang	3823	68D-008.00	Kiên Giang
624	69A-171.11	Cà Mau	2224	68A-376.67	Kiên Giang	3824	69A-172.79	Cà Mau
625	69C-104.86	Cà Mau	2225	68D-008.08	Kiên Giang	3825	69A-173.11	Cà Mau
626	69C-105.66	Cà Mau	2226	69A-172.86	Cà Mau	3826	69A-174.39	Cà Mau
627	69C-107.44	Cà Mau	2227	69A-173.86	Cà Mau	3827	69B-016.11	Cà Mau
628	69C-108.86	Cà Mau	2228	69A-174.17	Cà Mau	3828	69C-105.99	Cà Mau
629	70A-586.79	Tây Ninh	2229	69C-106.07	Cà Mau	3829	69C-107.00	Cà Mau
630	70A-595.79	Tây Ninh	2230	69D-006.68	Cà Mau	3830	69C-107.88	Cà Mau
631	70A-597.44	Tây Ninh	2231	70A-589.44	Tây Ninh	3831	69D-007.89	Cà Mau
632	70A-602.39	Tây Ninh	2232	70A-614.69	Tây Ninh	3832	69D-008.80	Cà Mau
633	70B-036.37	Tây Ninh	2233	70B-036.69	Tây Ninh	3833	70A-595.68	Tây Ninh
634	70C-213.31	Tây Ninh	2234	71A-213.13	Bến Tre	3834	70A-604.39	Tây Ninh
635	71A-219.44	Bến Tre	2235	71A-221.69	Bến Tre	3835	70B-034.35	Tây Ninh
636	71A-220.99	Bến Tre	2236	71A-222.34	Bến Tre	3836	70B-035.44	Tây Ninh
637	71A-222.86	Bến Tre	2237	71C-134.39	Bến Tre	3837	70C-213.11	Tây Ninh
638	71D-006.86	Bến Tre	2238	72A-843.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	3838	70C-213.88	Tây Ninh
639	72A-848.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2239	72A-845.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3839	70C-214.66	Tây Ninh
640	72A-849.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	2240	72A-869.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3840	71A-217.00	Bến Tre
641	72A-853.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2241	72A-874.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3841	71A-222.36	Bến Tre
642	72A-860.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2242	72A-876.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	3842	71B-023.02	Bến Tre
643	72A-870.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2243	72A-877.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3843	71C-138.86	Bến Tre
644	72A-873.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2244	72A-881.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3844	71D-008.88	Bến Tre
645	72A-875.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	2245	72C-267.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3845	72A-845.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
646	72A-876.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2246	72C-273.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3846	72A-847.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
647	72B-046.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2247	72C-275.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3847	72A-850.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
648	72C-272.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	2248	72C-277.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3848	72A-859.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
649	72C-274.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2249	73A-376.77	Quảng Bình	3849	72A-860.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
650	72C-275.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2250	73B-019.86	Quảng Bình	3850	72A-867.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
651	72C-279.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2251	73C-191.69	Quảng Bình	3851	72A-876.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
652	73A-371.37	Quảng Bình	2252	73C-193.77	Quảng Bình	3852	72A-877.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
653	73A-372.39	Quảng Bình	2253	73D-010.55	Quảng Bình	3853	72A-880.11	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	73A-373.77	Quảng Bình	2254	74A-284.11	Quảng Trị	3854	72A-881.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
655	73A-376.86	Quảng Bình	2255	74B-020.44	Quảng Trị	3855	72A-883.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
656	73A-382.99	Quảng Bình	2256	74B-020.79	Quảng Trị	3856	72B-046.64	Bà Rịa - Vũng Tàu
657	73C-191.86	Quảng Bình	2257	74C-145.22	Quảng Trị	3857	72C-268.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
658	73C-193.68	Quảng Bình	2258	74C-145.69	Quảng Trị	3858	72C-277.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
659	74A-277.79	Quảng Trị	2259	74C-149.44	Quảng Trị	3859	72C-277.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
660	74A-280.33	Quảng Trị	2260	74C-149.99	Quảng Trị	3860	72D-014.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
661	74A-280.66	Quảng Trị	2261	74D-013.14	Quảng Trị	3861	72D-015.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
662	74A-283.55	Quảng Trị	2262	74D-015.11	Quảng Trị	3862	72D-015.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
663	74A-285.85	Quảng Trị	2263	75A-397.11	Thừa Thiên Huế	3863	73A-371.69	Quảng Bình
664	74D-014.15	Quảng Trị	2264	75C-158.39	Thừa Thiên Huế	3864	73A-372.37	Quảng Bình
665	75A-388.69	Thừa Thiên Huế	2265	76A-325.66	Quảng Ngãi	3865	73A-380.22	Quảng Bình
666	75A-395.68	Thừa Thiên Huế	2266	76A-329.89	Quảng Ngãi	3866	73B-018.86	Quảng Bình
667	75B-030.68	Thừa Thiên Huế	2267	76A-335.33	Quảng Ngãi	3867	73C-196.11	Quảng Bình
668	75C-158.79	Thừa Thiên Huế	2268	76B-027.99	Quảng Ngãi	3868	73D-011.22	Quảng Bình
669	76A-325.69	Quảng Ngãi	2269	76C-177.88	Quảng Ngãi	3869	74A-279.22	Quảng Trị
670	76A-327.39	Quảng Ngãi	2270	76C-180.00	Quảng Ngãi	3870	74A-280.82	Quảng Trị
671	76A-329.29	Quảng Ngãi	2271	76D-013.44	Quảng Ngãi	3871	74C-144.00	Quảng Trị
672	76A-333.68	Quảng Ngãi	2272	77A-358.11	Bình Định	3872	75A-393.11	Thừa Thiên Huế
673	77A-357.22	Bình Định	2273	77A-358.68	Bình Định	3873	75B-029.33	Thừa Thiên Huế
674	77A-365.00	Bình Định	2274	77B-039.77	Bình Định	3874	75B-030.39	Thừa Thiên Huế
675	77B-040.86	Bình Định	2275	77B-040.79	Bình Định	3875	75B-031.69	Thừa Thiên Huế
676	77C-265.44	Bình Định	2276	78A-220.33	Phú Yên	3876	75D-009.88	Thừa Thiên Huế
677	77D-007.44	Bình Định	2277	78B-022.33	Phú Yên	3877	76C-180.44	Quảng Ngãi
678	77D-007.55	Bình Định	2278	78C-126.39	Phú Yên	3878	76C-180.66	Quảng Ngãi
679	77D-008.39	Bình Định	2279	78C-126.55	Phú Yên	3879	76C-181.89	Quảng Ngãi
680	78A-223.66	Phú Yên	2280	78C-126.86	Phú Yên	3880	76D-012.99	Quảng Ngãi
681	78C-127.12	Phú Yên	2281	79A-572.11	Khánh Hòa	3881	77A-362.79	Bình Định
682	78D-007.22	Phú Yên	2282	79A-572.55	Khánh Hòa	3882	77A-364.99	Bình Định
683	78D-009.79	Phú Yên	2283	79A-572.75	Khánh Hòa	3883	77A-368.22	Bình Định
684	79A-580.08	Khánh Hòa	2284	79A-574.99	Khánh Hòa	3884	77A-370.33	Bình Định
685	79A-581.39	Khánh Hòa	2285	79A-588.39	Khánh Hòa	3885	77B-038.00	Bình Định
686	79A-585.79	Khánh Hòa	2286	79A-590.44	Khánh Hòa	3886	77C-262.11	Bình Định
687	79A-587.22	Khánh Hòa	2287	79B-044.68	Khánh Hòa	3887	77D-006.69	Bình Định
688	79A-588.44	Khánh Hòa	2288	79C-228.66	Khánh Hòa	3888	77D-009.68	Bình Định
689	79A-592.44	Khánh Hòa	2289	79C-229.99	Khánh Hòa	3889	78A-220.99	Phú Yên
690	79A-593.69	Khánh Hòa	2290	81A-457.54	Gia Lai	3890	78C-129.69	Phú Yên
691	79A-594.55	Khánh Hòa	2291	81A-457.89	Gia Lai	3891	79A-571.39	Khánh Hòa
692	79B-044.11	Khánh Hòa	2292	81A-460.79	Gia Lai	3892	79A-573.57	Khánh Hòa
693	79C-229.22	Khánh Hòa	2293	81A-473.11	Gia Lai	3893	79A-573.79	Khánh Hòa
694	79C-230.89	Khánh Hòa	2294	81C-283.69	Gia Lai	3894	79A-574.22	Khánh Hòa

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	81A-457.00	Gia Lai	2295	81C-290.89	Gia Lai	3895	79A-580.68	Khánh Hòa
696	81A-460.55	Gia Lai	2296	81C-292.44	Gia Lai	3896	79A-581.66	Khánh Hòa
697	81A-464.39	Gia Lai	2297	81C-297.88	Gia Lai	3897	79A-582.00	Khánh Hòa
698	81A-467.88	Gia Lai	2298	81D-014.79	Gia Lai	3898	79A-583.44	Khánh Hòa
699	81A-468.39	Gia Lai	2299	81D-015.89	Gia Lai	3899	79A-583.77	Khánh Hòa
700	81A-469.33	Gia Lai	2300	82A-161.39	Kon Tum	3900	79A-590.09	Khánh Hòa
701	81A-473.39	Gia Lai	2301	82B-021.11	Kon Tum	3901	79B-045.99	Khánh Hòa
702	81A-475.22	Gia Lai	2302	82B-023.66	Kon Tum	3902	79B-046.00	Khánh Hòa
703	81A-475.44	Gia Lai	2303	83A-193.93	Sóc Trăng	3903	79C-229.69	Khánh Hòa
704	81C-283.86	Gia Lai	2304	83B-023.68	Sóc Trăng	3904	79C-231.44	Khánh Hòa
705	81C-294.39	Gia Lai	2305	83B-025.26	Sóc Trăng	3905	79C-234.86	Khánh Hòa
706	81C-297.22	Gia Lai	2306	83C-133.13	Sóc Trăng	3906	79C-235.33	Khánh Hòa
707	82B-020.66	Kon Tum	2307	83C-138.68	Sóc Trăng	3907	79D-012.01	Khánh Hòa
708	82B-021.77	Kon Tum	2308	83D-008.79	Sóc Trăng	3908	81A-457.86	Gia Lai
709	82D-012.00	Kon Tum	2309	83D-010.79	Sóc Trăng	3909	81A-459.22	Gia Lai
710	82D-013.01	Kon Tum	2310	84A-149.68	Trà Vinh	3910	81A-462.69	Gia Lai
711	82D-014.68	Kon Tum	2311	84A-150.99	Trà Vinh	3911	81A-464.65	Gia Lai
712	83A-193.99	Sóc Trăng	2312	84A-153.53	Trà Vinh	3912	81A-466.44	Gia Lai
713	83B-023.69	Sóc Trăng	2313	84A-154.00	Trà Vinh	3913	81A-467.11	Gia Lai
714	83B-023.77	Sóc Trăng	2314	84B-019.69	Trà Vinh	3914	81A-467.77	Gia Lai
715	83C-132.55	Sóc Trăng	2315	84B-023.39	Trà Vinh	3915	81A-470.70	Gia Lai
716	84B-021.69	Trà Vinh	2316	84C-125.89	Trà Vinh	3916	81A-474.89	Gia Lai
717	84B-023.22	Trà Vinh	2317	84D-007.99	Trà Vinh	3917	81A-477.00	Gia Lai
718	84C-125.69	Trà Vinh	2318	85A-152.33	Ninh Thuận	3918	81B-029.86	Gia Lai
719	84C-126.55	Trà Vinh	2319	85B-016.55	Ninh Thuận	3919	81B-030.33	Gia Lai
720	84D-008.33	Trà Vinh	2320	85C-085.79	Ninh Thuận	3920	81B-031.00	Gia Lai
721	85A-148.39	Ninh Thuận	2321	85D-007.07	Ninh Thuận	3921	81D-014.68	Gia Lai
722	85B-014.14	Ninh Thuận	2322	86A-323.77	Bình Thuận	3922	81D-016.33	Gia Lai
723	85B-015.69	Ninh Thuận	2323	86A-330.79	Bình Thuận	3923	82A-160.33	Kon Tum
724	85B-015.77	Ninh Thuận	2324	86A-333.45	Bình Thuận	3924	82A-161.88	Kon Tum
725	85D-009.90	Ninh Thuận	2325	86B-028.44	Bình Thuận	3925	82A-164.77	Kon Tum
726	86A-322.77	Bình Thuận	2326	86C-212.55	Bình Thuận	3926	82C-097.44	Kon Tum
727	86A-323.68	Bình Thuận	2327	86D-009.55	Bình Thuận	3927	82D-011.55	Kon Tum
728	86A-324.77	Bình Thuận	2328	86D-009.68	Bình Thuận	3928	83A-193.89	Sóc Trăng
729	86A-325.11	Bình Thuận	2329	88A-793.39	Vĩnh Phúc	3929	83A-198.00	Sóc Trăng
730	86B-027.99	Bình Thuận	2330	88A-793.89	Vĩnh Phúc	3930	83C-135.53	Sóc Trăng
731	86C-214.11	Bình Thuận	2331	88A-795.68	Vĩnh Phúc	3931	83D-011.77	Sóc Trăng
732	86D-007.79	Bình Thuận	2332	88A-802.77	Vĩnh Phúc	3932	84A-149.11	Trà Vinh
733	88A-793.69	Vĩnh Phúc	2333	88A-804.77	Vĩnh Phúc	3933	84A-151.79	Trà Vinh
734	88A-814.68	Vĩnh Phúc	2334	88A-809.69	Vĩnh Phúc	3934	84A-152.00	Trà Vinh
735	88A-818.99	Vĩnh Phúc	2335	88A-811.12	Vĩnh Phúc	3935	84C-126.44	Trà Vinh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	88A-821.12	Vĩnh Phúc	2336	88A-814.77	Vĩnh Phúc	3936	84D-005.68	Trà Vinh
737	88A-823.24	Vĩnh Phúc	2337	88A-819.11	Vĩnh Phúc	3937	85A-147.14	Ninh Thuận
738	88B-022.02	Vĩnh Phúc	2338	88C-317.77	Vĩnh Phúc	3938	85A-153.79	Ninh Thuận
739	88B-022.39	Vĩnh Phúc	2339	88C-319.95	Vĩnh Phúc	3939	86A-323.11	Bình Thuận
740	88B-023.00	Vĩnh Phúc	2340	88C-322.00	Vĩnh Phúc	3940	86A-324.33	Bình Thuận
741	88B-024.00	Vĩnh Phúc	2341	88C-325.25	Vĩnh Phúc	3941	86A-328.33	Bình Thuận
742	88C-311.88	Vĩnh Phúc	2342	88D-021.89	Vĩnh Phúc	3942	86A-331.32	Bình Thuận
743	88C-319.13	Vĩnh Phúc	2343	89A-537.00	Hưng Yên	3943	86B-026.00	Bình Thuận
744	88C-324.88	Vĩnh Phúc	2344	89A-539.22	Hưng Yên	3944	86B-027.39	Bình Thuận
745	88C-325.99	Vĩnh Phúc	2345	89A-549.45	Hưng Yên	3945	86B-028.02	Bình Thuận
746	88D-022.55	Vĩnh Phúc	2346	89A-553.54	Hưng Yên	3946	86D-009.22	Bình Thuận
747	88D-023.39	Vĩnh Phúc	2347	89A-554.66	Hưng Yên	3947	86D-009.33	Bình Thuận
748	89A-533.34	Hưng Yên	2348	89A-555.06	Hưng Yên	3948	88A-803.39	Vĩnh Phúc
749	89A-533.68	Hưng Yên	2349	89A-561.56	Hưng Yên	3949	88A-807.07	Vĩnh Phúc
750	89A-540.00	Hưng Yên	2350	89B-027.68	Hưng Yên	3950	88A-808.22	Vĩnh Phúc
751	89A-541.41	Hưng Yên	2351	89C-349.77	Hưng Yên	3951	88A-813.39	Vĩnh Phúc
752	89A-546.22	Hưng Yên	2352	89C-358.88	Hưng Yên	3952	88A-819.96	Vĩnh Phúc
753	89A-548.22	Hưng Yên	2353	89C-359.68	Hưng Yên	3953	88A-823.55	Vĩnh Phúc
754	89A-553.55	Hưng Yên	2354	90A-294.00	Hà Nam	3954	88A-825.11	Vĩnh Phúc
755	89A-554.77	Hưng Yên	2355	90A-299.86	Hà Nam	3955	88B-021.88	Vĩnh Phúc
756	89A-555.17	Hưng Yên	2356	90B-015.66	Hà Nam	3956	88C-312.69	Vĩnh Phúc
757	89A-555.29	Hưng Yên	2357	90C-157.77	Hà Nam	3957	88C-320.68	Vĩnh Phúc
758	89A-556.44	Hưng Yên	2358	92A-445.54	Quảng Nam	3958	88C-323.68	Vĩnh Phúc
759	89C-348.89	Hưng Yên	2359	92A-448.33	Quảng Nam	3959	89A-532.44	Hưng Yên
760	89C-358.89	Hưng Yên	2360	92A-449.33	Quảng Nam	3960	89A-539.77	Hưng Yên
761	89D-025.26	Hưng Yên	2361	92A-449.44	Quảng Nam	3961	89A-542.99	Hưng Yên
762	90A-289.44	Hà Nam	2362	92B-038.99	Quảng Nam	3962	89A-546.54	Hưng Yên
763	90A-291.00	Hà Nam	2363	92B-040.77	Quảng Nam	3963	89A-550.44	Hưng Yên
764	90A-297.68	Hà Nam	2364	92C-258.99	Quảng Nam	3964	89A-556.79	Hưng Yên
765	90A-298.44	Hà Nam	2365	92C-260.11	Quảng Nam	3965	89A-561.44	Hưng Yên
766	90B-012.88	Hà Nam	2366	92C-261.61	Quảng Nam	3966	89A-561.77	Hưng Yên
767	90B-013.31	Hà Nam	2367	92C-265.65	Quảng Nam	3967	89A-562.68	Hưng Yên
768	90C-157.69	Hà Nam	2368	92D-014.41	Quảng Nam	3968	89A-563.39	Hưng Yên
769	90C-158.77	Hà Nam	2369	93A-508.86	Bình Phước	3969	89A-563.77	Hưng Yên
770	92A-444.39	Quảng Nam	2370	93A-511.44	Bình Phước	3970	89A-564.86	Hưng Yên
771	92A-448.84	Quảng Nam	2371	93A-512.11	Bình Phước	3971	89A-565.22	Hưng Yên
772	92A-449.79	Quảng Nam	2372	93A-515.44	Bình Phước	3972	89C-355.77	Hưng Yên
773	92B-041.99	Quảng Nam	2373	93B-024.00	Bình Phước	3973	90A-297.29	Hà Nam
774	93A-513.39	Bình Phước	2374	93C-204.11	Bình Phước	3974	90B-015.99	Hà Nam
775	93A-523.00	Bình Phước	2375	94B-015.39	Bạc Liêu	3975	90C-156.22	Hà Nam
776	93B-022.02	Bình Phước	2376	94B-016.89	Bạc Liêu	3976	90D-009.89	Hà Nam

T
TY
GIÁ
ANH
JAM
- T.P

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	93C-203.30	Bình Phước	2377	94B-017.44	Bạc Liêu	3977	92A-436.22	Quảng Nam
778	93C-204.40	Bình Phước	2378	95A-141.22	Hậu Giang	3978	92A-441.55	Quảng Nam
779	93C-207.22	Bình Phước	2379	95D-023.79	Hậu Giang	3979	92A-444.04	Quảng Nam
780	93D-007.86	Bình Phước	2380	95D-025.99	Hậu Giang	3980	92C-262.33	Quảng Nam
781	94B-016.17	Bạc Liêu	2381	98A-868.33	Bắc Giang	3981	92C-265.68	Quảng Nam
782	94C-084.66	Bạc Liêu	2382	98A-868.77	Bắc Giang	3982	93A-525.26	Bình Phước
783	94D-005.11	Bạc Liêu	2383	98A-871.33	Bắc Giang	3983	93B-022.99	Bình Phước
784	94D-006.66	Bạc Liêu	2384	98A-874.39	Bắc Giang	3984	93C-200.11	Bình Phước
785	94D-007.22	Bạc Liêu	2385	98A-879.66	Bắc Giang	3985	93C-200.86	Bình Phước
786	94D-008.44	Bạc Liêu	2386	98A-880.11	Bắc Giang	3986	93C-202.02	Bình Phước
787	95B-016.22	Hậu Giang	2387	98A-887.55	Bắc Giang	3987	93C-203.00	Bình Phước
788	95C-090.90	Hậu Giang	2388	98A-897.44	Bắc Giang	3988	94D-008.33	Bạc Liêu
789	95C-091.77	Hậu Giang	2389	98A-905.33	Bắc Giang	3989	95B-016.99	Hậu Giang
790	95C-092.39	Hậu Giang	2390	98A-906.79	Bắc Giang	3990	95C-093.09	Hậu Giang
791	97A-099.39	Bắc Kạn	2391	98B-047.22	Bắc Giang	3991	95C-093.22	Hậu Giang
792	97D-010.33	Bắc Kạn	2392	98C-381.69	Bắc Giang	3992	95D-026.88	Hậu Giang
793	98A-864.22	Bắc Giang	2393	98C-383.33	Bắc Giang	3993	97A-095.68	Bắc Kạn
794	98A-876.11	Bắc Giang	2394	98C-387.87	Bắc Giang	3994	97A-097.68	Bắc Kạn
795	98A-893.68	Bắc Giang	2395	98C-390.89	Bắc Giang	3995	97B-017.11	Bắc Kạn
796	98A-906.99	Bắc Giang	2396	98C-391.55	Bắc Giang	3996	98A-874.68	Bắc Giang
797	98A-911.33	Bắc Giang	2397	98C-394.79	Bắc Giang	3997	98A-892.88	Bắc Giang
798	98B-046.39	Bắc Giang	2398	98D-022.23	Bắc Giang	3998	98A-897.69	Bắc Giang
799	98C-384.39	Bắc Giang	2399	99A-868.11	Bắc Ninh	3999	98A-904.39	Bắc Giang
800	98C-386.44	Bắc Giang	2400	99A-869.11	Bắc Ninh	4000	98A-910.10	Bắc Giang
801	98C-390.55	Bắc Giang	2401	99A-870.77	Bắc Ninh	4001	98A-910.66	Bắc Giang
802	98C-390.91	Bắc Giang	2402	99A-876.69	Bắc Ninh	4002	98C-383.79	Bắc Giang
803	98C-392.93	Bắc Giang	2403	99A-880.89	Bắc Ninh	4003	98C-389.11	Bắc Giang
804	99A-854.22	Bắc Ninh	2404	99A-890.99	Bắc Ninh	4004	98C-391.19	Bắc Giang
805	99A-870.79	Bắc Ninh	2405	99A-892.11	Bắc Ninh	4005	98C-397.66	Bắc Giang
806	99A-882.22	Bắc Ninh	2406	99A-893.68	Bắc Ninh	4006	98D-024.24	Bắc Giang
807	99A-883.55	Bắc Ninh	2407	99B-032.99	Bắc Ninh	4007	99A-874.69	Bắc Ninh
808	99A-887.87	Bắc Ninh	2408	99C-333.11	Bắc Ninh	4008	99A-877.87	Bắc Ninh
809	99A-897.22	Bắc Ninh	2409	99C-333.14	Bắc Ninh	4009	99A-878.69	Bắc Ninh
810	99C-333.12	Bắc Ninh	2410	99C-333.79	Bắc Ninh	4010	99A-881.11	Bắc Ninh
811	99C-339.68	Bắc Ninh	2411	99C-337.69	Bắc Ninh	4011	99A-884.79	Bắc Ninh
812	99D-024.55	Bắc Ninh	2412	99C-343.22	Bắc Ninh	4012	99A-887.88	Bắc Ninh
813	99D-026.22	Bắc Ninh	2413	99C-346.33	Bắc Ninh	4013	99A-891.44	Bắc Ninh
814	99D-026.44	Bắc Ninh	2414	99D-027.39	Bắc Ninh	4014	99D-024.77	Bắc Ninh
815	11A-138.28	Cao Bằng	2415	11A-135.95	Cao Bằng	4015	11C-090.59	Cao Bằng
816	11A-141.38	Cao Bằng	2416	11B-014.16	Cao Bằng	4016	12A-263.85	Lạng Sơn
817	11B-015.98	Cao Bằng	2417	11D-009.98	Cao Bằng	4017	12A-264.29	Lạng Sơn

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	11D-010.36	Cao Bằng	2418	11D-010.06	Cao Bằng	4018	12A-269.98	Lạng Sơn
819	12A-266.09	Lạng Sơn	2419	11D-012.65	Cao Bằng	4019	12C-143.18	Lạng Sơn
820	12B-015.98	Lạng Sơn	2420	12A-268.09	Lạng Sơn	4020	14A-992.95	Quảng Ninh
821	12B-018.08	Lạng Sơn	2421	12A-268.36	Lạng Sơn	4021	14B-053.38	Quảng Ninh
822	12C-140.65	Lạng Sơn	2422	12A-270.83	Lạng Sơn	4022	14B-054.83	Quảng Ninh
823	12C-142.06	Lạng Sơn	2423	12D-009.95	Lạng Sơn	4023	14C-450.35	Quảng Ninh
824	12C-142.58	Lạng Sơn	2424	14A-993.08	Quảng Ninh	4024	14C-450.95	Quảng Ninh
825	12C-143.29	Lạng Sơn	2425	14A-994.15	Quảng Ninh	4025	14C-453.08	Quảng Ninh
826	12D-008.28	Lạng Sơn	2426	14C-451.63	Quảng Ninh	4026	14C-456.26	Quảng Ninh
827	14A-994.35	Quảng Ninh	2427	14C-456.19	Quảng Ninh	4027	14C-460.29	Quảng Ninh
828	14A-996.26	Quảng Ninh	2428	14C-457.98	Quảng Ninh	4028	14D-030.15	Quảng Ninh
829	14A-997.15	Quảng Ninh	2429	14C-460.36	Quảng Ninh	4029	14D-031.26	Quảng Ninh
830	14A-998.26	Quảng Ninh	2430	14C-461.96	Quảng Ninh	4030	14K-007.85	Quảng Ninh
831	14C-454.38	Quảng Ninh	2431	14C-462.08	Quảng Ninh	4031	14K-010.96	Quảng Ninh
832	14C-455.98	Quảng Ninh	2432	14C-462.95	Quảng Ninh	4032	14K-013.65	Quảng Ninh
833	14C-457.96	Quảng Ninh	2433	14C-467.15	Quảng Ninh	4033	14K-023.26	Quảng Ninh
834	14C-466.06	Quảng Ninh	2434	14C-470.58	Quảng Ninh	4034	14K-025.83	Quảng Ninh
835	14C-468.96	Quảng Ninh	2435	14K-011.59	Quảng Ninh	4035	14K-027.65	Quảng Ninh
836	14D-030.65	Quảng Ninh	2436	14K-012.36	Quảng Ninh	4036	14K-029.08	Quảng Ninh
837	14K-002.09	Quảng Ninh	2437	14K-012.56	Quảng Ninh	4037	14K-033.85	Quảng Ninh
838	14K-002.19	Quảng Ninh	2438	14K-014.83	Quảng Ninh	4038	14K-039.08	Quảng Ninh
839	14K-004.38	Quảng Ninh	2439	14K-023.29	Quảng Ninh	4039	15B-057.85	Hải Phòng
840	14K-005.26	Quảng Ninh	2440	14K-029.26	Quảng Ninh	4040	15C-492.59	Hải Phòng
841	14K-012.38	Quảng Ninh	2441	14K-031.25	Quảng Ninh	4041	15K-425.38	Hải Phòng
842	14K-013.83	Quảng Ninh	2442	14K-032.35	Quảng Ninh	4042	15K-439.65	Hải Phòng
843	14K-017.36	Quảng Ninh	2443	14K-035.56	Quảng Ninh	4043	15K-452.95	Hải Phòng
844	14K-020.56	Quảng Ninh	2444	14K-041.15	Quảng Ninh	4044	15K-455.58	Hải Phòng
845	14K-022.63	Quảng Ninh	2445	15B-057.19	Hải Phòng	4045	15K-462.28	Hải Phòng
846	14K-026.98	Quảng Ninh	2446	15B-057.96	Hải Phòng	4046	15K-465.25	Hải Phòng
847	14K-033.65	Quảng Ninh	2447	15C-484.06	Hải Phòng	4047	15K-465.35	Hải Phòng
848	14K-037.29	Quảng Ninh	2448	15C-484.29	Hải Phòng	4048	15K-473.35	Hải Phòng
849	14K-042.15	Quảng Ninh	2449	15C-485.28	Hải Phòng	4049	15K-477.98	Hải Phòng
850	14K-046.83	Quảng Ninh	2450	15C-489.15	Hải Phòng	4050	15K-486.15	Hải Phòng
851	14K-047.56	Quảng Ninh	2451	15C-490.59	Hải Phòng	4051	15K-488.63	Hải Phòng
852	15C-483.95	Hải Phòng	2452	15C-490.98	Hải Phòng	4052	15K-493.63	Hải Phòng
853	15C-484.08	Hải Phòng	2453	15C-495.16	Hải Phòng	4053	15K-493.65	Hải Phòng
854	15C-486.19	Hải Phòng	2454	15K-427.36	Hải Phòng	4054	15K-493.98	Hải Phòng
855	15K-429.36	Hải Phòng	2455	15K-431.16	Hải Phòng	4055	15K-496.19	Hải Phòng
856	15K-435.25	Hải Phòng	2456	15K-436.59	Hải Phòng	4056	15K-497.25	Hải Phòng
857	15K-448.08	Hải Phòng	2457	15K-440.25	Hải Phòng	4057	15K-498.18	Hải Phòng
858	15K-449.16	Hải Phòng	2458	15K-449.36	Hải Phòng	4058	15K-501.65	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	15K-454.26	Hải Phòng	2459	15K-460.83	Hải Phòng	4059	17A-495.18	Thái Bình
860	15K-454.59	Hải Phòng	2460	15K-462.36	Hải Phòng	4060	17A-496.15	Thái Bình
861	15K-458.09	Hải Phòng	2461	15K-465.83	Hải Phòng	4061	17A-496.65	Thái Bình
862	15K-491.95	Hải Phòng	2462	15K-479.29	Hải Phòng	4062	17A-501.25	Thái Bình
863	15K-492.19	Hải Phòng	2463	15K-483.85	Hải Phòng	4063	17A-502.63	Thái Bình
864	15K-496.15	Hải Phòng	2464	15K-485.83	Hải Phòng	4064	17A-507.96	Thái Bình
865	15K-499.06	Hải Phòng	2465	15K-490.06	Hải Phòng	4065	17A-508.58	Thái Bình
866	17A-496.29	Thái Bình	2466	15K-491.83	Hải Phòng	4066	17A-511.63	Thái Bình
867	17A-509.35	Thái Bình	2467	15K-507.36	Hải Phòng	4067	17B-029.85	Thái Bình
868	17A-510.06	Thái Bình	2468	17A-494.63	Thái Bình	4068	17D-013.96	Thái Bình
869	17C-216.85	Thái Bình	2469	17A-495.63	Thái Bình	4069	17D-016.26	Thái Bình
870	17C-218.59	Thái Bình	2470	17A-496.59	Thái Bình	4070	17D-016.36	Thái Bình
871	17C-222.65	Thái Bình	2471	17A-501.63	Thái Bình	4071	18A-505.29	Nam Định
872	17D-014.38	Thái Bình	2472	17A-502.85	Thái Bình	4072	18A-509.56	Nam Định
873	18A-494.26	Nam Định	2473	17A-505.25	Thái Bình	4073	18B-031.29	Nam Định
874	18A-495.15	Nam Định	2474	17A-508.06	Thái Bình	4074	18B-033.96	Nam Định
875	18A-506.18	Nam Định	2475	17A-509.16	Thái Bình	4075	18B-034.28	Nam Định
876	18A-510.29	Nam Định	2476	17A-511.28	Thái Bình	4076	18C-175.59	Nam Định
877	18B-033.85	Nam Định	2477	17A-512.29	Thái Bình	4077	18C-180.65	Nam Định
878	18C-177.35	Nam Định	2478	17C-216.26	Thái Bình	4078	19A-741.15	Phú Thọ
879	18C-181.36	Nam Định	2479	17C-221.96	Thái Bình	4079	19A-744.98	Phú Thọ
880	18D-017.85	Nam Định	2480	17D-013.09	Thái Bình	4080	19C-274.58	Phú Thọ
881	19A-719.38	Phú Thọ	2481	18A-498.06	Nam Định	4081	19C-278.18	Phú Thọ
882	19A-720.06	Phú Thọ	2482	18A-498.15	Nam Định	4082	20A-867.65	Thái Nguyên
883	19A-730.98	Phú Thọ	2483	18A-505.28	Nam Định	4083	20A-870.29	Thái Nguyên
884	19A-749.19	Phú Thọ	2484	18A-508.28	Nam Định	4084	20A-872.65	Thái Nguyên
885	19A-756.28	Phú Thọ	2485	18A-509.83	Nam Định	4085	20A-875.83	Thái Nguyên
886	19B-031.59	Phú Thọ	2486	18C-174.59	Nam Định	4086	20A-881.56	Thái Nguyên
887	19C-267.96	Phú Thọ	2487	18C-175.28	Nam Định	4087	20A-890.18	Thái Nguyên
888	19C-273.28	Phú Thọ	2488	19A-725.36	Phú Thọ	4088	20A-895.18	Thái Nguyên
889	19C-278.36	Phú Thọ	2489	19A-727.36	Phú Thọ	4089	20A-899.59	Thái Nguyên
890	19C-281.06	Phú Thọ	2490	19A-728.09	Phú Thọ	4090	20A-902.38	Thái Nguyên
891	20A-864.09	Thái Nguyên	2491	19A-732.09	Phú Thọ	4091	20B-037.08	Thái Nguyên
892	20A-868.08	Thái Nguyên	2492	19A-737.63	Phú Thọ	4092	20C-316.06	Thái Nguyên
893	20A-877.35	Thái Nguyên	2493	19A-744.56	Phú Thọ	4093	20C-320.06	Thái Nguyên
894	20A-879.35	Thái Nguyên	2494	19A-746.38	Phú Thọ	4094	20C-321.58	Thái Nguyên
895	20A-881.19	Thái Nguyên	2495	19A-746.95	Phú Thọ	4095	20D-032.29	Thái Nguyên
896	20A-889.65	Thái Nguyên	2496	19B-030.08	Phú Thọ	4096	21B-016.35	Yên Bái
897	20A-893.08	Thái Nguyên	2497	19C-265.36	Phú Thọ	4097	21B-017.06	Yên Bái
898	20A-894.58	Thái Nguyên	2498	19C-271.26	Phú Thọ	4098	21C-112.83	Yên Bái
899	20A-895.85	Thái Nguyên	2499	19C-276.95	Phú Thọ	4099	21C-115.65	Yên Bái

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	20A-897.09	Thái Nguyên	2500	19C-280.35	Phú Thọ	4100	21D-008.56	Yên Bái
901	20A-906.29	Thái Nguyên	2501	19C-280.59	Phú Thọ	4101	21D-010.29	Yên Bái
902	20C-314.58	Thái Nguyên	2502	19D-022.85	Phú Thọ	4102	22A-274.08	Tuyên Quang
903	20C-317.95	Thái Nguyên	2503	20A-861.25	Thái Nguyên	4103	22A-276.59	Tuyên Quang
904	21A-225.36	Yên Bái	2504	20A-865.26	Thái Nguyên	4104	22A-277.63	Tuyên Quang
905	21A-229.28	Yên Bái	2505	20A-869.26	Thái Nguyên	4105	22A-278.58	Tuyên Quang
906	22A-273.06	Tuyên Quang	2506	20A-871.18	Thái Nguyên	4106	22C-113.36	Tuyên Quang
907	22A-274.98	Tuyên Quang	2507	20A-875.38	Thái Nguyên	4107	22C-113.59	Tuyên Quang
908	22A-275.36	Tuyên Quang	2508	20A-876.16	Thái Nguyên	4108	22C-115.59	Tuyên Quang
909	22A-283.56	Tuyên Quang	2509	20A-877.18	Thái Nguyên	4109	23A-163.95	Hà Giang
910	22C-112.59	Tuyên Quang	2510	20A-879.95	Thái Nguyên	4110	23A-164.19	Hà Giang
911	22C-112.85	Tuyên Quang	2511	20A-886.08	Thái Nguyên	4111	23A-171.83	Hà Giang
912	22C-114.09	Tuyên Quang	2512	20A-887.83	Thái Nguyên	4112	23B-013.15	Hà Giang
913	22C-117.38	Tuyên Quang	2513	20A-893.65	Thái Nguyên	4113	23D-008.58	Hà Giang
914	22C-117.65	Tuyên Quang	2514	20A-901.98	Thái Nguyên	4114	23D-011.36	Hà Giang
915	22C-118.35	Tuyên Quang	2515	20A-902.36	Thái Nguyên	4115	24A-318.85	Lào Cai
916	23A-169.26	Hà Giang	2516	20A-903.06	Thái Nguyên	4116	24A-320.58	Lào Cai
917	23C-090.26	Hà Giang	2517	20A-906.19	Thái Nguyên	4117	24A-322.65	Lào Cai
918	23D-008.29	Hà Giang	2518	20B-036.83	Thái Nguyên	4118	24A-325.15	Lào Cai
919	23D-009.58	Hà Giang	2519	20C-309.98	Thái Nguyên	4119	24C-169.08	Lào Cai
920	23D-010.06	Hà Giang	2520	20C-313.16	Thái Nguyên	4120	24C-171.19	Lào Cai
921	24A-315.59	Lào Cai	2521	20C-316.83	Thái Nguyên	4121	24C-171.26	Lào Cai
922	24A-318.98	Lào Cai	2522	20C-323.16	Thái Nguyên	4122	24D-010.96	Lào Cai
923	24A-321.28	Lào Cai	2523	20C-323.63	Thái Nguyên	4123	25A-084.95	Lai Châu
924	24A-323.15	Lào Cai	2524	21A-225.95	Yên Bái	4124	25B-010.28	Lai Châu
925	24C-169.26	Lào Cai	2525	21A-228.95	Yên Bái	4125	26A-237.06	Sơn La
926	25A-085.19	Lai Châu	2526	21B-013.38	Yên Bái	4126	26A-241.18	Sơn La
927	25B-011.06	Lai Châu	2527	21C-115.09	Yên Bái	4127	26A-244.83	Sơn La
928	25C-061.59	Lai Châu	2528	22A-270.28	Tuyên Quang	4128	26B-019.06	Sơn La
929	26A-235.96	Sơn La	2529	22A-280.18	Tuyên Quang	4129	26C-169.36	Sơn La
930	26A-243.98	Sơn La	2530	22A-283.65	Tuyên Quang	4130	26D-015.26	Sơn La
931	26A-245.58	Sơn La	2531	22D-012.36	Tuyên Quang	4131	26D-017.06	Sơn La
932	26A-246.15	Sơn La	2532	23A-164.28	Hà Giang	4132	27A-133.98	Điện Biên
933	26B-021.08	Sơn La	2533	23A-164.96	Hà Giang	4133	27B-015.83	Điện Biên
934	26B-021.95	Sơn La	2534	23A-164.98	Hà Giang	4134	27C-078.19	Điện Biên
935	26C-164.38	Sơn La	2535	23A-166.25	Hà Giang	4135	28B-020.56	Hòa Bình
936	26C-167.63	Sơn La	2536	23A-171.35	Hà Giang	4136	28C-123.35	Hòa Bình
937	26D-015.19	Sơn La	2537	23B-011.98	Hà Giang	4137	28C-123.36	Hòa Bình
938	27A-132.26	Điện Biên	2538	23B-014.85	Hà Giang	4138	29B-660.09	Hà Nội
939	27A-133.08	Điện Biên	2539	23C-092.25	Hà Giang	4139	29B-662.06	Hà Nội
940	27D-007.38	Điện Biên	2540	23C-092.28	Hà Giang	4140	29D-628.63	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	27D-009.58	Điện Biên	2541	23C-092.95	Hà Giang	4141	29D-636.29	Hà Nội
942	28A-260.35	Hòa Bình	2542	24A-317.25	Lào Cai	4142	29D-640.95	Hà Nội
943	28A-261.59	Hòa Bình	2543	24A-319.15	Lào Cai	4143	29K-329.19	Hà Nội
944	28A-264.29	Hòa Bình	2544	24C-167.59	Lào Cai	4144	29K-340.19	Hà Nội
945	28A-264.38	Hòa Bình	2545	24D-013.06	Lào Cai	4145	29K-342.85	Hà Nội
946	28A-267.28	Hòa Bình	2546	25B-011.63	Lai Châu	4146	29K-346.38	Hà Nội
947	28B-020.95	Hòa Bình	2547	25C-061.83	Lai Châu	4147	29K-348.36	Hà Nội
948	28C-126.63	Hòa Bình	2548	25C-063.28	Lai Châu	4148	29K-349.28	Hà Nội
949	29B-659.18	Hà Nội	2549	25D-007.06	Lai Châu	4149	29K-354.18	Hà Nội
950	29B-661.35	Hà Nội	2550	26A-242.36	Sơn La	4150	29K-358.16	Hà Nội
951	29D-628.96	Hà Nội	2551	26A-246.35	Sơn La	4151	29K-368.08	Hà Nội
952	29D-630.18	Hà Nội	2552	26B-022.59	Sơn La	4152	29K-372.38	Hà Nội
953	29D-632.58	Hà Nội	2553	26C-165.98	Sơn La	4153	29K-382.06	Hà Nội
954	29D-641.18	Hà Nội	2554	26C-168.36	Sơn La	4154	29K-387.29	Hà Nội
955	29D-641.63	Hà Nội	2555	26C-169.18	Sơn La	4155	29K-391.65	Hà Nội
956	29K-328.16	Hà Nội	2556	27C-074.95	Điện Biên	4156	29K-399.18	Hà Nội
957	29K-328.58	Hà Nội	2557	27D-008.06	Điện Biên	4157	29K-401.56	Hà Nội
958	29K-336.06	Hà Nội	2558	27D-008.56	Điện Biên	4158	29K-403.08	Hà Nội
959	29K-339.36	Hà Nội	2559	28A-261.65	Hòa Bình	4159	29K-414.36	Hà Nội
960	29K-340.85	Hà Nội	2560	28A-264.09	Hòa Bình	4160	29K-421.09	Hà Nội
961	29K-340.98	Hà Nội	2561	28A-264.19	Hòa Bình	4161	29K-439.83	Hà Nội
962	29K-353.26	Hà Nội	2562	28A-271.08	Hòa Bình	4162	29K-444.85	Hà Nội
963	29K-373.29	Hà Nội	2563	28C-124.26	Hòa Bình	4163	29K-447.06	Hà Nội
964	29K-385.28	Hà Nội	2564	28D-013.58	Hòa Bình	4164	29K-450.28	Hà Nội
965	29K-386.08	Hà Nội	2565	29D-630.85	Hà Nội	4165	29K-460.28	Hà Nội
966	29K-387.59	Hà Nội	2566	29D-638.18	Hà Nội	4166	29K-463.56	Hà Nội
967	29K-396.98	Hà Nội	2567	29D-640.16	Hà Nội	4167	29K-472.29	Hà Nội
968	29K-399.38	Hà Nội	2568	29D-640.98	Hà Nội	4168	29K-473.18	Hà Nội
969	29K-401.63	Hà Nội	2569	29K-329.15	Hà Nội	4169	29K-473.96	Hà Nội
970	29K-405.98	Hà Nội	2570	29K-336.28	Hà Nội	4170	30M-029.83	Hà Nội
971	29K-411.95	Hà Nội	2571	29K-336.29	Hà Nội	4171	30M-034.63	Hà Nội
972	29K-414.83	Hà Nội	2572	29K-339.38	Hà Nội	4172	30M-047.15	Hà Nội
973	29K-414.85	Hà Nội	2573	29K-343.25	Hà Nội	4173	30M-053.26	Hà Nội
974	29K-415.38	Hà Nội	2574	29K-344.36	Hà Nội	4174	30M-054.16	Hà Nội
975	29K-421.58	Hà Nội	2575	29K-350.63	Hà Nội	4175	30M-055.18	Hà Nội
976	29K-424.36	Hà Nội	2576	29K-364.85	Hà Nội	4176	30M-056.26	Hà Nội
977	29K-424.38	Hà Nội	2577	29K-365.58	Hà Nội	4177	30M-062.08	Hà Nội
978	29K-432.06	Hà Nội	2578	29K-373.63	Hà Nội	4178	30M-064.26	Hà Nội
979	29K-441.16	Hà Nội	2579	29K-375.63	Hà Nội	4179	30M-067.58	Hà Nội
980	29K-443.08	Hà Nội	2580	29K-376.26	Hà Nội	4180	30M-069.08	Hà Nội
981	29K-450.18	Hà Nội	2581	29K-382.58	Hà Nội	4181	30M-075.06	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	29K-455.28	Hà Nội	2582	29K-386.26	Hà Nội	4182	30M-078.95	Hà Nội
983	29K-456.63	Hà Nội	2583	29K-387.06	Hà Nội	4183	30M-080.96	Hà Nội
984	29K-460.56	Hà Nội	2584	29K-407.36	Hà Nội	4184	30M-082.19	Hà Nội
985	29K-463.18	Hà Nội	2585	29K-418.36	Hà Nội	4185	30M-082.58	Hà Nội
986	29K-464.29	Hà Nội	2586	29K-420.38	Hà Nội	4186	30M-084.59	Hà Nội
987	29K-465.85	Hà Nội	2587	29K-426.96	Hà Nội	4187	30M-085.56	Hà Nội
988	29K-472.15	Hà Nội	2588	29K-433.08	Hà Nội	4188	30M-092.95	Hà Nội
989	30M-036.98	Hà Nội	2589	29K-433.16	Hà Nội	4189	30M-129.95	Hà Nội
990	30M-038.98	Hà Nội	2590	29K-436.59	Hà Nội	4190	30M-131.18	Hà Nội
991	30M-040.26	Hà Nội	2591	29K-438.56	Hà Nội	4191	30M-131.83	Hà Nội
992	30M-040.59	Hà Nội	2592	29K-439.63	Hà Nội	4192	30M-137.08	Hà Nội
993	30M-050.58	Hà Nội	2593	29K-442.15	Hà Nội	4193	30M-142.15	Hà Nội
994	30M-060.25	Hà Nội	2594	29K-442.38	Hà Nội	4194	30M-143.58	Hà Nội
995	30M-062.59	Hà Nội	2595	29K-448.15	Hà Nội	4195	30M-146.59	Hà Nội
996	30M-063.95	Hà Nội	2596	29K-449.29	Hà Nội	4196	30M-160.15	Hà Nội
997	30M-069.19	Hà Nội	2597	29K-467.29	Hà Nội	4197	30M-162.08	Hà Nội
998	30M-069.38	Hà Nội	2598	29K-471.85	Hà Nội	4198	30M-164.56	Hà Nội
999	30M-070.08	Hà Nội	2599	29K-473.35	Hà Nội	4199	30M-166.95	Hà Nội
1000	30M-070.63	Hà Nội	2600	29K-473.98	Hà Nội	4200	30M-169.28	Hà Nội
1001	30M-073.36	Hà Nội	2601	29K-474.65	Hà Nội	4201	30M-174.58	Hà Nội
1002	30M-086.06	Hà Nội	2602	29K-475.15	Hà Nội	4202	30M-174.59	Hà Nội
1003	30M-089.26	Hà Nội	2603	29K-477.28	Hà Nội	4203	30M-178.18	Hà Nội
1004	30M-091.06	Hà Nội	2604	30M-030.35	Hà Nội	4204	30M-180.36	Hà Nội
1005	30M-092.65	Hà Nội	2605	30M-031.29	Hà Nội	4205	30M-191.28	Hà Nội
1006	30M-097.59	Hà Nội	2606	30M-032.38	Hà Nội	4206	30M-192.08	Hà Nội
1007	30M-098.65	Hà Nội	2607	30M-038.56	Hà Nội	4207	30M-193.83	Hà Nội
1008	30M-099.36	Hà Nội	2608	30M-038.95	Hà Nội	4208	30M-195.83	Hà Nội
1009	30M-102.19	Hà Nội	2609	30M-040.96	Hà Nội	4209	30M-197.65	Hà Nội
1010	30M-102.29	Hà Nội	2610	30M-043.63	Hà Nội	4210	30M-207.28	Hà Nội
1011	30M-110.56	Hà Nội	2611	30M-045.35	Hà Nội	4211	30M-210.56	Hà Nội
1012	30M-124.08	Hà Nội	2612	30M-050.59	Hà Nội	4212	30M-217.59	Hà Nội
1013	30M-130.25	Hà Nội	2613	30M-054.19	Hà Nội	4213	30M-217.63	Hà Nội
1014	30M-139.19	Hà Nội	2614	30M-055.98	Hà Nội	4214	30M-231.59	Hà Nội
1015	30M-145.96	Hà Nội	2615	30M-062.35	Hà Nội	4215	30M-233.59	Hà Nội
1016	30M-159.65	Hà Nội	2616	30M-064.08	Hà Nội	4216	30M-236.56	Hà Nội
1017	30M-165.83	Hà Nội	2617	30M-067.15	Hà Nội	4217	30M-237.16	Hà Nội
1018	30M-174.16	Hà Nội	2618	30M-070.09	Hà Nội	4218	30M-246.59	Hà Nội
1019	30M-177.15	Hà Nội	2619	30M-070.65	Hà Nội	4219	30M-249.59	Hà Nội
1020	30M-177.96	Hà Nội	2620	30M-071.83	Hà Nội	4220	30M-249.83	Hà Nội
1021	30M-194.06	Hà Nội	2621	30M-076.58	Hà Nội	4221	30M-264.08	Hà Nội
1022	30M-203.28	Hà Nội	2622	30M-081.95	Hà Nội	4222	30M-269.29	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-219.15	Hà Nội	2623	30M-103.98	Hà Nội	4223	30M-271.19	Hà Nội
1024	30M-221.09	Hà Nội	2624	30M-116.63	Hà Nội	4224	30M-272.96	Hà Nội
1025	30M-223.08	Hà Nội	2625	30M-121.09	Hà Nội	4225	30M-285.15	Hà Nội
1026	30M-252.09	Hà Nội	2626	30M-123.95	Hà Nội	4226	30M-291.96	Hà Nội
1027	30M-252.36	Hà Nội	2627	30M-124.29	Hà Nội	4227	30M-294.06	Hà Nội
1028	30M-253.26	Hà Nội	2628	30M-126.96	Hà Nội	4228	30M-302.98	Hà Nội
1029	30M-265.25	Hà Nội	2629	30M-137.59	Hà Nội	4229	30M-309.63	Hà Nội
1030	30M-271.96	Hà Nội	2630	30M-154.18	Hà Nội	4230	30M-317.25	Hà Nội
1031	30M-278.63	Hà Nội	2631	30M-156.09	Hà Nội	4231	30M-320.65	Hà Nội
1032	30M-286.16	Hà Nội	2632	30M-156.38	Hà Nội	4232	30M-321.15	Hà Nội
1033	30M-293.56	Hà Nội	2633	30M-167.06	Hà Nội	4233	30M-323.38	Hà Nội
1034	30M-299.83	Hà Nội	2634	30M-167.28	Hà Nội	4234	30M-324.29	Hà Nội
1035	30M-308.28	Hà Nội	2635	30M-170.38	Hà Nội	4235	30M-344.19	Hà Nội
1036	30M-313.96	Hà Nội	2636	30M-183.96	Hà Nội	4236	30M-358.56	Hà Nội
1037	30M-323.63	Hà Nội	2637	30M-192.36	Hà Nội	4237	30M-364.25	Hà Nội
1038	30M-327.58	Hà Nội	2638	30M-193.16	Hà Nội	4238	30M-365.83	Hà Nội
1039	30M-328.08	Hà Nội	2639	30M-195.06	Hà Nội	4239	30M-367.96	Hà Nội
1040	30M-330.98	Hà Nội	2640	30M-200.08	Hà Nội	4240	30M-368.96	Hà Nội
1041	30M-355.59	Hà Nội	2641	30M-201.09	Hà Nội	4241	30M-372.98	Hà Nội
1042	30M-364.08	Hà Nội	2642	30M-201.59	Hà Nội	4242	30M-373.63	Hà Nội
1043	30M-366.95	Hà Nội	2643	30M-211.08	Hà Nội	4243	30M-384.35	Hà Nội
1044	30M-371.63	Hà Nội	2644	30M-219.16	Hà Nội	4244	30M-409.56	Hà Nội
1045	30M-375.95	Hà Nội	2645	30M-219.65	Hà Nội	4245	30M-410.15	Hà Nội
1046	30M-384.58	Hà Nội	2646	30M-224.95	Hà Nội	4246	30M-412.38	Hà Nội
1047	30M-385.35	Hà Nội	2647	30M-227.85	Hà Nội	4247	30M-419.09	Hà Nội
1048	30M-389.29	Hà Nội	2648	30M-253.19	Hà Nội	4248	34A-927.25	Hải Dương
1049	30M-392.28	Hà Nội	2649	30M-261.18	Hà Nội	4249	34A-927.56	Hải Dương
1050	30M-392.35	Hà Nội	2650	30M-261.38	Hà Nội	4250	34A-932.58	Hải Dương
1051	30M-394.06	Hà Nội	2651	30M-272.25	Hà Nội	4251	34A-939.95	Hải Dương
1052	30M-398.35	Hà Nội	2652	30M-272.95	Hà Nội	4252	34A-940.16	Hải Dương
1053	30M-400.95	Hà Nội	2653	30M-278.15	Hà Nội	4253	34A-945.25	Hải Dương
1054	30M-405.15	Hà Nội	2654	30M-283.06	Hà Nội	4254	34A-946.18	Hải Dương
1055	30M-407.18	Hà Nội	2655	30M-296.35	Hà Nội	4255	34A-954.26	Hải Dương
1056	30M-412.08	Hà Nội	2656	30M-312.63	Hà Nội	4256	34A-958.25	Hải Dương
1057	30M-416.18	Hà Nội	2657	30M-339.09	Hà Nội	4257	34A-962.16	Hải Dương
1058	34A-920.26	Hải Dương	2658	30M-342.15	Hà Nội	4258	34A-968.63	Hải Dương
1059	34A-920.58	Hải Dương	2659	30M-343.09	Hà Nội	4259	34A-973.26	Hải Dương
1060	34A-924.58	Hải Dương	2660	30M-349.25	Hà Nội	4260	34B-046.95	Hải Dương
1061	34A-935.63	Hải Dương	2661	30M-356.19	Hà Nội	4261	34C-436.25	Hải Dương
1062	34A-941.58	Hải Dương	2662	30M-360.29	Hà Nội	4262	34C-442.56	Hải Dương
1063	34A-942.25	Hải Dương	2663	30M-360.65	Hà Nội	4263	34C-446.06	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	34A-952.38	Hải Dương	2664	30M-371.38	Hà Nội	4264	34C-447.26	Hải Dương
1065	34A-953.36	Hải Dương	2665	30M-374.26	Hà Nội	4265	34C-447.95	Hải Dương
1066	34A-957.08	Hải Dương	2666	30M-376.83	Hà Nội	4266	34C-451.16	Hải Dương
1067	34A-966.35	Hải Dương	2667	30M-379.95	Hà Nội	4267	34D-038.56	Hải Dương
1068	34A-968.98	Hải Dương	2668	30M-384.98	Hà Nội	4268	34D-040.65	Hải Dương
1069	34A-973.09	Hải Dương	2669	30M-385.96	Hà Nội	4269	35A-465.59	Ninh Bình
1070	34B-044.19	Hải Dương	2670	30M-389.85	Hà Nội	4270	35A-468.36	Ninh Bình
1071	34B-046.56	Hải Dương	2671	30M-391.36	Hà Nội	4271	35A-474.98	Ninh Bình
1072	34C-447.85	Hải Dương	2672	30M-391.98	Hà Nội	4272	35A-476.59	Ninh Bình
1073	34C-452.96	Hải Dương	2673	30M-392.83	Hà Nội	4273	35C-186.19	Ninh Bình
1074	34D-040.06	Hải Dương	2674	30M-400.59	Hà Nội	4274	35D-016.65	Ninh Bình
1075	35A-470.15	Ninh Bình	2675	34A-920.28	Hải Dương	4275	35D-019.29	Ninh Bình
1076	35A-473.26	Ninh Bình	2676	34A-925.38	Hải Dương	4276	36B-050.29	Thanh Hóa
1077	35A-473.36	Ninh Bình	2677	34A-939.09	Hải Dương	4277	36C-547.35	Thanh Hóa
1078	35A-476.96	Ninh Bình	2678	34A-941.09	Hải Dương	4278	36C-553.09	Thanh Hóa
1079	35B-024.83	Ninh Bình	2679	34A-943.16	Hải Dương	4279	36C-556.25	Thanh Hóa
1080	35B-024.95	Ninh Bình	2680	34A-944.29	Hải Dương	4280	36C-562.85	Thanh Hóa
1081	35C-179.85	Ninh Bình	2681	34A-945.98	Hải Dương	4281	36C-569.06	Thanh Hóa
1082	35D-016.96	Ninh Bình	2682	34A-946.15	Hải Dương	4282	36C-574.58	Thanh Hóa
1083	35D-018.36	Ninh Bình	2683	34A-961.58	Hải Dương	4283	36C-579.19	Thanh Hóa
1084	36B-048.18	Thanh Hóa	2684	34A-965.25	Hải Dương	4284	36C-581.29	Thanh Hóa
1085	36B-048.65	Thanh Hóa	2685	34A-970.96	Hải Dương	4285	36C-581.98	Thanh Hóa
1086	36C-549.25	Thanh Hóa	2686	34A-971.15	Hải Dương	4286	36K-237.58	Thanh Hóa
1087	36C-550.59	Thanh Hóa	2687	34A-971.38	Hải Dương	4287	36K-238.25	Thanh Hóa
1088	36C-551.98	Thanh Hóa	2688	34A-974.95	Hải Dương	4288	36K-251.09	Thanh Hóa
1089	36C-556.26	Thanh Hóa	2689	34B-044.59	Hải Dương	4289	36K-251.83	Thanh Hóa
1090	36C-559.16	Thanh Hóa	2690	34C-436.58	Hải Dương	4290	36K-253.36	Thanh Hóa
1091	36C-559.83	Thanh Hóa	2691	34C-438.15	Hải Dương	4291	36K-258.19	Thanh Hóa
1092	36C-562.15	Thanh Hóa	2692	34C-449.85	Hải Dương	4292	36K-263.83	Thanh Hóa
1093	36C-563.15	Thanh Hóa	2693	34C-451.28	Hải Dương	4293	36K-268.95	Thanh Hóa
1094	36C-563.16	Thanh Hóa	2694	34C-453.18	Hải Dương	4294	36K-273.56	Thanh Hóa
1095	36C-570.16	Thanh Hóa	2695	34D-039.18	Hải Dương	4295	36K-274.56	Thanh Hóa
1096	36C-570.95	Thanh Hóa	2696	35A-477.25	Ninh Bình	4296	36K-275.95	Thanh Hóa
1097	36C-574.96	Thanh Hóa	2697	35A-477.56	Ninh Bình	4297	36K-299.36	Thanh Hóa
1098	36C-578.65	Thanh Hóa	2698	35A-477.59	Ninh Bình	4298	36K-301.28	Thanh Hóa
1099	36K-231.65	Thanh Hóa	2699	35A-481.59	Ninh Bình	4299	36K-301.98	Thanh Hóa
1100	36K-236.25	Thanh Hóa	2700	35B-024.08	Ninh Bình	4300	37B-048.16	Nghệ An
1101	36K-238.59	Thanh Hóa	2701	35B-024.26	Ninh Bình	4301	37B-049.29	Nghệ An
1102	36K-246.85	Thanh Hóa	2702	35C-181.35	Ninh Bình	4302	37B-050.28	Nghệ An
1103	36K-249.19	Thanh Hóa	2703	35C-183.58	Ninh Bình	4303	37C-568.19	Nghệ An
1104	36K-249.36	Thanh Hóa	2704	35C-186.56	Ninh Bình	4304	37C-577.29	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	36K-257.18	Thanh Hóa	2705	35D-016.95	Ninh Bình	4305	37C-579.19	Nghệ An
1106	36K-264.28	Thanh Hóa	2706	35D-017.58	Ninh Bình	4306	37C-582.26	Nghệ An
1107	36K-265.63	Thanh Hóa	2707	35D-018.85	Ninh Bình	4307	37C-587.36	Nghệ An
1108	36K-267.98	Thanh Hóa	2708	36B-049.29	Thanh Hóa	4308	37C-588.63	Nghệ An
1109	36K-270.95	Thanh Hóa	2709	36C-553.56	Thanh Hóa	4309	37C-592.63	Nghệ An
1110	36K-276.65	Thanh Hóa	2710	36C-558.25	Thanh Hóa	4310	37C-593.18	Nghệ An
1111	36K-281.59	Thanh Hóa	2711	36C-562.96	Thanh Hóa	4311	37D-047.36	Nghệ An
1112	36K-293.96	Thanh Hóa	2712	36C-568.09	Thanh Hóa	4312	37K-483.06	Nghệ An
1113	36K-294.18	Thanh Hóa	2713	36C-569.15	Thanh Hóa	4313	37K-486.95	Nghệ An
1114	36K-296.28	Thanh Hóa	2714	36C-571.08	Thanh Hóa	4314	37K-493.98	Nghệ An
1115	36K-302.58	Thanh Hóa	2715	36C-574.85	Thanh Hóa	4315	37K-494.29	Nghệ An
1116	37C-570.96	Nghệ An	2716	36C-575.58	Thanh Hóa	4316	37K-507.35	Nghệ An
1117	37C-575.09	Nghệ An	2717	36C-580.18	Thanh Hóa	4317	37K-510.96	Nghệ An
1118	37C-576.29	Nghệ An	2718	36K-229.63	Thanh Hóa	4318	37K-512.56	Nghệ An
1119	37C-580.09	Nghệ An	2719	36K-235.58	Thanh Hóa	4319	37K-515.09	Nghệ An
1120	37C-591.35	Nghệ An	2720	36K-241.19	Thanh Hóa	4320	37K-515.26	Nghệ An
1121	37K-482.96	Nghệ An	2721	36K-252.15	Thanh Hóa	4321	37K-516.25	Nghệ An
1122	37K-485.25	Nghệ An	2722	36K-253.65	Thanh Hóa	4322	37K-523.29	Nghệ An
1123	37K-490.16	Nghệ An	2723	36K-258.18	Thanh Hóa	4323	37K-525.56	Nghệ An
1124	37K-492.58	Nghệ An	2724	36K-262.16	Thanh Hóa	4324	37K-525.58	Nghệ An
1125	37K-499.35	Nghệ An	2725	36K-264.15	Thanh Hóa	4325	37K-526.96	Nghệ An
1126	37K-501.36	Nghệ An	2726	36K-265.06	Thanh Hóa	4326	37K-532.65	Nghệ An
1127	37K-504.35	Nghệ An	2727	36K-268.08	Thanh Hóa	4327	37K-534.09	Nghệ An
1128	37K-508.83	Nghệ An	2728	36K-268.28	Thanh Hóa	4328	37K-536.56	Nghệ An
1129	37K-512.83	Nghệ An	2729	36K-270.16	Thanh Hóa	4329	37K-542.58	Nghệ An
1130	37K-515.28	Nghệ An	2730	36K-277.95	Thanh Hóa	4330	37K-542.63	Nghệ An
1131	37K-520.96	Nghệ An	2731	36K-280.59	Thanh Hóa	4331	37K-559.25	Nghệ An
1132	37K-529.09	Nghệ An	2732	36K-281.36	Thanh Hóa	4332	37K-567.59	Nghệ An
1133	37K-537.28	Nghệ An	2733	36K-285.83	Thanh Hóa	4333	37K-569.83	Nghệ An
1134	37K-541.08	Nghệ An	2734	36K-287.29	Thanh Hóa	4334	37K-571.59	Nghệ An
1135	37K-541.25	Nghệ An	2735	36K-290.35	Thanh Hóa	4335	37K-572.63	Nghệ An
1136	37K-542.83	Nghệ An	2736	36K-301.96	Thanh Hóa	4336	38A-687.08	Hà Tĩnh
1137	37K-549.63	Nghệ An	2737	37C-572.15	Nghệ An	4337	38A-692.85	Hà Tĩnh
1138	37K-551.59	Nghệ An	2738	37D-048.25	Nghệ An	4338	38A-702.35	Hà Tĩnh
1139	37K-554.25	Nghệ An	2739	37D-050.06	Nghệ An	4339	38A-710.38	Hà Tĩnh
1140	37K-565.59	Nghệ An	2740	37K-482.29	Nghệ An	4340	38B-024.95	Hà Tĩnh
1141	38A-679.25	Hà Tĩnh	2741	37K-484.08	Nghệ An	4341	38C-247.35	Hà Tĩnh
1142	38A-692.63	Hà Tĩnh	2742	37K-488.29	Nghệ An	4342	38C-248.25	Hà Tĩnh
1143	38A-703.95	Hà Tĩnh	2743	37K-492.09	Nghệ An	4343	38C-254.19	Hà Tĩnh
1144	38A-705.08	Hà Tĩnh	2744	37K-493.95	Nghệ An	4344	38D-023.85	Hà Tĩnh
1145	38A-708.85	Hà Tĩnh	2745	37K-497.35	Nghệ An	4345	43A-941.85	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	38B-023.29	Hà Tĩnh	2746	37K-497.56	Nghệ An	4346	43A-945.06	Đà Nẵng
1147	38B-024.18	Hà Tĩnh	2747	37K-497.59	Nghệ An	4347	43A-950.26	Đà Nẵng
1148	38B-026.28	Hà Tĩnh	2748	37K-503.15	Nghệ An	4348	43A-950.38	Đà Nẵng
1149	38C-243.18	Hà Tĩnh	2749	37K-504.63	Nghệ An	4349	43A-955.25	Đà Nẵng
1150	38C-253.56	Hà Tĩnh	2750	37K-505.16	Nghệ An	4350	43A-957.16	Đà Nẵng
1151	43A-948.19	Đà Nẵng	2751	37K-506.65	Nghệ An	4351	43A-966.09	Đà Nẵng
1152	43A-951.19	Đà Nẵng	2752	37K-520.08	Nghệ An	4352	43A-967.18	Đà Nẵng
1153	43A-963.19	Đà Nẵng	2753	37K-526.58	Nghệ An	4353	43A-968.63	Đà Nẵng
1154	43A-974.36	Đà Nẵng	2754	37K-541.18	Nghệ An	4354	43C-314.98	Đà Nẵng
1155	43A-975.96	Đà Nẵng	2755	37K-543.56	Nghệ An	4355	43C-315.35	Đà Nẵng
1156	43B-065.18	Đà Nẵng	2756	37K-549.19	Nghệ An	4356	43D-014.65	Đà Nẵng
1157	43C-320.08	Đà Nẵng	2757	37K-553.83	Nghệ An	4357	47A-825.38	Đắk Lắk
1158	43C-321.38	Đà Nẵng	2758	37K-558.18	Nghệ An	4358	47A-833.59	Đắk Lắk
1159	47A-815.58	Đắk Lắk	2759	37K-563.18	Nghệ An	4359	47A-834.95	Đắk Lắk
1160	47A-824.29	Đắk Lắk	2760	37K-575.28	Nghệ An	4360	47A-839.26	Đắk Lắk
1161	47A-825.36	Đắk Lắk	2761	38A-681.38	Hà Tĩnh	4361	47A-840.06	Đắk Lắk
1162	47A-832.06	Đắk Lắk	2762	38A-683.26	Hà Tĩnh	4362	47A-858.06	Đắk Lắk
1163	47A-836.58	Đắk Lắk	2763	38A-683.36	Hà Tĩnh	4363	47A-864.83	Đắk Lắk
1164	47A-836.59	Đắk Lắk	2764	38A-684.28	Hà Tĩnh	4364	47B-045.28	Đắk Lắk
1165	47A-837.16	Đắk Lắk	2765	38A-684.98	Hà Tĩnh	4365	47C-402.98	Đắk Lắk
1166	47A-852.36	Đắk Lắk	2766	38A-686.06	Hà Tĩnh	4366	47C-405.38	Đắk Lắk
1167	47A-857.16	Đắk Lắk	2767	38A-693.59	Hà Tĩnh	4367	47C-417.26	Đắk Lắk
1168	47A-857.26	Đắk Lắk	2768	38A-695.08	Hà Tĩnh	4368	48A-248.18	Đắk Nông
1169	47A-858.83	Đắk Lắk	2769	38A-696.56	Hà Tĩnh	4369	48A-254.96	Đắk Nông
1170	47B-042.58	Đắk Lắk	2770	38A-699.36	Hà Tĩnh	4370	48A-256.06	Đắk Nông
1171	47C-405.29	Đắk Lắk	2771	38A-701.06	Hà Tĩnh	4371	48D-008.65	Đắk Nông
1172	47C-411.29	Đắk Lắk	2772	38A-704.85	Hà Tĩnh	4372	49A-746.35	Lâm Đồng
1173	47C-413.96	Đắk Lắk	2773	38A-708.06	Hà Tĩnh	4373	49A-754.83	Lâm Đồng
1174	47C-415.83	Đắk Lắk	2774	38A-708.65	Hà Tĩnh	4374	49A-761.08	Lâm Đồng
1175	47C-416.58	Đắk Lắk	2775	38C-246.16	Hà Tĩnh	4375	49A-763.38	Lâm Đồng
1176	48A-250.16	Đắk Nông	2776	38C-246.25	Hà Tĩnh	4376	49A-769.25	Lâm Đồng
1177	48A-257.28	Đắk Nông	2777	38C-248.28	Hà Tĩnh	4377	49A-772.96	Lâm Đồng
1178	48A-258.18	Đắk Nông	2778	38C-249.83	Hà Tĩnh	4378	49A-773.19	Lâm Đồng
1179	49A-746.25	Lâm Đồng	2779	38C-254.63	Hà Tĩnh	4379	49A-775.83	Lâm Đồng
1180	49A-748.28	Lâm Đồng	2780	43A-944.96	Đà Nẵng	4380	49B-032.25	Lâm Đồng
1181	49A-750.59	Lâm Đồng	2781	43A-945.25	Đà Nẵng	4381	49B-035.26	Lâm Đồng
1182	49A-756.15	Lâm Đồng	2782	43A-948.96	Đà Nẵng	4382	49B-035.38	Lâm Đồng
1183	49A-760.29	Lâm Đồng	2783	43A-949.35	Đà Nẵng	4383	49C-396.26	Lâm Đồng
1184	49A-768.63	Lâm Đồng	2784	43A-951.98	Đà Nẵng	4384	49C-398.28	Lâm Đồng
1185	49A-772.95	Lâm Đồng	2785	43A-962.06	Đà Nẵng	4385	49D-016.59	Lâm Đồng
1186	49C-384.28	Lâm Đồng	2786	43A-971.85	Đà Nẵng	4386	49D-017.08	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	49C-398.95	Lâm Đồng	2787	43A-975.06	Đà Nẵng	4387	51B-715.19	Hồ Chí Minh
1188	51B-714.06	Hồ Chí Minh	2788	43A-977.08	Đà Nẵng	4388	51E-344.08	Hồ Chí Minh
1189	51B-715.35	Hồ Chí Minh	2789	43A-977.29	Đà Nẵng	4389	51L-896.83	Hồ Chí Minh
1190	51E-353.36	Hồ Chí Minh	2790	43B-065.08	Đà Nẵng	4390	51L-901.38	Hồ Chí Minh
1191	51L-899.29	Hồ Chí Minh	2791	43C-320.16	Đà Nẵng	4391	51L-904.38	Hồ Chí Minh
1192	51L-900.59	Hồ Chí Minh	2792	43C-322.58	Đà Nẵng	4392	51L-917.59	Hồ Chí Minh
1193	51L-905.98	Hồ Chí Minh	2793	43D-012.26	Đà Nẵng	4393	51L-923.95	Hồ Chí Minh
1194	51L-908.96	Hồ Chí Minh	2794	43D-015.35	Đà Nẵng	4394	51L-935.08	Hồ Chí Minh
1195	51L-910.09	Hồ Chí Minh	2795	47A-819.59	Đắk Lắk	4395	51L-939.26	Hồ Chí Minh
1196	51L-912.35	Hồ Chí Minh	2796	47A-821.15	Đắk Lắk	4396	51L-940.58	Hồ Chí Minh
1197	51L-917.29	Hồ Chí Minh	2797	47A-829.25	Đắk Lắk	4397	51L-941.58	Hồ Chí Minh
1198	51L-924.35	Hồ Chí Minh	2798	47A-830.96	Đắk Lắk	4398	51L-944.58	Hồ Chí Minh
1199	51L-924.95	Hồ Chí Minh	2799	47A-844.16	Đắk Lắk	4399	51L-947.18	Hồ Chí Minh
1200	51L-931.59	Hồ Chí Minh	2800	47A-851.19	Đắk Lắk	4400	51L-951.65	Hồ Chí Minh
1201	51L-931.85	Hồ Chí Minh	2801	47A-852.29	Đắk Lắk	4401	51L-952.98	Hồ Chí Minh
1202	51L-932.08	Hồ Chí Minh	2802	47A-861.35	Đắk Lắk	4402	51L-971.18	Hồ Chí Minh
1203	51L-935.58	Hồ Chí Minh	2803	47A-864.98	Đắk Lắk	4403	51L-977.83	Hồ Chí Minh
1204	51L-941.06	Hồ Chí Minh	2804	47B-043.09	Đắk Lắk	4404	51L-978.36	Hồ Chí Minh
1205	51L-946.36	Hồ Chí Minh	2805	47C-402.58	Đắk Lắk	4405	51L-980.96	Hồ Chí Minh
1206	51L-961.95	Hồ Chí Minh	2806	47C-407.26	Đắk Lắk	4406	51L-986.08	Hồ Chí Minh
1207	51L-968.95	Hồ Chí Minh	2807	47C-410.18	Đắk Lắk	4407	51L-994.26	Hồ Chí Minh
1208	51L-974.36	Hồ Chí Minh	2808	47C-410.58	Đắk Lắk	4408	51L-997.85	Hồ Chí Minh
1209	51L-976.85	Hồ Chí Minh	2809	47C-411.15	Đắk Lắk	4409	51M-053.98	Hồ Chí Minh
1210	51L-980.38	Hồ Chí Minh	2810	47C-416.98	Đắk Lắk	4410	51M-054.36	Hồ Chí Minh
1211	51L-982.58	Hồ Chí Minh	2811	47D-025.19	Đắk Lắk	4411	51M-067.08	Hồ Chí Minh
1212	51L-984.06	Hồ Chí Minh	2812	48A-248.19	Đắk Nông	4412	51M-072.38	Hồ Chí Minh
1213	51L-984.59	Hồ Chí Minh	2813	48B-016.18	Đắk Nông	4413	51M-074.09	Hồ Chí Minh
1214	51L-987.09	Hồ Chí Minh	2814	48C-120.63	Đắk Nông	4414	51M-078.29	Hồ Chí Minh
1215	51L-988.19	Hồ Chí Minh	2815	49A-750.26	Lâm Đồng	4415	51M-083.85	Hồ Chí Minh
1216	51L-991.58	Hồ Chí Minh	2816	49A-751.06	Lâm Đồng	4416	51M-086.95	Hồ Chí Minh
1217	51M-054.06	Hồ Chí Minh	2817	49A-758.35	Lâm Đồng	4417	51M-091.08	Hồ Chí Minh
1218	51M-066.26	Hồ Chí Minh	2818	49A-770.65	Lâm Đồng	4418	51M-091.56	Hồ Chí Minh
1219	51M-068.38	Hồ Chí Minh	2819	49A-772.16	Lâm Đồng	4419	51M-097.29	Hồ Chí Minh
1220	51M-069.65	Hồ Chí Minh	2820	49A-773.18	Lâm Đồng	4420	51M-102.63	Hồ Chí Minh
1221	51M-072.35	Hồ Chí Minh	2821	49A-779.38	Lâm Đồng	4421	51M-103.85	Hồ Chí Minh
1222	51M-074.96	Hồ Chí Minh	2822	49A-780.28	Lâm Đồng	4422	51M-106.18	Hồ Chí Minh
1223	51M-075.98	Hồ Chí Minh	2823	49B-032.09	Lâm Đồng	4423	51M-111.96	Hồ Chí Minh
1224	51M-089.09	Hồ Chí Minh	2824	49C-397.83	Lâm Đồng	4424	51M-113.85	Hồ Chí Minh
1225	51M-097.35	Hồ Chí Minh	2825	49C-397.95	Lâm Đồng	4425	51M-117.15	Hồ Chí Minh
1226	51M-109.58	Hồ Chí Minh	2826	49C-399.36	Lâm Đồng	4426	51M-121.16	Hồ Chí Minh
1227	51M-116.85	Hồ Chí Minh	2827	51B-713.19	Hồ Chí Minh	4427	51M-123.59	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51M-117.65	Hồ Chí Minh	2828	51E-348.65	Hồ Chí Minh	4428	51M-125.06	Hồ Chí Minh
1229	51M-122.28	Hồ Chí Minh	2829	51E-349.18	Hồ Chí Minh	4429	51M-128.56	Hồ Chí Minh
1230	51M-127.98	Hồ Chí Minh	2830	51E-349.56	Hồ Chí Minh	4430	51M-130.95	Hồ Chí Minh
1231	51M-128.19	Hồ Chí Minh	2831	51L-899.25	Hồ Chí Minh	4431	51M-131.25	Hồ Chí Minh
1232	51M-130.15	Hồ Chí Minh	2832	51L-915.63	Hồ Chí Minh	4432	51M-154.19	Hồ Chí Minh
1233	51M-135.38	Hồ Chí Minh	2833	51L-916.09	Hồ Chí Minh	4433	51M-157.26	Hồ Chí Minh
1234	51M-137.28	Hồ Chí Minh	2834	51L-920.58	Hồ Chí Minh	4434	51M-157.96	Hồ Chí Minh
1235	51M-137.95	Hồ Chí Minh	2835	51L-924.16	Hồ Chí Minh	4435	51M-166.06	Hồ Chí Minh
1236	51M-140.09	Hồ Chí Minh	2836	51L-929.38	Hồ Chí Minh	4436	51M-170.36	Hồ Chí Minh
1237	51M-143.95	Hồ Chí Minh	2837	51L-930.83	Hồ Chí Minh	4437	51M-175.08	Hồ Chí Minh
1238	51M-154.28	Hồ Chí Minh	2838	51L-942.95	Hồ Chí Minh	4438	51M-181.09	Hồ Chí Minh
1239	51M-155.18	Hồ Chí Minh	2839	51L-948.98	Hồ Chí Minh	4439	51M-189.35	Hồ Chí Minh
1240	51M-158.35	Hồ Chí Minh	2840	51L-949.85	Hồ Chí Minh	4440	51M-190.25	Hồ Chí Minh
1241	51M-159.28	Hồ Chí Minh	2841	51L-953.15	Hồ Chí Minh	4441	51M-198.15	Hồ Chí Minh
1242	51M-176.36	Hồ Chí Minh	2842	51L-956.98	Hồ Chí Minh	4442	51M-201.38	Hồ Chí Minh
1243	51M-183.95	Hồ Chí Minh	2843	51L-978.38	Hồ Chí Minh	4443	51M-212.36	Hồ Chí Minh
1244	51M-186.35	Hồ Chí Minh	2844	51L-984.19	Hồ Chí Minh	4444	51M-217.16	Hồ Chí Minh
1245	51M-204.83	Hồ Chí Minh	2845	51L-995.85	Hồ Chí Minh	4445	51M-217.19	Hồ Chí Minh
1246	51M-216.59	Hồ Chí Minh	2846	51L-997.29	Hồ Chí Minh	4446	51M-218.36	Hồ Chí Minh
1247	51M-217.36	Hồ Chí Minh	2847	51L-997.83	Hồ Chí Minh	4447	51M-219.25	Hồ Chí Minh
1248	51M-224.85	Hồ Chí Minh	2848	51M-051.96	Hồ Chí Minh	4448	51M-220.19	Hồ Chí Minh
1249	51M-225.85	Hồ Chí Minh	2849	51M-052.65	Hồ Chí Minh	4449	51M-225.35	Hồ Chí Minh
1250	51M-226.65	Hồ Chí Minh	2850	51M-053.18	Hồ Chí Minh	4450	51M-226.28	Hồ Chí Minh
1251	51M-227.06	Hồ Chí Minh	2851	51M-057.09	Hồ Chí Minh	4451	51M-230.29	Hồ Chí Minh
1252	51M-237.29	Hồ Chí Minh	2852	51M-066.36	Hồ Chí Minh	4452	51M-231.38	Hồ Chí Minh
1253	51M-239.08	Hồ Chí Minh	2853	51M-068.56	Hồ Chí Minh	4453	51M-245.38	Hồ Chí Minh
1254	51M-239.85	Hồ Chí Minh	2854	51M-070.95	Hồ Chí Minh	4454	51M-249.83	Hồ Chí Minh
1255	51M-240.29	Hồ Chí Minh	2855	51M-081.83	Hồ Chí Minh	4455	51M-256.95	Hồ Chí Minh
1256	51M-240.36	Hồ Chí Minh	2856	51M-090.95	Hồ Chí Minh	4456	51M-269.08	Hồ Chí Minh
1257	51M-247.96	Hồ Chí Minh	2857	51M-096.35	Hồ Chí Minh	4457	51M-274.29	Hồ Chí Minh
1258	51M-270.35	Hồ Chí Minh	2858	51M-102.09	Hồ Chí Minh	4458	51M-277.28	Hồ Chí Minh
1259	51M-283.26	Hồ Chí Minh	2859	51M-104.85	Hồ Chí Minh	4459	51M-277.38	Hồ Chí Minh
1260	51M-287.09	Hồ Chí Minh	2860	51M-106.26	Hồ Chí Minh	4460	51M-286.38	Hồ Chí Minh
1261	51M-291.35	Hồ Chí Minh	2861	51M-107.26	Hồ Chí Minh	4461	51M-288.29	Hồ Chí Minh
1262	51M-306.98	Hồ Chí Minh	2862	51M-110.06	Hồ Chí Minh	4462	51M-292.63	Hồ Chí Minh
1263	51M-309.25	Hồ Chí Minh	2863	51M-113.09	Hồ Chí Minh	4463	51M-302.83	Hồ Chí Minh
1264	51N-002.65	Hồ Chí Minh	2864	51M-123.96	Hồ Chí Minh	4464	51M-310.36	Hồ Chí Minh
1265	51N-009.15	Hồ Chí Minh	2865	51M-125.98	Hồ Chí Minh	4465	51M-310.58	Hồ Chí Minh
1266	51N-015.06	Hồ Chí Minh	2866	51M-127.19	Hồ Chí Minh	4466	51N-001.38	Hồ Chí Minh
1267	51N-017.83	Hồ Chí Minh	2867	51M-129.65	Hồ Chí Minh	4467	51N-004.38	Hồ Chí Minh
1268	51N-020.95	Hồ Chí Minh	2868	51M-131.35	Hồ Chí Minh	4468	51N-016.95	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51N-022.95	Hồ Chí Minh	2869	51M-148.58	Hồ Chí Minh	4469	51N-016.96	Hồ Chí Minh
1270	51N-028.06	Hồ Chí Minh	2870	51M-149.18	Hồ Chí Minh	4470	51N-025.09	Hồ Chí Minh
1271	51N-032.25	Hồ Chí Minh	2871	51M-154.59	Hồ Chí Minh	4471	51N-026.59	Hồ Chí Minh
1272	51N-037.25	Hồ Chí Minh	2872	51M-156.98	Hồ Chí Minh	4472	51N-029.36	Hồ Chí Minh
1273	51N-044.98	Hồ Chí Minh	2873	51M-161.58	Hồ Chí Minh	4473	51N-032.65	Hồ Chí Minh
1274	51N-048.08	Hồ Chí Minh	2874	51M-166.35	Hồ Chí Minh	4474	51N-041.16	Hồ Chí Minh
1275	51N-048.28	Hồ Chí Minh	2875	51M-168.58	Hồ Chí Minh	4475	51N-042.28	Hồ Chí Minh
1276	51N-053.26	Hồ Chí Minh	2876	51M-171.85	Hồ Chí Minh	4476	51N-045.18	Hồ Chí Minh
1277	51N-054.08	Hồ Chí Minh	2877	51M-176.38	Hồ Chí Minh	4477	51N-051.06	Hồ Chí Minh
1278	51N-064.38	Hồ Chí Minh	2878	51M-188.15	Hồ Chí Minh	4478	51N-055.65	Hồ Chí Minh
1279	51N-068.29	Hồ Chí Minh	2879	51M-190.15	Hồ Chí Minh	4479	51N-065.38	Hồ Chí Minh
1280	51N-071.98	Hồ Chí Minh	2880	51M-190.36	Hồ Chí Minh	4480	51N-065.96	Hồ Chí Minh
1281	51N-083.25	Hồ Chí Minh	2881	51M-190.38	Hồ Chí Minh	4481	51N-069.26	Hồ Chí Minh
1282	51N-085.15	Hồ Chí Minh	2882	51M-205.95	Hồ Chí Minh	4482	51N-073.09	Hồ Chí Minh
1283	51N-088.26	Hồ Chí Minh	2883	51M-214.95	Hồ Chí Minh	4483	51N-074.28	Hồ Chí Minh
1284	51N-089.25	Hồ Chí Minh	2884	51M-239.25	Hồ Chí Minh	4484	51N-075.29	Hồ Chí Minh
1285	51N-089.35	Hồ Chí Minh	2885	51M-240.25	Hồ Chí Minh	4485	51N-076.16	Hồ Chí Minh
1286	51N-093.96	Hồ Chí Minh	2886	51M-254.65	Hồ Chí Minh	4486	51N-087.29	Hồ Chí Minh
1287	51N-096.58	Hồ Chí Minh	2887	51M-271.18	Hồ Chí Minh	4487	51N-097.29	Hồ Chí Minh
1288	51N-099.25	Hồ Chí Minh	2888	51M-281.15	Hồ Chí Minh	4488	51N-098.85	Hồ Chí Minh
1289	51N-100.18	Hồ Chí Minh	2889	51M-281.83	Hồ Chí Minh	4489	51N-112.96	Hồ Chí Minh
1290	51N-105.85	Hồ Chí Minh	2890	51M-284.63	Hồ Chí Minh	4490	51N-114.09	Hồ Chí Minh
1291	51N-107.35	Hồ Chí Minh	2891	51M-297.08	Hồ Chí Minh	4491	51N-123.29	Hồ Chí Minh
1292	51N-109.19	Hồ Chí Minh	2892	51M-298.56	Hồ Chí Minh	4492	51N-123.58	Hồ Chí Minh
1293	51N-114.98	Hồ Chí Minh	2893	51M-302.25	Hồ Chí Minh	4493	51N-126.58	Hồ Chí Minh
1294	51N-115.58	Hồ Chí Minh	2894	51M-311.15	Hồ Chí Minh	4494	51N-128.98	Hồ Chí Minh
1295	51N-115.85	Hồ Chí Minh	2895	51M-311.59	Hồ Chí Minh	4495	51N-137.06	Hồ Chí Minh
1296	51N-117.96	Hồ Chí Minh	2896	51N-002.16	Hồ Chí Minh	4496	51N-137.19	Hồ Chí Minh
1297	51N-119.85	Hồ Chí Minh	2897	51N-014.85	Hồ Chí Minh	4497	51N-144.38	Hồ Chí Minh
1298	51N-122.09	Hồ Chí Minh	2898	51N-019.09	Hồ Chí Minh	4498	51N-145.98	Hồ Chí Minh
1299	51N-122.25	Hồ Chí Minh	2899	51N-040.08	Hồ Chí Minh	4499	51N-148.85	Hồ Chí Minh
1300	51N-125.65	Hồ Chí Minh	2900	51N-053.16	Hồ Chí Minh	4500	51N-152.06	Hồ Chí Minh
1301	51N-126.36	Hồ Chí Minh	2901	51N-062.85	Hồ Chí Minh	4501	51N-155.95	Hồ Chí Minh
1302	51N-133.98	Hồ Chí Minh	2902	51N-079.35	Hồ Chí Minh	4502	60C-758.16	Đồng Nai
1303	51N-145.06	Hồ Chí Minh	2903	51N-084.19	Hồ Chí Minh	4503	60C-759.98	Đồng Nai
1304	51N-145.35	Hồ Chí Minh	2904	51N-085.38	Hồ Chí Minh	4504	60C-761.08	Đồng Nai
1305	51N-147.09	Hồ Chí Minh	2905	51N-087.25	Hồ Chí Minh	4505	60C-770.25	Đồng Nai
1306	51N-148.59	Hồ Chí Minh	2906	51N-089.63	Hồ Chí Minh	4506	60C-776.63	Đồng Nai
1307	51N-150.96	Hồ Chí Minh	2907	51N-094.98	Hồ Chí Minh	4507	60C-781.58	Đồng Nai
1308	51N-154.83	Hồ Chí Minh	2908	51N-096.38	Hồ Chí Minh	4508	60C-787.09	Đồng Nai
1309	60B-079.26	Đồng Nai	2909	51N-096.63	Hồ Chí Minh	4509	60C-787.98	Đồng Nai

T. C
 T. Y
 3. I. A
 1. N. H
 1. A. M
 - T. P.

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	60C-757.26	Đồng Nai	2910	51N-098.06	Hồ Chí Minh	4510	60C-791.09	Đồng Nai
1311	60C-758.06	Đồng Nai	2911	51N-130.09	Hồ Chí Minh	4511	60C-792.08	Đồng Nai
1312	60C-761.85	Đồng Nai	2912	51N-134.29	Hồ Chí Minh	4512	60K-620.28	Đồng Nai
1313	60C-770.58	Đồng Nai	2913	51N-137.35	Hồ Chí Minh	4513	60K-636.58	Đồng Nai
1314	60C-770.65	Đồng Nai	2914	51N-137.56	Hồ Chí Minh	4514	60K-638.65	Đồng Nai
1315	60C-783.26	Đồng Nai	2915	51N-146.16	Hồ Chí Minh	4515	60K-640.56	Đồng Nai
1316	60C-785.08	Đồng Nai	2916	51N-150.19	Hồ Chí Minh	4516	60K-641.28	Đồng Nai
1317	60C-786.58	Đồng Nai	2917	60B-077.98	Đồng Nai	4517	60K-642.59	Đồng Nai
1318	60C-789.09	Đồng Nai	2918	60B-079.56	Đồng Nai	4518	60K-646.25	Đồng Nai
1319	60C-789.25	Đồng Nai	2919	60C-757.09	Đồng Nai	4519	60K-650.28	Đồng Nai
1320	60C-792.85	Đồng Nai	2920	60C-757.28	Đồng Nai	4520	60K-651.98	Đồng Nai
1321	60D-022.19	Đồng Nai	2921	60C-760.85	Đồng Nai	4521	60K-653.59	Đồng Nai
1322	60D-022.28	Đồng Nai	2922	60C-762.98	Đồng Nai	4522	60K-653.95	Đồng Nai
1323	60D-025.63	Đồng Nai	2923	60C-764.83	Đồng Nai	4523	60K-661.35	Đồng Nai
1324	60K-631.83	Đồng Nai	2924	60C-767.63	Đồng Nai	4524	60K-661.96	Đồng Nai
1325	60K-637.26	Đồng Nai	2925	60C-771.16	Đồng Nai	4525	60K-665.35	Đồng Nai
1326	60K-641.19	Đồng Nai	2926	60C-779.16	Đồng Nai	4526	60K-667.65	Đồng Nai
1327	60K-642.28	Đồng Nai	2927	60C-790.58	Đồng Nai	4527	60K-673.36	Đồng Nai
1328	60K-646.36	Đồng Nai	2928	60K-623.56	Đồng Nai	4528	60K-677.18	Đồng Nai
1329	60K-653.25	Đồng Nai	2929	60K-623.96	Đồng Nai	4529	60K-678.29	Đồng Nai
1330	60K-658.28	Đồng Nai	2930	60K-630.85	Đồng Nai	4530	60K-680.16	Đồng Nai
1331	60K-662.96	Đồng Nai	2931	60K-634.15	Đồng Nai	4531	60K-682.15	Đồng Nai
1332	60K-664.96	Đồng Nai	2932	60K-636.26	Đồng Nai	4532	60K-683.19	Đồng Nai
1333	60K-665.09	Đồng Nai	2933	60K-636.98	Đồng Nai	4533	60K-683.28	Đồng Nai
1334	60K-668.96	Đồng Nai	2934	60K-646.63	Đồng Nai	4534	60K-689.59	Đồng Nai
1335	60K-673.18	Đồng Nai	2935	60K-651.18	Đồng Nai	4535	60K-691.38	Đồng Nai
1336	60K-678.16	Đồng Nai	2936	60K-653.08	Đồng Nai	4536	60K-699.29	Đồng Nai
1337	60K-685.56	Đồng Nai	2937	60K-655.09	Đồng Nai	4537	60K-702.36	Đồng Nai
1338	60K-689.83	Đồng Nai	2938	60K-660.95	Đồng Nai	4538	61B-047.18	Bình Dương
1339	60K-700.16	Đồng Nai	2939	60K-661.28	Đồng Nai	4539	61B-047.26	Bình Dương
1340	61B-045.95	Bình Dương	2940	60K-665.08	Đồng Nai	4540	61C-622.36	Bình Dương
1341	61B-046.35	Bình Dương	2941	60K-669.28	Đồng Nai	4541	61C-625.18	Bình Dương
1342	61C-614.96	Bình Dương	2942	60K-693.65	Đồng Nai	4542	61C-626.18	Bình Dương
1343	61C-622.15	Bình Dương	2943	61C-612.18	Bình Dương	4543	61C-629.85	Bình Dương
1344	61C-631.98	Bình Dương	2944	61C-612.19	Bình Dương	4544	61C-631.35	Bình Dương
1345	61C-640.16	Bình Dương	2945	61C-612.83	Bình Dương	4545	61C-638.08	Bình Dương
1346	61K-519.09	Bình Dương	2946	61C-613.28	Bình Dương	4546	61C-638.28	Bình Dương
1347	61K-520.58	Bình Dương	2947	61C-626.28	Bình Dương	4547	61C-639.38	Bình Dương
1348	61K-527.16	Bình Dương	2948	61C-638.56	Bình Dương	4548	61C-639.65	Bình Dương
1349	61K-532.98	Bình Dương	2949	61C-641.56	Bình Dương	4549	61D-023.25	Bình Dương
1350	61K-535.56	Bình Dương	2950	61K-519.06	Bình Dương	4550	61D-025.36	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	61K-550.98	Bình Dương	2951	61K-535.08	Bình Dương	4551	61D-026.28	Bình Dương
1352	61K-551.29	Bình Dương	2952	61K-542.19	Bình Dương	4552	61K-520.28	Bình Dương
1353	61K-554.63	Bình Dương	2953	61K-556.85	Bình Dương	4553	61K-521.85	Bình Dương
1354	61K-556.18	Bình Dương	2954	61K-562.35	Bình Dương	4554	61K-525.35	Bình Dương
1355	61K-562.18	Bình Dương	2955	61K-565.35	Bình Dương	4555	61K-526.96	Bình Dương
1356	61K-568.15	Bình Dương	2956	61K-565.98	Bình Dương	4556	61K-526.98	Bình Dương
1357	61K-573.18	Bình Dương	2957	61K-566.29	Bình Dương	4557	61K-531.19	Bình Dương
1358	61K-580.18	Bình Dương	2958	61K-570.83	Bình Dương	4558	61K-540.29	Bình Dương
1359	61K-594.98	Bình Dương	2959	61K-571.65	Bình Dương	4559	61K-541.26	Bình Dương
1360	62A-470.15	Long An	2960	61K-581.08	Bình Dương	4560	61K-541.28	Bình Dương
1361	62A-473.59	Long An	2961	61K-583.25	Bình Dương	4561	61K-546.28	Bình Dương
1362	62A-474.29	Long An	2962	61K-584.35	Bình Dương	4562	61K-553.96	Bình Dương
1363	62A-483.29	Long An	2963	61K-589.38	Bình Dương	4563	61K-556.35	Bình Dương
1364	62A-486.58	Long An	2964	61K-594.15	Bình Dương	4564	61K-559.19	Bình Dương
1365	62C-220.19	Long An	2965	61K-597.16	Bình Dương	4565	61K-559.25	Bình Dương
1366	62C-221.28	Long An	2966	62A-476.06	Long An	4566	61K-564.09	Bình Dương
1367	62C-224.06	Long An	2967	62A-486.09	Long An	4567	61K-571.29	Bình Dương
1368	62C-225.16	Long An	2968	62A-492.26	Long An	4568	61K-572.06	Bình Dương
1369	63A-329.18	Tiền Giang	2969	62B-035.15	Long An	4569	61K-574.09	Bình Dương
1370	63A-330.96	Tiền Giang	2970	62B-035.19	Long An	4570	61K-585.09	Bình Dương
1371	63A-334.16	Tiền Giang	2971	62C-222.96	Long An	4571	62A-486.15	Long An
1372	63A-336.16	Tiền Giang	2972	62C-225.65	Long An	4572	62A-486.18	Long An
1373	63A-337.19	Tiền Giang	2973	62C-226.09	Long An	4573	62B-034.08	Long An
1374	63B-035.19	Tiền Giang	2974	62D-018.25	Long An	4574	62B-034.29	Long An
1375	63C-232.95	Tiền Giang	2975	63A-326.08	Tiền Giang	4575	62C-221.85	Long An
1376	63C-233.15	Tiền Giang	2976	63A-328.26	Tiền Giang	4576	63A-324.63	Tiền Giang
1377	63C-239.16	Tiền Giang	2977	63A-331.26	Tiền Giang	4577	63A-335.15	Tiền Giang
1378	64B-017.16	Vĩnh Long	2978	63A-335.06	Tiền Giang	4578	63A-335.19	Tiền Giang
1379	65A-532.08	Cần Thơ	2979	63B-033.08	Tiền Giang	4579	63A-340.85	Tiền Giang
1380	65A-533.19	Cần Thơ	2980	63B-035.18	Tiền Giang	4580	63A-341.09	Tiền Giang
1381	65B-026.96	Cần Thơ	2981	63C-228.65	Tiền Giang	4581	63A-341.63	Tiền Giang
1382	65D-011.19	Cần Thơ	2982	63C-232.06	Tiền Giang	4582	63A-342.25	Tiền Giang
1383	66A-310.25	Đồng Tháp	2983	63C-234.26	Tiền Giang	4583	63B-034.19	Tiền Giang
1384	66A-313.28	Đồng Tháp	2984	63C-237.19	Tiền Giang	4584	63C-236.29	Tiền Giang
1385	66A-314.65	Đồng Tháp	2985	64A-205.19	Vĩnh Long	4585	63C-237.08	Tiền Giang
1386	66A-316.58	Đồng Tháp	2986	64A-207.35	Vĩnh Long	4586	63C-240.59	Tiền Giang
1387	66B-025.56	Đồng Tháp	2987	64A-211.85	Vĩnh Long	4587	64B-017.25	Vĩnh Long
1388	66C-186.56	Đồng Tháp	2988	64A-212.29	Vĩnh Long	4588	64B-017.36	Vĩnh Long
1389	66C-187.56	Đồng Tháp	2989	64A-212.96	Vĩnh Long	4589	64C-135.09	Vĩnh Long
1390	66C-189.16	Đồng Tháp	2990	64B-016.83	Vĩnh Long	4590	64C-139.18	Vĩnh Long
1391	66D-013.98	Đồng Tháp	2991	64B-018.63	Vĩnh Long	4591	65A-515.29	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	66D-014.36	Đồng Tháp	2992	64D-006.83	Vĩnh Long	4592	65A-521.38	Cần Thơ
1393	67A-334.38	An Giang	2993	65A-521.98	Cần Thơ	4593	65A-527.38	Cần Thơ
1394	67A-340.95	An Giang	2994	65A-523.18	Cần Thơ	4594	65A-527.83	Cần Thơ
1395	67B-030.25	An Giang	2995	65C-249.56	Cần Thơ	4595	65A-528.59	Cần Thơ
1396	67B-031.08	An Giang	2996	65C-266.36	Cần Thơ	4596	65A-532.18	Cần Thơ
1397	67B-031.36	An Giang	2997	65C-269.36	Cần Thơ	4597	65C-261.06	Cần Thơ
1398	67B-032.18	An Giang	2998	65C-273.58	Cần Thơ	4598	65C-278.58	Cần Thơ
1399	68A-370.83	Kiên Giang	2999	65D-011.09	Cần Thơ	4599	66A-307.06	Đồng Tháp
1400	68A-374.16	Kiên Giang	3000	66A-309.15	Đồng Tháp	4600	66A-311.59	Đồng Tháp
1401	68A-375.09	Kiên Giang	3001	66A-312.16	Đồng Tháp	4601	66A-312.58	Đồng Tháp
1402	68A-376.63	Kiên Giang	3002	66A-315.95	Đồng Tháp	4602	66A-313.35	Đồng Tháp
1403	68A-377.09	Kiên Giang	3003	66C-184.25	Đồng Tháp	4603	66B-024.06	Đồng Tháp
1404	68C-185.63	Kiên Giang	3004	66D-013.56	Đồng Tháp	4604	66C-191.59	Đồng Tháp
1405	69A-172.15	Cà Mau	3005	67A-331.98	An Giang	4605	66D-014.83	Đồng Tháp
1406	69A-175.16	Cà Mau	3006	67A-334.36	An Giang	4606	67A-334.25	An Giang
1407	69B-014.95	Cà Mau	3007	67A-334.98	An Giang	4607	67A-340.63	An Giang
1408	69B-016.98	Cà Mau	3008	67A-341.09	An Giang	4608	67A-345.63	An Giang
1409	69B-017.19	Cà Mau	3009	67A-341.58	An Giang	4609	68A-375.65	Kiên Giang
1410	69C-106.58	Cà Mau	3010	67A-343.65	An Giang	4610	68A-376.35	Kiên Giang
1411	69C-106.59	Cà Mau	3011	67C-191.96	An Giang	4611	68B-034.25	Kiên Giang
1412	69C-109.25	Cà Mau	3012	68A-365.38	Kiên Giang	4612	68C-182.35	Kiên Giang
1413	69D-009.25	Cà Mau	3013	68A-369.08	Kiên Giang	4613	68C-184.35	Kiên Giang
1414	70A-594.15	Tây Ninh	3014	68A-372.19	Kiên Giang	4614	69A-174.18	Cà Mau
1415	70A-600.09	Tây Ninh	3015	68A-374.25	Kiên Giang	4615	69B-017.06	Cà Mau
1416	70A-611.08	Tây Ninh	3016	68A-377.18	Kiên Giang	4616	69C-104.63	Cà Mau
1417	70A-611.98	Tây Ninh	3017	68A-379.59	Kiên Giang	4617	69C-109.35	Cà Mau
1418	70B-037.29	Tây Ninh	3018	68B-035.29	Kiên Giang	4618	69D-006.09	Cà Mau
1419	70C-213.19	Tây Ninh	3019	68B-038.06	Kiên Giang	4619	70A-584.98	Tây Ninh
1420	70D-011.63	Tây Ninh	3020	68C-183.08	Kiên Giang	4620	70A-585.15	Tây Ninh
1421	70D-011.65	Tây Ninh	3021	69A-170.18	Cà Mau	4621	70A-585.65	Tây Ninh
1422	71A-212.63	Bến Tre	3022	69D-008.59	Cà Mau	4622	70A-585.95	Tây Ninh
1423	71A-213.29	Bến Tre	3023	70A-593.96	Tây Ninh	4623	70A-586.83	Tây Ninh
1424	71D-007.28	Bến Tre	3024	70A-601.15	Tây Ninh	4624	70A-592.19	Tây Ninh
1425	72A-846.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3025	70A-607.56	Tây Ninh	4625	70A-601.25	Tây Ninh
1426	72A-854.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3026	70C-217.09	Tây Ninh	4626	70A-603.09	Tây Ninh
1427	72A-854.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3027	70C-217.19	Tây Ninh	4627	70A-603.29	Tây Ninh
1428	72A-864.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3028	71B-026.15	Bến Tre	4628	70A-611.35	Tây Ninh
1429	72A-865.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3029	71C-133.83	Bến Tre	4629	70D-013.58	Tây Ninh
1430	72A-868.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	3030	71D-009.63	Bến Tre	4630	71A-219.26	Bến Tre
1431	72A-871.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3031	72A-846.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4631	71B-023.28	Bến Tre
1432	72A-871.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3032	72A-850.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	4632	71C-134.38	Bến Tre

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	72A-878.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3033	72A-851.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4633	72A-843.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
1434	72A-884.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3034	72A-856.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4634	72A-853.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1435	72A-884.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3035	72A-864.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	4635	72A-862.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1436	72C-264.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	3036	72A-867.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4636	72A-864.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
1437	72C-275.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	3037	72A-867.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4637	72A-872.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1438	72C-279.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3038	72A-868.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4638	72A-878.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
1439	73A-372.59	Quảng Bình	3039	72A-871.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4639	72A-883.06	Bà Rịa - Vũng Tàu
1440	73A-381.09	Quảng Bình	3040	72A-875.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4640	72A-883.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
1441	73C-192.25	Quảng Bình	3041	72A-884.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4641	72B-046.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
1442	73D-010.06	Quảng Bình	3042	72C-268.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	4642	72C-266.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
1443	73D-011.38	Quảng Bình	3043	72C-269.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	4643	72C-269.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
1444	73D-011.85	Quảng Bình	3044	72C-271.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	4644	72C-274.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
1445	74A-283.65	Quảng Trị	3045	72C-274.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	4645	72C-274.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
1446	75A-388.65	Thừa Thiên Huế	3046	72C-277.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4646	72C-275.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1447	75A-394.83	Thừa Thiên Huế	3047	72C-277.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	4647	72C-278.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1448	75A-396.18	Thừa Thiên Huế	3048	72C-281.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	4648	73A-371.06	Quảng Bình
1449	75A-398.59	Thừa Thiên Huế	3049	72C-282.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4649	73C-195.28	Quảng Bình
1450	75B-032.25	Thừa Thiên Huế	3050	73A-376.59	Quảng Bình	4650	74A-277.95	Quảng Trị
1451	75C-161.25	Thừa Thiên Huế	3051	73B-019.26	Quảng Bình	4651	74A-278.36	Quảng Trị
1452	76A-327.95	Quảng Ngãi	3052	74B-020.56	Quảng Trị	4652	74C-145.38	Quảng Trị
1453	77A-369.06	Bình Định	3053	74C-144.29	Quảng Trị	4653	74C-149.95	Quảng Trị
1454	77A-371.06	Bình Định	3054	74D-014.38	Quảng Trị	4654	74D-014.65	Quảng Trị
1455	77B-039.15	Bình Định	3055	75A-399.65	Thừa Thiên Huế	4655	75A-387.95	Thừa Thiên Huế
1456	77B-040.08	Bình Định	3056	75A-402.06	Thừa Thiên Huế	4656	75A-390.83	Thừa Thiên Huế
1457	77C-264.18	Bình Định	3057	75B-031.26	Thừa Thiên Huế	4657	75A-391.18	Thừa Thiên Huế
1458	78A-220.26	Phú Yên	3058	75C-157.09	Thừa Thiên Huế	4658	75A-392.85	Thừa Thiên Huế
1459	78A-224.98	Phú Yên	3059	75C-161.65	Thừa Thiên Huế	4659	75A-393.36	Thừa Thiên Huế
1460	78A-225.59	Phú Yên	3060	75C-162.85	Thừa Thiên Huế	4660	75A-395.26	Thừa Thiên Huế
1461	78B-020.35	Phú Yên	3061	75C-164.08	Thừa Thiên Huế	4661	75A-400.06	Thừa Thiên Huế
1462	78D-006.56	Phú Yên	3062	75D-013.06	Thừa Thiên Huế	4662	75A-401.63	Thừa Thiên Huế
1463	78D-007.35	Phú Yên	3063	76A-324.29	Quảng Ngãi	4663	75A-401.95	Thừa Thiên Huế
1464	78D-009.65	Phú Yên	3064	76A-327.56	Quảng Ngãi	4664	75C-157.63	Thừa Thiên Huế
1465	79A-573.36	Khánh Hòa	3065	76A-329.98	Quảng Ngãi	4665	75D-010.28	Thừa Thiên Huế
1466	79A-578.28	Khánh Hòa	3066	76A-330.28	Quảng Ngãi	4666	76A-328.65	Quảng Ngãi
1467	79A-579.18	Khánh Hòa	3067	76A-332.09	Quảng Ngãi	4667	76A-330.96	Quảng Ngãi
1468	79A-586.08	Khánh Hòa	3068	76A-334.25	Quảng Ngãi	4668	76A-332.56	Quảng Ngãi
1469	79C-230.26	Khánh Hòa	3069	76A-335.96	Quảng Ngãi	4669	76A-335.98	Quảng Ngãi
1470	81A-454.06	Gia Lai	3070	76A-336.56	Quảng Ngãi	4670	76D-012.59	Quảng Ngãi
1471	81A-456.38	Gia Lai	3071	76C-177.83	Quảng Ngãi	4671	77A-356.19	Bình Định
1472	81A-456.96	Gia Lai	3072	76C-177.85	Quảng Ngãi	4672	77A-365.98	Bình Định
1473	81A-459.16	Gia Lai	3073	77A-358.26	Bình Định	4673	77A-366.29	Bình Định

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	81A-464.95	Gia Lai	3074	77A-366.58	Bình Định	4674	77A-371.59	Bình Định
1475	81A-466.25	Gia Lai	3075	77A-368.96	Bình Định	4675	77C-262.36	Bình Định
1476	81A-471.35	Gia Lai	3076	77A-371.16	Bình Định	4676	77C-266.83	Bình Định
1477	81B-031.35	Gia Lai	3077	77C-261.56	Bình Định	4677	77C-266.95	Bình Định
1478	81C-285.96	Gia Lai	3078	77C-267.65	Bình Định	4678	78D-010.36	Phú Yên
1479	81C-291.65	Gia Lai	3079	77D-008.63	Bình Định	4679	79A-577.08	Khánh Hòa
1480	82A-161.26	Kon Tum	3080	77D-010.38	Bình Định	4680	79A-578.16	Khánh Hòa
1481	82A-163.28	Kon Tum	3081	79A-570.15	Khánh Hòa	4681	79A-588.19	Khánh Hòa
1482	82C-098.08	Kon Tum	3082	79A-572.65	Khánh Hòa	4682	79A-591.85	Khánh Hòa
1483	83A-193.96	Sóc Trăng	3083	79A-576.85	Khánh Hòa	4683	79A-594.28	Khánh Hòa
1484	83A-195.15	Sóc Trăng	3084	79A-578.18	Khánh Hòa	4684	79C-228.65	Khánh Hòa
1485	83A-195.35	Sóc Trăng	3085	79A-581.28	Khánh Hòa	4685	81A-455.38	Gia Lai
1486	83A-195.85	Sóc Trăng	3086	79A-591.56	Khánh Hòa	4686	81A-457.65	Gia Lai
1487	83B-024.56	Sóc Trăng	3087	79A-593.36	Khánh Hòa	4687	81A-459.15	Gia Lai
1488	83C-133.26	Sóc Trăng	3088	79B-045.85	Khánh Hòa	4688	81A-469.16	Gia Lai
1489	83C-133.29	Sóc Trăng	3089	79C-230.38	Khánh Hòa	4689	81A-471.08	Gia Lai
1490	83C-133.56	Sóc Trăng	3090	79C-231.96	Khánh Hòa	4690	81A-471.28	Gia Lai
1491	83C-134.85	Sóc Trăng	3091	79D-012.95	Khánh Hòa	4691	81A-472.16	Gia Lai
1492	83C-135.65	Sóc Trăng	3092	81A-458.25	Gia Lai	4692	81B-030.08	Gia Lai
1493	83D-009.35	Sóc Trăng	3093	81A-461.26	Gia Lai	4693	81C-292.09	Gia Lai
1494	83D-011.19	Sóc Trăng	3094	81A-471.16	Gia Lai	4694	81C-295.83	Gia Lai
1495	83D-011.58	Sóc Trăng	3095	81C-286.96	Gia Lai	4695	81D-015.38	Gia Lai
1496	84A-149.36	Trà Vinh	3096	81C-292.25	Gia Lai	4696	81D-015.63	Gia Lai
1497	84C-126.28	Trà Vinh	3097	81D-013.56	Gia Lai	4697	82A-159.19	Kon Tum
1498	84D-008.28	Trà Vinh	3098	81D-013.95	Gia Lai	4698	82A-163.85	Kon Tum
1499	85A-147.28	Ninh Thuận	3099	82A-163.96	Kon Tum	4699	82D-013.28	Kon Tum
1500	85A-150.29	Ninh Thuận	3100	82A-165.08	Kon Tum	4700	82D-014.59	Kon Tum
1501	85B-014.59	Ninh Thuận	3101	82D-013.35	Kon Tum	4701	83C-133.08	Sóc Trăng
1502	85D-008.15	Ninh Thuận	3102	82D-014.26	Kon Tum	4702	83C-138.58	Sóc Trăng
1503	86A-320.29	Bình Thuận	3103	83A-195.98	Sóc Trăng	4703	84A-148.96	Trà Vinh
1504	86A-327.06	Bình Thuận	3104	83A-196.16	Sóc Trăng	4704	84B-023.15	Trà Vinh
1505	86C-209.28	Bình Thuận	3105	83A-196.98	Sóc Trăng	4705	84C-125.08	Trà Vinh
1506	86C-211.58	Bình Thuận	3106	83A-197.15	Sóc Trăng	4706	85A-146.63	Ninh Thuận
1507	86C-214.85	Bình Thuận	3107	83C-138.18	Sóc Trăng	4707	85B-014.08	Ninh Thuận
1508	88A-793.95	Vĩnh Phúc	3108	83D-009.65	Sóc Trăng	4708	85B-014.65	Ninh Thuận
1509	88A-797.96	Vĩnh Phúc	3109	84A-147.08	Trà Vinh	4709	85C-088.26	Ninh Thuận
1510	88A-798.28	Vĩnh Phúc	3110	84A-149.25	Trà Vinh	4710	85D-009.59	Ninh Thuận
1511	88A-800.63	Vĩnh Phúc	3111	84A-151.65	Trà Vinh	4711	86A-320.25	Bình Thuận
1512	88A-804.83	Vĩnh Phúc	3112	84B-020.06	Trà Vinh	4712	86A-321.26	Bình Thuận
1513	88A-806.59	Vĩnh Phúc	3113	84C-125.29	Trà Vinh	4713	86A-323.38	Bình Thuận
1514	88A-816.38	Vĩnh Phúc	3114	84C-125.59	Trà Vinh	4714	86A-325.16	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	88A-818.56	Vĩnh Phúc	3115	84C-127.09	Trà Vinh	4715	86A-326.15	Bình Thuận
1516	88A-819.63	Vĩnh Phúc	3116	84D-006.28	Trà Vinh	4716	86A-330.96	Bình Thuận
1517	88A-822.25	Vĩnh Phúc	3117	84D-006.29	Trà Vinh	4717	86A-334.28	Bình Thuận
1518	88A-829.98	Vĩnh Phúc	3118	85A-150.16	Ninh Thuận	4718	86C-210.96	Bình Thuận
1519	88B-021.98	Vĩnh Phúc	3119	85A-151.06	Ninh Thuận	4719	86C-211.19	Bình Thuận
1520	88C-312.26	Vĩnh Phúc	3120	85A-151.63	Ninh Thuận	4720	86D-006.18	Bình Thuận
1521	88C-312.35	Vĩnh Phúc	3121	85A-152.56	Ninh Thuận	4721	88A-798.63	Vĩnh Phúc
1522	88C-318.63	Vĩnh Phúc	3122	85C-085.98	Ninh Thuận	4722	88A-799.18	Vĩnh Phúc
1523	88D-024.38	Vĩnh Phúc	3123	86A-321.98	Bình Thuận	4723	88A-810.08	Vĩnh Phúc
1524	89A-533.58	Hưng Yên	3124	86B-024.58	Bình Thuận	4724	88A-810.65	Vĩnh Phúc
1525	89A-538.96	Hưng Yên	3125	86B-025.08	Bình Thuận	4725	88B-021.85	Vĩnh Phúc
1526	89A-541.65	Hưng Yên	3126	86B-026.65	Bình Thuận	4726	88C-310.26	Vĩnh Phúc
1527	89A-543.25	Hưng Yên	3127	88A-791.29	Vĩnh Phúc	4727	88C-316.06	Vĩnh Phúc
1528	89A-548.25	Hưng Yên	3128	88A-803.18	Vĩnh Phúc	4728	88D-023.58	Vĩnh Phúc
1529	89A-557.83	Hưng Yên	3129	88A-808.19	Vĩnh Phúc	4729	88D-024.59	Vĩnh Phúc
1530	89A-565.19	Hưng Yên	3130	88A-815.08	Vĩnh Phúc	4730	89A-535.85	Hưng Yên
1531	89C-345.26	Hưng Yên	3131	88A-816.06	Vĩnh Phúc	4731	89A-537.56	Hưng Yên
1532	89C-346.59	Hưng Yên	3132	88A-816.65	Vĩnh Phúc	4732	89A-542.58	Hưng Yên
1533	89C-353.09	Hưng Yên	3133	88A-825.59	Vĩnh Phúc	4733	89A-549.15	Hưng Yên
1534	89D-026.63	Hưng Yên	3134	88B-022.08	Vĩnh Phúc	4734	89A-562.96	Hưng Yên
1535	90A-289.25	Hà Nam	3135	88B-023.85	Vĩnh Phúc	4735	89A-565.83	Hưng Yên
1536	90A-300.56	Hà Nam	3136	88C-312.36	Vĩnh Phúc	4736	89B-028.96	Hưng Yên
1537	90C-156.19	Hà Nam	3137	88C-314.35	Vĩnh Phúc	4737	89C-353.15	Hưng Yên
1538	90C-156.25	Hà Nam	3138	88C-314.56	Vĩnh Phúc	4738	89D-025.18	Hưng Yên
1539	90D-011.08	Hà Nam	3139	88C-315.25	Vĩnh Phúc	4739	90A-293.06	Hà Nam
1540	92A-438.16	Quảng Nam	3140	88C-319.29	Vĩnh Phúc	4740	90A-297.59	Hà Nam
1541	92A-439.06	Quảng Nam	3141	89A-537.59	Hưng Yên	4741	90A-298.36	Hà Nam
1542	92A-446.26	Quảng Nam	3142	89A-542.29	Hưng Yên	4742	90A-299.28	Hà Nam
1543	92A-449.35	Quảng Nam	3143	89A-554.26	Hưng Yên	4743	90A-300.26	Hà Nam
1544	92B-039.09	Quảng Nam	3144	89A-558.95	Hưng Yên	4744	90A-302.18	Hà Nam
1545	92B-041.26	Quảng Nam	3145	89A-564.96	Hưng Yên	4745	90B-016.06	Hà Nam
1546	92C-259.18	Quảng Nam	3146	89B-028.38	Hưng Yên	4746	90B-016.15	Hà Nam
1547	93A-505.65	Bình Phước	3147	89C-347.38	Hưng Yên	4747	90C-155.96	Hà Nam
1548	93A-506.28	Bình Phước	3148	89C-351.63	Hưng Yên	4748	90C-159.36	Hà Nam
1549	93A-514.19	Bình Phước	3149	89C-352.26	Hưng Yên	4749	92A-441.19	Quảng Nam
1550	93A-515.58	Bình Phước	3150	89C-355.19	Hưng Yên	4750	92A-444.65	Quảng Nam
1551	93A-515.63	Bình Phước	3151	89D-023.19	Hưng Yên	4751	92A-445.56	Quảng Nam
1552	93A-522.58	Bình Phước	3152	90A-289.26	Hà Nam	4752	92A-447.25	Quảng Nam
1553	93A-523.09	Bình Phước	3153	90A-294.65	Hà Nam	4753	92A-449.65	Quảng Nam
1554	93C-204.36	Bình Phước	3154	90A-297.16	Hà Nam	4754	92C-260.96	Quảng Nam
1555	93D-007.96							

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	94A-110.16	Bạc Liêu	3156	90B-013.98	Hà Nam	4756	92C-263.15	Quảng Nam
1557	94B-016.09	Bạc Liêu	3157	90C-154.63	Hà Nam	4757	92C-263.56	Quảng Nam
1558	94D-009.06	Bạc Liêu	3158	90C-154.83	Hà Nam	4758	92C-264.98	Quảng Nam
1559	95A-144.09	Hậu Giang	3159	90D-010.56	Hà Nam	4759	92D-015.25	Quảng Nam
1560	95B-018.28	Hậu Giang	3160	92A-434.38	Quảng Nam	4760	92D-015.36	Quảng Nam
1561	95C-090.63	Hậu Giang	3161	92A-438.06	Quảng Nam	4761	92D-016.65	Quảng Nam
1562	97A-100.06	Bắc Kạn	3162	92A-448.38	Quảng Nam	4762	93A-519.63	Bình Phước
1563	97C-049.65	Bắc Kạn	3163	92C-264.95	Quảng Nam	4763	93C-208.15	Bình Phước
1564	97C-050.59	Bắc Kạn	3164	92C-265.85	Quảng Nam	4764	94A-114.09	Bạc Liêu
1565	97C-051.26	Bắc Kạn	3165	93A-509.15	Bình Phước	4765	94C-086.29	Bạc Liêu
1566	97D-009.29	Bắc Kạn	3166	93A-511.06	Bình Phước	4766	95A-140.15	Hậu Giang
1567	98A-860.26	Bắc Giang	3167	93A-513.95	Bình Phước	4767	95B-016.96	Hậu Giang
1568	98A-860.59	Bắc Giang	3168	93A-516.26	Bình Phước	4768	95C-092.59	Hậu Giang
1569	98A-868.16	Bắc Giang	3169	95A-141.08	Hậu Giang	4769	95D-027.36	Hậu Giang
1570	98A-870.59	Bắc Giang	3170	95B-017.96	Hậu Giang	4770	97C-049.59	Bắc Kạn
1571	98A-870.83	Bắc Giang	3171	95B-018.56	Hậu Giang	4771	97C-049.83	Bắc Kạn
1572	98A-871.16	Bắc Giang	3172	95D-023.95	Hậu Giang	4772	98A-860.36	Bắc Giang
1573	98A-871.35	Bắc Giang	3173	95D-024.15	Hậu Giang	4773	98A-866.36	Bắc Giang
1574	98A-877.36	Bắc Giang	3174	97B-018.58	Bắc Kạn	4774	98A-874.85	Bắc Giang
1575	98A-879.28	Bắc Giang	3175	97D-008.96	Bắc Kạn	4775	98A-876.96	Bắc Giang
1576	98A-880.09	Bắc Giang	3176	98A-860.58	Bắc Giang	4776	98A-881.56	Bắc Giang
1577	98A-881.28	Bắc Giang	3177	98A-872.18	Bắc Giang	4777	98A-908.85	Bắc Giang
1578	98A-883.65	Bắc Giang	3178	98A-874.09	Bắc Giang	4778	98A-910.28	Bắc Giang
1579	98A-889.58	Bắc Giang	3179	98A-874.18	Bắc Giang	4779	98A-911.09	Bắc Giang
1580	98B-045.28	Bắc Giang	3180	98A-893.85	Bắc Giang	4780	98B-046.59	Bắc Giang
1581	98C-376.09	Bắc Giang	3181	98A-897.56	Bắc Giang	4781	98C-376.65	Bắc Giang
1582	98C-380.09	Bắc Giang	3182	98A-898.16	Bắc Giang	4782	98C-383.09	Bắc Giang
1583	98C-380.26	Bắc Giang	3183	98A-902.98	Bắc Giang	4783	98C-384.18	Bắc Giang
1584	98C-383.96	Bắc Giang	3184	98A-903.26	Bắc Giang	4784	98C-396.63	Bắc Giang
1585	98C-384.26	Bắc Giang	3185	98A-906.08	Bắc Giang	4785	98D-020.85	Bắc Giang
1586	98C-390.29	Bắc Giang	3186	98C-376.08	Bắc Giang	4786	98D-023.83	Bắc Giang
1587	99A-852.35	Bắc Ninh	3187	98C-385.25	Bắc Giang	4787	99A-856.25	Bắc Ninh
1588	99A-861.83	Bắc Ninh	3188	98C-389.56	Bắc Giang	4788	99A-860.98	Bắc Ninh
1589	99A-868.56	Bắc Ninh	3189	98C-390.98	Bắc Giang	4789	99A-867.16	Bắc Ninh
1590	99A-875.28	Bắc Ninh	3190	99A-869.25	Bắc Ninh	4790	99A-881.16	Bắc Ninh
1591	99A-878.15	Bắc Ninh	3191	99A-881.63	Bắc Ninh	4791	99A-882.15	Bắc Ninh
1592	99A-880.98	Bắc Ninh	3192	99A-882.59	Bắc Ninh	4792	99A-885.25	Bắc Ninh
1593	99A-884.56	Bắc Ninh	3193	99B-031.63	Bắc Ninh	4793	99A-886.08	Bắc Ninh
1594	99A-885.35	Bắc Ninh	3194	99C-335.96	Bắc Ninh	4794	99A-886.58	Bắc Ninh
1595	99A-889.35	Bắc Ninh	3195	99C-339.59	Bắc Ninh	4795	99A-889.28	Bắc Ninh
1596	99A-890.95	Bắc Ninh	3196	99C-341.19	Bắc Ninh	4796	99A-890.58	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1597	99A-895.25	Bắc Ninh	3197	99C-341.59	Bắc Ninh	4797	99A-890.63	Bắc Ninh
1598	99C-338.06	Bắc Ninh	3198	99C-341.63	Bắc Ninh	4798	99B-031.58	Bắc Ninh
1599	99C-343.25	Bắc Ninh	3199	99C-341.65	Bắc Ninh	4799	99C-341.29	Bắc Ninh
1600	99C-345.95	Bắc Ninh	3200	99D-025.98	Bắc Ninh	4800	99D-027.58	Bắc Ninh

C. T.
t
A
P. H. A.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4801	11D-012.34	Cao Bằng	6401	15K-488.88	Hải Phòng			
4802	14A-989.99	Quảng Ninh	6402	37C-566.99	Nghệ An			
4803	38A-688.88	Hà Tĩnh	6403	38A-688.86	Hà Tĩnh			
4804	60K-639.79	Đồng Nai	6404	62A-477.77	Long An			
4805	60K-666.62	Đồng Nai	6405	86C-211.11	Bình Thuận			
4806	99A-867.89	Bắc Ninh	6406	98A-868.88	Bắc Giang			
4807	15K-436.66	Hải Phòng	6407	15K-444.48	Hải Phòng			
4808	15K-466.63	Hải Phòng	6408	15K-468.66	Hải Phòng			
4809	17A-499.98	Thái Bình	6409	19C-268.79	Phú Thọ			
4810	30L-373.68	Hà Nội	6410	23A-166.96	Hà Giang			
4811	30M-135.55	Hà Nội	6411	25A-086.66	Lai Châu			
4812	30M-145.55	Hà Nội	6412	29K-233.66	Hà Nội			
4813	30M-308.88	Hà Nội	6413	30M-029.86	Hà Nội			
4814	30M-392.99	Hà Nội	6414	30M-086.88	Hà Nội			
4815	37K-509.99	Nghệ An	6415	30M-198.98	Hà Nội			
4816	49A-777.72	Lâm Đồng	6416	30M-246.79	Hà Nội			
4817	51L-997.98	Hồ Chí Minh	6417	30M-392.93	Hà Nội			
4818	51M-088.85	Hồ Chí Minh	6418	43A-969.68	Đà Nẵng			
4819	51M-116.66	Hồ Chí Minh	6419	43A-979.97	Đà Nẵng			
4820	61K-598.88	Bình Dương	6420	51L-722.77	Hồ Chí Minh			
4821	65A-518.88	Cần Thơ	6421	51L-933.88	Hồ Chí Minh			
4822	66A-309.99	Đồng Tháp	6422	51L-965.55	Hồ Chí Minh			
4823	72A-819.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	6423	51L-966.86	Hồ Chí Minh			
4824	75A-396.99	Thừa Thiên Huế	6424	51L-979.96	Hồ Chí Minh			
4825	81A-475.55	Gia Lai	6425	51M-179.99	Hồ Chí Minh			
4826	85A-129.39	Ninh Thuận	6426	51N-066.68	Hồ Chí Minh			
4827	89A-515.88	Hưng Yên	6427	60K-646.66	Đồng Nai			
4828	92A-449.99	Quảng Nam	6428	61K-525.89	Bình Dương			
4829	97A-099.69	Bắc Kạn	6429	68A-368.66	Kiên Giang			
4830	98A-693.39	Bắc Giang	6430	88A-798.88	Vĩnh Phúc			
4831	98A-858.88	Bắc Giang	6431	89A-566.86	Hưng Yên			
4832	30M-038.86	Hà Nội	6432	90A-296.66	Hà Nam			
4833	30M-039.11	Hà Nội	6433	30M-029.88	Hà Nội			
4834	30M-039.88	Hà Nội	6434	30M-036.44	Hà Nội			
4835	30M-044.68	Hà Nội	6435	30M-036.86	Hà Nội			
4836	30M-048.77	Hà Nội	6436	30M-039.03	Hà Nội			
4837	30M-050.50	Hà Nội	6437	30M-039.93	Hà Nội			
4838	30M-056.33	Hà Nội	6438	30M-043.39	Hà Nội			
4839	30M-060.22	Hà Nội	6439	30M-047.00	Hà Nội			
4840	30M-069.22	Hà Nội	6440	30M-047.74	Hà Nội			
4841	30M-071.11	Hà Nội	6441	30M-048.00	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	30M-074.22	Hà Nội	6442	30M-048.22	Hà Nội			
4843	30M-079.44	Hà Nội	6443	30M-048.39	Hà Nội			
4844	30M-089.77	Hà Nội	6444	30M-051.55	Hà Nội			
4845	30M-100.79	Hà Nội	6445	30M-057.39	Hà Nội			
4846	30M-108.99	Hà Nội	6446	30M-071.00	Hà Nội			
4847	30M-111.01	Hà Nội	6447	30M-074.44	Hà Nội			
4848	30M-115.39	Hà Nội	6448	30M-085.86	Hà Nội			
4849	30M-115.88	Hà Nội	6449	30M-091.22	Hà Nội			
4850	30M-120.55	Hà Nội	6450	30M-119.33	Hà Nội			
4851	30M-124.42	Hà Nội	6451	30M-120.33	Hà Nội			
4852	30M-132.23	Hà Nội	6452	30M-122.39	Hà Nội			
4853	30M-142.69	Hà Nội	6453	30M-122.68	Hà Nội			
4854	30M-159.86	Hà Nội	6454	30M-128.79	Hà Nội			
4855	30M-162.79	Hà Nội	6455	30M-129.39	Hà Nội			
4856	30M-164.88	Hà Nội	6456	30M-131.69	Hà Nội			
4857	30M-165.79	Hà Nội	6457	30M-131.77	Hà Nội			
4858	30M-172.22	Hà Nội	6458	30M-139.11	Hà Nội			
4859	30M-176.86	Hà Nội	6459	30M-139.55	Hà Nội			
4860	30M-184.22	Hà Nội	6460	30M-141.14	Hà Nội			
4861	30M-205.22	Hà Nội	6461	30M-142.88	Hà Nội			
4862	30M-207.33	Hà Nội	6462	30M-152.00	Hà Nội			
4863	30M-213.69	Hà Nội	6463	30M-171.68	Hà Nội			
4864	30M-227.11	Hà Nội	6464	30M-196.44	Hà Nội			
4865	30M-240.33	Hà Nội	6465	30M-210.68	Hà Nội			
4866	30M-245.33	Hà Nội	6466	30M-218.81	Hà Nội			
4867	30M-254.52	Hà Nội	6467	30M-220.79	Hà Nội			
4868	30M-260.00	Hà Nội	6468	30M-228.77	Hà Nội			
4869	30M-261.26	Hà Nội	6469	30M-242.55	Hà Nội			
4870	30M-265.44	Hà Nội	6470	30M-247.55	Hà Nội			
4871	30M-265.77	Hà Nội	6471	30M-248.66	Hà Nội			
4872	30M-291.79	Hà Nội	6472	30M-251.22	Hà Nội			
4873	30M-296.77	Hà Nội	6473	30M-254.55	Hà Nội			
4874	30M-303.66	Hà Nội	6474	30M-259.79	Hà Nội			
4875	30M-308.44	Hà Nội	6475	30M-264.22	Hà Nội			
4876	30M-320.68	Hà Nội	6476	30M-270.11	Hà Nội			
4877	30M-322.79	Hà Nội	6477	30M-275.39	Hà Nội			
4878	30M-325.66	Hà Nội	6478	30M-278.33	Hà Nội			
4879	30M-327.77	Hà Nội	6479	30M-287.39	Hà Nội			
4880	30M-328.32	Hà Nội	6480	30M-287.99	Hà Nội			
4881	30M-333.56	Hà Nội	6481	30M-301.66	Hà Nội			
4882	30M-338.79	Hà Nội	6482	30M-304.66	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-339.66	Hà Nội	6483	30M-310.77	Hà Nội			
4884	30M-351.33	Hà Nội	6484	30M-320.39	Hà Nội			
4885	30M-356.55	Hà Nội	6485	30M-323.68	Hà Nội			
4886	30M-358.33	Hà Nội	6486	30M-327.99	Hà Nội			
4887	30M-364.55	Hà Nội	6487	30M-330.03	Hà Nội			
4888	30M-367.36	Hà Nội	6488	30M-333.25	Hà Nội			
4889	30M-372.79	Hà Nội	6489	30M-334.44	Hà Nội			
4890	30M-378.39	Hà Nội	6490	30M-337.88	Hà Nội			
4891	30M-379.66	Hà Nội	6491	30M-338.11	Hà Nội			
4892	30M-380.69	Hà Nội	6492	30M-338.77	Hà Nội			
4893	30M-380.83	Hà Nội	6493	30M-344.69	Hà Nội			
4894	30M-384.99	Hà Nội	6494	30M-351.22	Hà Nội			
4895	30M-387.87	Hà Nội	6495	30M-351.51	Hà Nội			
4896	30M-395.00	Hà Nội	6496	30M-357.39	Hà Nội			
4897	30M-406.00	Hà Nội	6497	30M-368.44	Hà Nội			
4898	30M-410.69	Hà Nội	6498	30M-370.77	Hà Nội			
4899	51L-902.33	Hồ Chí Minh	6499	30M-371.11	Hà Nội			
4900	51L-905.06	Hồ Chí Minh	6500	30M-377.11	Hà Nội			
4901	51L-906.22	Hồ Chí Minh	6501	30M-385.22	Hà Nội			
4902	51L-907.77	Hồ Chí Minh	6502	30M-385.58	Hà Nội			
4903	51L-909.86	Hồ Chí Minh	6503	30M-385.68	Hà Nội			
4904	51L-910.79	Hồ Chí Minh	6504	30M-389.39	Hà Nội			
4905	51L-917.39	Hồ Chí Minh	6505	30M-399.44	Hà Nội			
4906	51L-921.00	Hồ Chí Minh	6506	30M-414.11	Hà Nội			
4907	51L-923.32	Hồ Chí Minh	6507	30M-414.86	Hà Nội			
4908	51L-940.40	Hồ Chí Minh	6508	30M-418.77	Hà Nội			
4909	51L-943.55	Hồ Chí Minh	6509	51L-903.77	Hồ Chí Minh			
4910	51L-946.94	Hồ Chí Minh	6510	51L-909.55	Hồ Chí Minh			
4911	51L-952.55	Hồ Chí Minh	6511	51L-914.19	Hồ Chí Minh			
4912	51L-953.89	Hồ Chí Minh	6512	51L-918.69	Hồ Chí Minh			
4913	51L-962.44	Hồ Chí Minh	6513	51L-919.95	Hồ Chí Minh			
4914	51L-964.88	Hồ Chí Minh	6514	51L-921.92	Hồ Chí Minh			
4915	51L-990.44	Hồ Chí Minh	6515	51L-922.77	Hồ Chí Minh			
4916	51M-085.68	Hồ Chí Minh	6516	51L-932.86	Hồ Chí Minh			
4917	51M-089.33	Hồ Chí Minh	6517	51L-935.77	Hồ Chí Minh			
4918	51M-090.77	Hồ Chí Minh	6518	51L-941.55	Hồ Chí Minh			
4919	51M-091.11	Hồ Chí Minh	6519	51L-943.22	Hồ Chí Minh			
4920	51M-100.22	Hồ Chí Minh	6520	51L-946.22	Hồ Chí Minh			
4921	51M-101.22	Hồ Chí Minh	6521	51L-949.22	Hồ Chí Minh			
4922	51M-103.69	Hồ Chí Minh	6522	51L-960.33	Hồ Chí Minh			
4923	51M-106.60	Hồ Chí Minh	6523	51L-963.69	Hồ Chí Minh			

ĐẤU
 ĐẤU
 LỢP C
 VIỆT
 XUA

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51M-106.88	Hồ Chí Minh	6524	51L-964.22	Hồ Chí Minh			
4925	51M-107.10	Hồ Chí Minh	6525	51L-968.44	Hồ Chí Minh			
4926	51M-110.22	Hồ Chí Minh	6526	51L-970.00	Hồ Chí Minh			
4927	51M-111.23	Hồ Chí Minh	6527	51L-978.68	Hồ Chí Minh			
4928	51M-112.77	Hồ Chí Minh	6528	51L-983.22	Hồ Chí Minh			
4929	51M-120.20	Hồ Chí Minh	6529	51L-993.55	Hồ Chí Minh			
4930	51M-123.23	Hồ Chí Minh	6530	51L-999.45	Hồ Chí Minh			
4931	51M-124.25	Hồ Chí Minh	6531	51M-054.33	Hồ Chí Minh			
4932	51M-128.29	Hồ Chí Minh	6532	51M-056.44	Hồ Chí Minh			
4933	51M-130.33	Hồ Chí Minh	6533	51M-057.33	Hồ Chí Minh			
4934	51M-134.13	Hồ Chí Minh	6534	51M-060.77	Hồ Chí Minh			
4935	51M-137.39	Hồ Chí Minh	6535	51M-066.55	Hồ Chí Minh			
4936	51M-139.44	Hồ Chí Minh	6536	51M-083.11	Hồ Chí Minh			
4937	51M-140.55	Hồ Chí Minh	6537	51M-084.79	Hồ Chí Minh			
4938	51M-144.45	Hồ Chí Minh	6538	51M-086.99	Hồ Chí Minh			
4939	51M-144.88	Hồ Chí Minh	6539	51M-087.78	Hồ Chí Minh			
4940	51M-148.22	Hồ Chí Minh	6540	51M-106.33	Hồ Chí Minh			
4941	51M-156.55	Hồ Chí Minh	6541	51M-107.69	Hồ Chí Minh			
4942	51M-162.77	Hồ Chí Minh	6542	51M-116.69	Hồ Chí Minh			
4943	51M-175.89	Hồ Chí Minh	6543	51M-119.00	Hồ Chí Minh			
4944	51M-180.77	Hồ Chí Minh	6544	51M-119.19	Hồ Chí Minh			
4945	51M-189.39	Hồ Chí Minh	6545	51M-127.22	Hồ Chí Minh			
4946	51M-195.33	Hồ Chí Minh	6546	51M-131.86	Hồ Chí Minh			
4947	51M-207.69	Hồ Chí Minh	6547	51M-133.86	Hồ Chí Minh			
4948	51M-216.77	Hồ Chí Minh	6548	51M-144.39	Hồ Chí Minh			
4949	51M-222.44	Hồ Chí Minh	6549	51M-146.88	Hồ Chí Minh			
4950	51M-230.00	Hồ Chí Minh	6550	51M-160.77	Hồ Chí Minh			
4951	51M-239.55	Hồ Chí Minh	6551	51M-168.11	Hồ Chí Minh			
4952	51M-241.69	Hồ Chí Minh	6552	51M-184.18	Hồ Chí Minh			
4953	51M-247.79	Hồ Chí Minh	6553	51M-185.66	Hồ Chí Minh			
4954	51M-248.77	Hồ Chí Minh	6554	51M-187.11	Hồ Chí Minh			
4955	51M-250.68	Hồ Chí Minh	6555	51M-190.22	Hồ Chí Minh			
4956	51M-251.44	Hồ Chí Minh	6556	51M-192.99	Hồ Chí Minh			
4957	51M-256.86	Hồ Chí Minh	6557	51M-197.33	Hồ Chí Minh			
4958	51M-264.66	Hồ Chí Minh	6558	51M-197.68	Hồ Chí Minh			
4959	51M-265.26	Hồ Chí Minh	6559	51M-203.77	Hồ Chí Minh			
4960	51M-271.33	Hồ Chí Minh	6560	51M-215.39	Hồ Chí Minh			
4961	51M-272.33	Hồ Chí Minh	6561	51M-216.69	Hồ Chí Minh			
4962	51M-273.00	Hồ Chí Minh	6562	51M-219.98	Hồ Chí Minh			
4963	51M-274.00	Hồ Chí Minh	6563	51M-222.09	Hồ Chí Minh			
4964	51M-283.22	Hồ Chí Minh	6564	51M-225.22	Hồ Chí Minh			

TỶ
 GIÁ
 NH
 IAM
 -T.P.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-291.92	Hồ Chí Minh	6565	51M-225.26	Hồ Chí Minh			
4966	51M-307.08	Hồ Chí Minh	6566	51M-226.22	Hồ Chí Minh			
4967	51N-001.33	Hồ Chí Minh	6567	51M-229.96	Hồ Chí Minh			
4968	51N-002.39	Hồ Chí Minh	6568	51M-233.32	Hồ Chí Minh			
4969	51N-006.99	Hồ Chí Minh	6569	51M-234.89	Hồ Chí Minh			
4970	51N-007.66	Hồ Chí Minh	6570	51M-242.55	Hồ Chí Minh			
4971	51N-009.89	Hồ Chí Minh	6571	51M-243.68	Hồ Chí Minh			
4972	51N-010.33	Hồ Chí Minh	6572	51M-246.00	Hồ Chí Minh			
4973	51N-012.68	Hồ Chí Minh	6573	51M-249.79	Hồ Chí Minh			
4974	51N-013.00	Hồ Chí Minh	6574	51M-251.22	Hồ Chí Minh			
4975	51N-013.31	Hồ Chí Minh	6575	51M-259.22	Hồ Chí Minh			
4976	51N-023.22	Hồ Chí Minh	6576	51M-265.79	Hồ Chí Minh			
4977	51N-029.00	Hồ Chí Minh	6577	51M-268.22	Hồ Chí Minh			
4978	51N-031.22	Hồ Chí Minh	6578	51M-270.22	Hồ Chí Minh			
4979	51N-034.89	Hồ Chí Minh	6579	51M-272.66	Hồ Chí Minh			
4980	51N-036.03	Hồ Chí Minh	6580	51M-281.33	Hồ Chí Minh			
4981	51N-037.00	Hồ Chí Minh	6581	51M-282.11	Hồ Chí Minh			
4982	51N-040.77	Hồ Chí Minh	6582	51M-283.88	Hồ Chí Minh			
4983	51N-042.00	Hồ Chí Minh	6583	51M-284.77	Hồ Chí Minh			
4984	51N-043.55	Hồ Chí Minh	6584	51M-301.77	Hồ Chí Minh			
4985	51N-045.66	Hồ Chí Minh	6585	51M-305.33	Hồ Chí Minh			
4986	51N-047.74	Hồ Chí Minh	6586	51N-003.79	Hồ Chí Minh			
4987	51N-049.00	Hồ Chí Minh	6587	51N-006.33	Hồ Chí Minh			
4988	51N-049.11	Hồ Chí Minh	6588	51N-013.13	Hồ Chí Minh			
4989	51N-053.89	Hồ Chí Minh	6589	51N-016.01	Hồ Chí Minh			
4990	51N-065.56	Hồ Chí Minh	6590	51N-024.33	Hồ Chí Minh			
4991	51N-068.77	Hồ Chí Minh	6591	51N-025.25	Hồ Chí Minh			
4992	51N-069.22	Hồ Chí Minh	6592	51N-034.22	Hồ Chí Minh			
4993	51N-085.33	Hồ Chí Minh	6593	51N-043.77	Hồ Chí Minh			
4994	51N-092.39	Hồ Chí Minh	6594	51N-047.39	Hồ Chí Minh			
4995	51N-095.33	Hồ Chí Minh	6595	51N-052.89	Hồ Chí Minh			
4996	51N-096.33	Hồ Chí Minh	6596	51N-053.00	Hồ Chí Minh			
4997	51N-096.77	Hồ Chí Minh	6597	51N-057.00	Hồ Chí Minh			
4998	51N-099.11	Hồ Chí Minh	6598	51N-072.22	Hồ Chí Minh			
4999	51N-103.99	Hồ Chí Minh	6599	51N-074.75	Hồ Chí Minh			
5000	51N-107.10	Hồ Chí Minh	6600	51N-082.82	Hồ Chí Minh			
5001	51N-118.39	Hồ Chí Minh	6601	51N-084.33	Hồ Chí Minh			
5002	51N-124.12	Hồ Chí Minh	6602	51N-084.79	Hồ Chí Minh			
5003	51N-126.69	Hồ Chí Minh	6603	51N-086.39	Hồ Chí Minh			
5004	51N-132.39	Hồ Chí Minh	6604	51N-086.89	Hồ Chí Minh			
5005	51N-139.13	Hồ Chí Minh	6605	51N-093.39	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	51N-143.33	Hồ Chí Minh	6606	51N-111.57	Hồ Chí Minh			
5007	51N-148.22	Hồ Chí Minh	6607	51N-113.22	Hồ Chí Minh			
5008	51N-150.44	Hồ Chí Minh	6608	51N-114.79	Hồ Chí Minh			
5009	51N-156.22	Hồ Chí Minh	6609	51N-119.11	Hồ Chí Minh			
5010	11A-140.33	Cao Bằng	6610	51N-119.19	Hồ Chí Minh			
5011	11A-140.89	Cao Bằng	6611	51N-119.69	Hồ Chí Minh			
5012	12A-264.89	Lạng Sơn	6612	51N-119.77	Hồ Chí Minh			
5013	12B-016.17	Lạng Sơn	6613	51N-120.79	Hồ Chí Minh			
5014	12B-017.01	Lạng Sơn	6614	51N-128.00	Hồ Chí Minh			
5015	14A-995.59	Quảng Ninh	6615	51N-130.33	Hồ Chí Minh			
5016	14C-462.55	Quảng Ninh	6616	51N-133.31	Hồ Chí Minh			
5017	14C-470.77	Quảng Ninh	6617	51N-136.00	Hồ Chí Minh			
5018	14C-470.79	Quảng Ninh	6618	51N-136.99	Hồ Chí Minh			
5019	14D-032.30	Quảng Ninh	6619	51N-145.14	Hồ Chí Minh			
5020	14K-000.66	Quảng Ninh	6620	51N-149.94	Hồ Chí Minh			
5021	14K-006.22	Quảng Ninh	6621	51N-153.35	Hồ Chí Minh			
5022	14K-010.10	Quảng Ninh	6622	11A-137.22	Cao Bằng			
5023	14K-012.01	Quảng Ninh	6623	11C-088.08	Cao Bằng			
5024	14K-014.79	Quảng Ninh	6624	11C-088.79	Cao Bằng			
5025	14K-024.20	Quảng Ninh	6625	12A-269.55	Lạng Sơn			
5026	14K-025.66	Quảng Ninh	6626	12A-271.17	Lạng Sơn			
5027	14K-028.11	Quảng Ninh	6627	12B-016.55	Lạng Sơn			
5028	14K-032.55	Quảng Ninh	6628	12B-017.33	Lạng Sơn			
5029	14K-037.44	Quảng Ninh	6629	12B-018.01	Lạng Sơn			
5030	14K-046.68	Quảng Ninh	6630	12C-144.11	Lạng Sơn			
5031	14K-046.69	Quảng Ninh	6631	14C-451.52	Quảng Ninh			
5032	15B-056.39	Hải Phòng	6632	14C-454.69	Quảng Ninh			
5033	15C-486.66	Hải Phòng	6633	14C-460.61	Quảng Ninh			
5034	15C-491.89	Hải Phòng	6634	14C-469.99	Quảng Ninh			
5035	15D-055.66	Hải Phòng	6635	14C-470.88	Quảng Ninh			
5036	15K-429.89	Hải Phòng	6636	14K-000.17	Quảng Ninh			
5037	15K-433.99	Hải Phòng	6637	14K-009.44	Quảng Ninh			
5038	15K-446.55	Hải Phòng	6638	14K-023.00	Quảng Ninh			
5039	15K-447.69	Hải Phòng	6639	14K-029.86	Quảng Ninh			
5040	15K-449.89	Hải Phòng	6640	14K-030.03	Quảng Ninh			
5041	15K-455.88	Hải Phòng	6641	14K-031.33	Quảng Ninh			
5042	15K-461.69	Hải Phòng	6642	14K-033.22	Quảng Ninh			
5043	15K-472.89	Hải Phòng	6643	14K-036.03	Quảng Ninh			
5044	15K-480.66	Hải Phòng	6644	15B-056.11	Hải Phòng			
5045	15K-485.69	Hải Phòng	6645	15C-482.68	Hải Phòng			
5046	15K-489.48	Hải Phòng	6646	15C-485.39	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	15K-493.00	Hải Phòng	6647	15C-486.99	Hải Phòng			
5048	15K-503.33	Hải Phòng	6648	15C-494.55	Hải Phòng			
5049	15K-503.86	Hải Phòng	6649	15C-496.33	Hải Phòng			
5050	15K-506.60	Hải Phòng	6650	15C-496.68	Hải Phòng			
5051	15K-508.89	Hải Phòng	6651	15D-052.68	Hải Phòng			
5052	15K-511.79	Hải Phòng	6652	15K-425.69	Hải Phòng			
5053	17A-498.44	Thái Bình	6653	15K-445.44	Hải Phòng			
5054	17A-507.44	Thái Bình	6654	15K-451.15	Hải Phòng			
5055	17A-508.44	Thái Bình	6655	15K-461.61	Hải Phòng			
5056	17A-512.99	Thái Bình	6656	15K-462.89	Hải Phòng			
5057	17B-032.33	Thái Bình	6657	15K-465.22	Hải Phòng			
5058	17C-215.69	Thái Bình	6658	15K-501.33	Hải Phòng			
5059	17C-218.69	Thái Bình	6659	15K-504.11	Hải Phòng			
5060	17C-219.98	Thái Bình	6660	15K-505.68	Hải Phòng			
5061	17C-222.06	Thái Bình	6661	15K-512.55	Hải Phòng			
5062	17C-222.39	Thái Bình	6662	17A-496.77	Thái Bình			
5063	18A-491.92	Nam Định	6663	17A-501.88	Thái Bình			
5064	18A-495.49	Nam Định	6664	17A-503.68	Thái Bình			
5065	18A-501.86	Nam Định	6665	17C-218.19	Thái Bình			
5066	18A-507.07	Nam Định	6666	17C-219.00	Thái Bình			
5067	18A-508.79	Nam Định	6667	17C-219.33	Thái Bình			
5068	18B-031.22	Nam Định	6668	17C-219.99	Thái Bình			
5069	18B-034.79	Nam Định	6669	17C-222.18	Thái Bình			
5070	18C-180.69	Nam Định	6670	17C-223.68	Thái Bình			
5071	18C-181.79	Nam Định	6671	18A-493.55	Nam Định			
5072	18C-181.86	Nam Định	6672	18A-496.39	Nam Định			
5073	19A-717.79	Phú Thọ	6673	18A-505.06	Nam Định			
5074	19A-719.98	Phú Thọ	6674	18A-512.15	Nam Định			
5075	19A-722.88	Phú Thọ	6675	18C-174.47	Nam Định			
5076	19A-734.11	Phú Thọ	6676	18C-182.83	Nam Định			
5077	19A-744.99	Phú Thọ	6677	19A-722.79	Phú Thọ			
5078	19A-745.44	Phú Thọ	6678	19A-723.89	Phú Thọ			
5079	19A-747.89	Phú Thọ	6679	19A-730.66	Phú Thọ			
5080	19B-028.66	Phú Thọ	6680	19A-731.79	Phú Thọ			
5081	19B-031.31	Phú Thọ	6681	19A-737.33	Phú Thọ			
5082	19C-265.66	Phú Thọ	6682	19A-738.69	Phú Thọ			
5083	19C-268.11	Phú Thọ	6683	19A-741.00	Phú Thọ			
5084	19C-270.89	Phú Thọ	6684	19A-749.47	Phú Thọ			
5085	19C-271.33	Phú Thọ	6685	19C-264.89	Phú Thọ			
5086	19C-276.69	Phú Thọ	6686	19C-265.55	Phú Thọ			
5087	19D-020.69	Phú Thọ	6687	19C-269.22	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	20A-863.64	Thái Nguyên	6688	19C-271.86	Phú Thọ			
5089	20A-870.70	Thái Nguyên	6689	19D-020.99	Phú Thọ			
5090	20A-873.99	Thái Nguyên	6690	19D-022.68	Phú Thọ			
5091	20A-874.89	Thái Nguyên	6691	20A-869.39	Thái Nguyên			
5092	20A-876.39	Thái Nguyên	6692	20A-869.79	Thái Nguyên			
5093	20A-900.44	Thái Nguyên	6693	20A-876.86	Thái Nguyên			
5094	20B-037.33	Thái Nguyên	6694	20A-884.79	Thái Nguyên			
5095	20B-037.86	Thái Nguyên	6695	20A-891.55	Thái Nguyên			
5096	20C-310.31	Thái Nguyên	6696	20A-894.22	Thái Nguyên			
5097	20C-312.44	Thái Nguyên	6697	20A-898.77	Thái Nguyên			
5098	20C-316.86	Thái Nguyên	6698	20A-899.11	Thái Nguyên			
5099	20C-319.13	Thái Nguyên	6699	20A-906.77	Thái Nguyên			
5100	20C-319.89	Thái Nguyên	6700	20B-036.89	Thái Nguyên			
5101	20D-032.03	Thái Nguyên	6701	20C-316.55	Thái Nguyên			
5102	20D-035.55	Thái Nguyên	6702	20C-320.11	Thái Nguyên			
5103	21A-226.69	Yên Bái	6703	20C-322.79	Thái Nguyên			
5104	21A-228.28	Yên Bái	6704	21A-225.69	Yên Bái			
5105	21A-232.99	Yên Bái	6705	21A-231.32	Yên Bái			
5106	21B-015.77	Yên Bái	6706	21B-014.01	Yên Bái			
5107	21B-016.99	Yên Bái	6707	21D-009.55	Yên Bái			
5108	21C-111.28	Yên Bái	6708	22A-271.89	Tuyên Quang			
5109	21C-114.99	Yên Bái	6709	22A-272.73	Tuyên Quang			
5110	21C-115.55	Yên Bái	6710	22A-281.28	Tuyên Quang			
5111	21D-008.33	Yên Bái	6711	23A-169.61	Hà Giang			
5112	21D-008.68	Yên Bái	6712	23A-171.00	Hà Giang			
5113	22A-274.99	Tuyên Quang	6713	23B-013.44	Hà Giang			
5114	22A-276.89	Tuyên Quang	6714	23C-091.44	Hà Giang			
5115	22A-277.99	Tuyên Quang	6715	23C-091.68	Hà Giang			
5116	22A-278.86	Tuyên Quang	6716	23D-009.77	Hà Giang			
5117	22A-283.55	Tuyên Quang	6717	24A-316.89	Lào Cai			
5118	22B-016.86	Tuyên Quang	6718	24C-166.77	Lào Cai			
5119	22B-017.00	Tuyên Quang	6719	24C-169.11	Lào Cai			
5120	22C-115.33	Tuyên Quang	6720	25B-011.69	Lai Châu			
5121	23A-164.68	Hà Giang	6721	25C-063.36	Lai Châu			
5122	23A-168.55	Hà Giang	6722	26A-244.42	Sơn La			
5123	23C-092.11	Hà Giang	6723	26A-246.55	Sơn La			
5124	24A-315.79	Lào Cai	6724	26B-019.79	Sơn La			
5125	24A-321.69	Lào Cai	6725	26B-021.77	Sơn La			
5126	24A-325.86	Lào Cai	6726	26C-165.77	Sơn La			
5127	24B-019.98	Lào Cai	6727	26D-015.86	Sơn La			
5128	25A-087.39	Lai Châu	6728	27A-130.22	Điện Biên			

3 TỶ
 GIÁ
 DANH
 NAM
 N - T

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	25C-060.77	Lai Châu	6729	27C-078.07	Điện Biên			
5130	25D-009.79	Lai Châu	6730	28A-268.99	Hòa Bình			
5131	26B-020.22	Sơn La	6731	28D-012.68	Hòa Bình			
5132	26B-022.89	Sơn La	6732	28D-014.88	Hòa Bình			
5133	26C-164.86	Sơn La	6733	29D-627.28	Hà Nội			
5134	26D-014.99	Sơn La	6734	29D-634.35	Hà Nội			
5135	27A-133.69	Điện Biên	6735	29D-635.66	Hà Nội			
5136	27A-135.66	Điện Biên	6736	29K-327.11	Hà Nội			
5137	27B-015.79	Điện Biên	6737	29K-332.44	Hà Nội			
5138	27B-016.22	Điện Biên	6738	29K-337.22	Hà Nội			
5139	27D-009.66	Điện Biên	6739	29K-347.43	Hà Nội			
5140	28A-258.99	Hòa Bình	6740	29K-348.77	Hà Nội			
5141	28A-259.68	Hòa Bình	6741	29K-357.68	Hà Nội			
5142	28A-266.55	Hòa Bình	6742	29K-364.46	Hà Nội			
5143	28A-269.55	Hòa Bình	6743	29K-364.99	Hà Nội			
5144	28A-271.79	Hòa Bình	6744	29K-372.66	Hà Nội			
5145	28B-019.86	Hòa Bình	6745	29K-375.99	Hà Nội			
5146	28B-021.20	Hòa Bình	6746	29K-376.68	Hà Nội			
5147	28C-122.99	Hòa Bình	6747	29K-380.33	Hà Nội			
5148	28C-124.44	Hòa Bình	6748	29K-381.86	Hà Nội			
5149	28D-014.89	Hòa Bình	6749	29K-390.69	Hà Nội			
5150	29B-661.39	Hà Nội	6750	29K-408.09	Hà Nội			
5151	29D-628.29	Hà Nội	6751	29K-411.77	Hà Nội			
5152	29D-628.88	Hà Nội	6752	29K-412.79	Hà Nội			
5153	29D-638.63	Hà Nội	6753	29K-426.79	Hà Nội			
5154	29D-639.36	Hà Nội	6754	29K-430.39	Hà Nội			
5155	29K-331.22	Hà Nội	6755	29K-434.00	Hà Nội			
5156	29K-333.02	Hà Nội	6756	29K-434.77	Hà Nội			
5157	29K-333.13	Hà Nội	6757	29K-435.36	Hà Nội			
5158	29K-341.11	Hà Nội	6758	29K-441.00	Hà Nội			
5159	29K-343.99	Hà Nội	6759	29K-444.18	Hà Nội			
5160	29K-360.44	Hà Nội	6760	29K-450.22	Hà Nội			
5161	29K-371.86	Hà Nội	6761	29K-455.00	Hà Nội			
5162	29K-375.79	Hà Nội	6762	29K-458.00	Hà Nội			
5163	29K-380.66	Hà Nội	6763	29K-476.69	Hà Nội			
5164	29K-405.50	Hà Nội	6764	34A-920.88	Hải Dương			
5165	29K-413.66	Hà Nội	6765	34A-921.11	Hải Dương			
5166	29K-415.51	Hà Nội	6766	34A-925.89	Hải Dương			
5167	29K-415.79	Hà Nội	6767	34A-927.89	Hải Dương			
5168	29K-417.17	Hà Nội	6768	34A-935.89	Hải Dương			
5169	29K-417.71	Hà Nội	6769	34A-940.55	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-429.66	Hà Nội	6770	34A-943.11	Hải Dương			
5171	29K-439.89	Hà Nội	6771	34A-945.22	Hải Dương			
5172	29K-442.88	Hà Nội	6772	34A-947.00	Hải Dương			
5173	29K-443.55	Hà Nội	6773	34A-947.69	Hải Dương			
5174	29K-444.57	Hà Nội	6774	34A-953.88	Hải Dương			
5175	29K-444.59	Hà Nội	6775	34A-957.57	Hải Dương			
5176	29K-449.33	Hà Nội	6776	34A-961.86	Hải Dương			
5177	29K-456.56	Hà Nội	6777	34A-962.89	Hải Dương			
5178	29K-464.11	Hà Nội	6778	34A-962.99	Hải Dương			
5179	29K-471.71	Hà Nội	6779	34A-964.66	Hải Dương			
5180	29K-473.44	Hà Nội	6780	34A-969.88	Hải Dương			
5181	29K-473.47	Hà Nội	6781	34A-970.70	Hải Dương			
5182	34A-919.68	Hải Dương	6782	34B-043.99	Hải Dương			
5183	34A-924.77	Hải Dương	6783	34B-044.88	Hải Dương			
5184	34A-927.39	Hải Dương	6784	34C-436.34	Hải Dương			
5185	34A-932.00	Hải Dương	6785	34D-039.11	Hải Dương			
5186	34A-932.77	Hải Dương	6786	34D-039.88	Hải Dương			
5187	34A-934.93	Hải Dương	6787	35A-463.88	Ninh Bình			
5188	34A-958.11	Hải Dương	6788	35A-467.55	Ninh Bình			
5189	34A-969.39	Hải Dương	6789	35A-474.88	Ninh Bình			
5190	34B-043.33	Hải Dương	6790	35A-474.99	Ninh Bình			
5191	34B-045.44	Hải Dương	6791	35A-483.69	Ninh Bình			
5192	34C-435.68	Hải Dương	6792	35D-019.77	Ninh Bình			
5193	34C-437.00	Hải Dương	6793	36B-049.66	Thanh Hóa			
5194	34C-437.11	Hải Dương	6794	36C-546.64	Thanh Hóa			
5195	34C-441.11	Hải Dương	6795	36C-549.86	Thanh Hóa			
5196	34C-447.69	Hải Dương	6796	36C-555.24	Thanh Hóa			
5197	34D-040.77	Hải Dương	6797	36C-558.44	Thanh Hóa			
5198	35A-472.88	Ninh Bình	6798	36C-563.36	Thanh Hóa			
5199	35A-482.28	Ninh Bình	6799	36C-564.68	Thanh Hóa			
5200	35C-186.22	Ninh Bình	6800	36C-567.68	Thanh Hóa			
5201	36B-047.66	Thanh Hóa	6801	36C-574.57	Thanh Hóa			
5202	36B-047.89	Thanh Hóa	6802	36C-576.22	Thanh Hóa			
5203	36B-049.94	Thanh Hóa	6803	36K-229.39	Thanh Hóa			
5204	36C-552.39	Thanh Hóa	6804	36K-229.92	Thanh Hóa			
5205	36C-555.09	Thanh Hóa	6805	36K-232.39	Thanh Hóa			
5206	36C-558.86	Thanh Hóa	6806	36K-236.79	Thanh Hóa			
5207	36C-566.79	Thanh Hóa	6807	36K-244.42	Thanh Hóa			
5208	36C-569.65	Thanh Hóa	6808	36K-255.77	Thanh Hóa			
5209	36C-581.77	Thanh Hóa	6809	36K-262.69	Thanh Hóa			
5210	36K-230.00	Thanh Hóa	6810	36K-263.22	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	36K-230.44	Thanh Hóa	6811	36K-265.11	Thanh Hóa			
5212	36K-236.32	Thanh Hóa	6812	36K-269.62	Thanh Hóa			
5213	36K-239.32	Thanh Hóa	6813	36K-271.11	Thanh Hóa			
5214	36K-242.79	Thanh Hóa	6814	36K-275.39	Thanh Hóa			
5215	36K-245.44	Thanh Hóa	6815	36K-277.89	Thanh Hóa			
5216	36K-258.85	Thanh Hóa	6816	36K-279.88	Thanh Hóa			
5217	36K-263.11	Thanh Hóa	6817	36K-284.00	Thanh Hóa			
5218	36K-263.86	Thanh Hóa	6818	36K-284.79	Thanh Hóa			
5219	36K-274.79	Thanh Hóa	6819	36K-287.39	Thanh Hóa			
5220	36K-277.00	Thanh Hóa	6820	36K-301.02	Thanh Hóa			
5221	36K-289.77	Thanh Hóa	6821	36K-302.00	Thanh Hóa			
5222	36K-290.69	Thanh Hóa	6822	36K-305.86	Thanh Hóa			
5223	36K-292.22	Thanh Hóa	6823	37B-047.66	Nghệ An			
5224	36K-296.11	Thanh Hóa	6824	37B-047.88	Nghệ An			
5225	37B-047.68	Nghệ An	6825	37C-571.99	Nghệ An			
5226	37C-577.66	Nghệ An	6826	37C-576.55	Nghệ An			
5227	37C-579.68	Nghệ An	6827	37C-583.22	Nghệ An			
5228	37C-582.00	Nghệ An	6828	37C-584.33	Nghệ An			
5229	37C-583.33	Nghệ An	6829	37C-592.22	Nghệ An			
5230	37C-585.79	Nghệ An	6830	37K-482.82	Nghệ An			
5231	37C-586.69	Nghệ An	6831	37K-487.44	Nghệ An			
5232	37C-590.86	Nghệ An	6832	37K-491.39	Nghệ An			
5233	37C-590.90	Nghệ An	6833	37K-492.11	Nghệ An			
5234	37K-486.89	Nghệ An	6834	37K-494.86	Nghệ An			
5235	37K-492.88	Nghệ An	6835	37K-499.00	Nghệ An			
5236	37K-495.94	Nghệ An	6836	37K-502.99	Nghệ An			
5237	37K-502.05	Nghệ An	6837	37K-509.68	Nghệ An			
5238	37K-504.05	Nghệ An	6838	37K-514.44	Nghệ An			
5239	37K-504.50	Nghệ An	6839	37K-517.86	Nghệ An			
5240	37K-506.06	Nghệ An	6840	37K-517.88	Nghệ An			
5241	37K-507.89	Nghệ An	6841	37K-519.15	Nghệ An			
5242	37K-508.00	Nghệ An	6842	37K-527.22	Nghệ An			
5243	37K-509.77	Nghệ An	6843	37K-530.66	Nghệ An			
5244	37K-514.55	Nghệ An	6844	37K-536.22	Nghệ An			
5245	37K-520.79	Nghệ An	6845	37K-544.39	Nghệ An			
5246	37K-522.79	Nghệ An	6846	37K-548.69	Nghệ An			
5247	37K-524.89	Nghệ An	6847	37K-554.39	Nghệ An			
5248	37K-535.11	Nghệ An	6848	37K-574.77	Nghệ An			
5249	37K-537.86	Nghệ An	6849	38A-680.33	Hà Tĩnh			
5250	37K-537.89	Nghệ An	6850	38A-684.77	Hà Tĩnh			
5251	37K-541.55	Nghệ An	6851	38A-687.55	Hà Tĩnh			

14
 NG
 AU
 P D
 T M
 UAN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	37K-546.79	Nghệ An	6852	38A-693.39	Hà Tĩnh			
5253	37K-555.08	Nghệ An	6853	38A-695.66	Hà Tĩnh			
5254	37K-555.11	Nghệ An	6854	38A-703.03	Hà Tĩnh			
5255	37K-563.79	Nghệ An	6855	38A-703.79	Hà Tĩnh			
5256	37K-564.68	Nghệ An	6856	38A-704.40	Hà Tĩnh			
5257	37K-567.56	Nghệ An	6857	38C-243.68	Hà Tĩnh			
5258	37K-572.44	Nghệ An	6858	38C-243.88	Hà Tĩnh			
5259	38A-684.00	Hà Tĩnh	6859	38C-249.77	Hà Tĩnh			
5260	38A-685.89	Hà Tĩnh	6860	38C-252.99	Hà Tĩnh			
5261	38A-691.33	Hà Tĩnh	6861	38C-253.77	Hà Tĩnh			
5262	38A-693.68	Hà Tĩnh	6862	43A-947.48	Đà Nẵng			
5263	38A-694.66	Hà Tĩnh	6863	43A-957.33	Đà Nẵng			
5264	38A-700.68	Hà Tĩnh	6864	43A-957.58	Đà Nẵng			
5265	38A-701.79	Hà Tĩnh	6865	43A-972.99	Đà Nẵng			
5266	38A-706.07	Hà Tĩnh	6866	43B-063.88	Đà Nẵng			
5267	38A-706.22	Hà Tĩnh	6867	43C-322.00	Đà Nẵng			
5268	38A-707.79	Hà Tĩnh	6868	43D-013.66	Đà Nẵng			
5269	38A-708.99	Hà Tĩnh	6869	47A-814.86	Đắk Lắk			
5270	38B-023.22	Hà Tĩnh	6870	47A-814.99	Đắk Lắk			
5271	38B-025.99	Hà Tĩnh	6871	47A-817.22	Đắk Lắk			
5272	38B-026.11	Hà Tĩnh	6872	47A-818.81	Đắk Lắk			
5273	43A-945.11	Đà Nẵng	6873	47A-831.13	Đắk Lắk			
5274	43A-946.79	Đà Nẵng	6874	47A-833.83	Đắk Lắk			
5275	43A-949.55	Đà Nẵng	6875	47A-835.77	Đắk Lắk			
5276	43A-963.96	Đà Nẵng	6876	47A-840.68	Đắk Lắk			
5277	43A-964.44	Đà Nẵng	6877	47A-841.41	Đắk Lắk			
5278	43A-969.39	Đà Nẵng	6878	47C-404.89	Đắk Lắk			
5279	43A-971.71	Đà Nẵng	6879	47C-407.11	Đắk Lắk			
5280	43A-978.78	Đà Nẵng	6880	47C-413.86	Đắk Lắk			
5281	43C-318.22	Đà Nẵng	6881	47C-415.15	Đắk Lắk			
5282	43D-014.86	Đà Nẵng	6882	47C-419.39	Đắk Lắk			
5283	47A-813.79	Đắk Lắk	6883	47C-420.69	Đắk Lắk			
5284	47A-815.16	Đắk Lắk	6884	47C-421.00	Đắk Lắk			
5285	47A-823.22	Đắk Lắk	6885	47C-421.89	Đắk Lắk			
5286	47A-839.96	Đắk Lắk	6886	47C-423.86	Đắk Lắk			
5287	47A-840.89	Đắk Lắk	6887	47D-025.25	Đắk Lắk			
5288	47A-847.00	Đắk Lắk	6888	48A-258.11	Đắk Nông			
5289	47A-849.68	Đắk Lắk	6889	48C-118.69	Đắk Nông			
5290	47A-854.66	Đắk Lắk	6890	48D-008.44	Đắk Nông			
5291	47A-856.56	Đắk Lắk	6891	48D-008.77	Đắk Nông			
5292	47A-862.88	Đắk Lắk	6892	49A-749.79	Lâm Đồng			

T. PH
 NH
 IÁ
 C.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	47C-403.69	Đắk Lắk	6893	49A-750.88	Lâm Đồng			
5294	48A-248.44	Đắk Nông	6894	49A-766.00	Lâm Đồng			
5295	48A-255.79	Đắk Nông	6895	49A-766.77	Lâm Đồng			
5296	48B-013.68	Đắk Nông	6896	49A-766.89	Lâm Đồng			
5297	48B-016.44	Đắk Nông	6897	49A-770.79	Lâm Đồng			
5298	48B-016.68	Đắk Nông	6898	49A-772.22	Lâm Đồng			
5299	48C-118.79	Đắk Nông	6899	49A-775.79	Lâm Đồng			
5300	48C-121.00	Đắk Nông	6900	49A-777.08	Lâm Đồng			
5301	48D-006.55	Đắk Nông	6901	49B-034.00	Lâm Đồng			
5302	48D-009.55	Đắk Nông	6902	49C-384.77	Lâm Đồng			
5303	49A-748.47	Lâm Đồng	6903	49C-385.22	Lâm Đồng			
5304	49A-751.77	Lâm Đồng	6904	49C-385.79	Lâm Đồng			
5305	49A-756.33	Lâm Đồng	6905	49C-390.33	Lâm Đồng			
5306	49A-762.99	Lâm Đồng	6906	49D-017.68	Lâm Đồng			
5307	49A-766.68	Lâm Đồng	6907	51B-713.17	Hồ Chí Minh			
5308	49A-780.86	Lâm Đồng	6908	51E-347.11	Hồ Chí Minh			
5309	49B-035.30	Lâm Đồng	6909	51E-347.47	Hồ Chí Minh			
5310	49C-383.84	Lâm Đồng	6910	60B-077.78	Đồng Nai			
5311	49C-395.95	Lâm Đồng	6911	60B-079.55	Đồng Nai			
5312	49D-015.68	Lâm Đồng	6912	60B-080.80	Đồng Nai			
5313	49D-018.18	Lâm Đồng	6913	60C-761.76	Đồng Nai			
5314	51E-343.86	Hồ Chí Minh	6914	60C-765.33	Đồng Nai			
5315	51E-345.46	Hồ Chí Minh	6915	60C-767.22	Đồng Nai			
5316	51E-349.00	Hồ Chí Minh	6916	60C-770.69	Đồng Nai			
5317	51E-352.33	Hồ Chí Minh	6917	60C-789.77	Đồng Nai			
5318	60B-079.96	Đồng Nai	6918	60C-791.00	Đồng Nai			
5319	60C-757.58	Đồng Nai	6919	60K-620.66	Đồng Nai			
5320	60C-764.79	Đồng Nai	6920	60K-623.77	Đồng Nai			
5321	60C-774.74	Đồng Nai	6921	60K-629.44	Đồng Nai			
5322	60C-775.00	Đồng Nai	6922	60K-635.86	Đồng Nai			
5323	60C-776.55	Đồng Nai	6923	60K-641.88	Đồng Nai			
5324	60C-777.04	Đồng Nai	6924	60K-643.00	Đồng Nai			
5325	60C-784.85	Đồng Nai	6925	60K-650.79	Đồng Nai			
5326	60C-791.88	Đồng Nai	6926	60K-656.39	Đồng Nai			
5327	60D-024.24	Đồng Nai	6927	60K-659.33	Đồng Nai			
5328	60D-025.77	Đồng Nai	6928	60K-664.65	Đồng Nai			
5329	60D-025.89	Đồng Nai	6929	60K-671.89	Đồng Nai			
5330	60K-620.02	Đồng Nai	6930	60K-675.76	Đồng Nai			
5331	60K-626.77	Đồng Nai	6931	60K-683.00	Đồng Nai			
5332	60K-633.55	Đồng Nai	6932	60K-685.85	Đồng Nai			
5333	60K-634.55	Đồng Nai	6933	60K-697.68	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	60K-635.22	Đồng Nai	6934	60K-699.33	Đồng Nai			
5335	60K-651.65	Đồng Nai	6935	61C-614.00	Bình Dương			
5336	60K-652.79	Đồng Nai	6936	61C-614.69	Bình Dương			
5337	60K-654.44	Đồng Nai	6937	61C-618.33	Bình Dương			
5338	60K-656.86	Đồng Nai	6938	61C-619.95	Bình Dương			
5339	60K-658.68	Đồng Nai	6939	61C-624.42	Bình Dương			
5340	60K-659.55	Đồng Nai	6940	61C-624.86	Bình Dương			
5341	60K-667.55	Đồng Nai	6941	61C-633.55	Bình Dương			
5342	60K-673.73	Đồng Nai	6942	61D-023.24	Bình Dương			
5343	60K-679.88	Đồng Nai	6943	61D-024.79	Bình Dương			
5344	60K-685.79	Đồng Nai	6944	61K-519.66	Bình Dương			
5345	60K-688.00	Đồng Nai	6945	61K-520.77	Bình Dương			
5346	60K-692.22	Đồng Nai	6946	61K-532.53	Bình Dương			
5347	60K-694.69	Đồng Nai	6947	61K-542.86	Bình Dương			
5348	61C-616.44	Bình Dương	6948	61K-544.11	Bình Dương			
5349	61C-616.55	Bình Dương	6949	61K-548.55	Bình Dương			
5350	61C-616.79	Bình Dương	6950	61K-556.69	Bình Dương			
5351	61C-621.86	Bình Dương	6951	61K-556.77	Bình Dương			
5352	61C-621.89	Bình Dương	6952	61K-559.66	Bình Dương			
5353	61C-622.86	Bình Dương	6953	61K-560.44	Bình Dương			
5354	61C-624.22	Bình Dương	6954	61K-571.72	Bình Dương			
5355	61C-625.25	Bình Dương	6955	61K-576.88	Bình Dương			
5356	61C-632.77	Bình Dương	6956	61K-590.77	Bình Dương			
5357	61C-640.40	Bình Dương	6957	61K-591.95	Bình Dương			
5358	61C-642.11	Bình Dương	6958	61K-593.77	Bình Dương			
5359	61D-025.33	Bình Dương	6959	62A-472.99	Long An			
5360	61K-538.11	Bình Dương	6960	62A-474.86	Long An			
5361	61K-539.88	Bình Dương	6961	62A-478.33	Long An			
5362	61K-541.42	Bình Dương	6962	62A-481.68	Long An			
5363	61K-542.88	Bình Dương	6963	62A-483.48	Long An			
5364	61K-547.00	Bình Dương	6964	62A-484.39	Long An			
5365	61K-555.77	Bình Dương	6965	62A-487.79	Long An			
5366	61K-559.33	Bình Dương	6966	62A-490.44	Long An			
5367	61K-560.66	Bình Dương	6967	62A-490.66	Long An			
5368	61K-564.89	Bình Dương	6968	62A-493.79	Long An			
5369	61K-567.33	Bình Dương	6969	62C-223.69	Long An			
5370	61K-582.86	Bình Dương	6970	62C-224.33	Long An			
5371	61K-582.99	Bình Dương	6971	62C-226.55	Long An			
5372	62A-470.07	Long An	6972	62D-015.69	Long An			
5373	62A-470.47	Long An	6973	63A-327.88	Tiền Giang			
5374	62A-470.89	Long An	6974	63A-333.00	Tiền Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	62A-471.69	Long An	6975	63A-333.44	Tiền Giang			
5376	62A-477.99	Long An	6976	63A-338.99	Tiền Giang			
5377	62A-478.78	Long An	6977	63A-340.79	Tiền Giang			
5378	62C-221.77	Long An	6978	63A-342.33	Tiền Giang			
5379	62C-222.66	Long An	6979	63C-229.39	Tiền Giang			
5380	63A-332.23	Tiền Giang	6980	63C-231.86	Tiền Giang			
5381	63A-337.86	Tiền Giang	6981	63C-238.32	Tiền Giang			
5382	63A-338.39	Tiền Giang	6982	64A-206.55	Vĩnh Long			
5383	63A-340.68	Tiền Giang	6983	64A-211.99	Vĩnh Long			
5384	63A-342.55	Tiền Giang	6984	64B-020.20	Vĩnh Long			
5385	63B-033.79	Tiền Giang	6985	64C-136.86	Vĩnh Long			
5386	63C-229.68	Tiền Giang	6986	64C-137.22	Vĩnh Long			
5387	63C-230.33	Tiền Giang	6987	64C-138.11	Vĩnh Long			
5388	63C-235.23	Tiền Giang	6988	65A-522.44	Cần Thơ			
5389	63C-240.22	Tiền Giang	6989	65A-528.89	Cần Thơ			
5390	63D-015.15	Tiền Giang	6990	65A-534.77	Cần Thơ			
5391	64A-204.55	Vĩnh Long	6991	65C-250.33	Cần Thơ			
5392	64A-213.55	Vĩnh Long	6992	65C-257.22	Cần Thơ			
5393	64A-213.89	Vĩnh Long	6993	65C-269.55	Cần Thơ			
5394	64A-214.00	Vĩnh Long	6994	65C-277.69	Cần Thơ			
5395	64C-137.39	Vĩnh Long	6995	65C-278.77	Cần Thơ			
5396	64C-138.13	Vĩnh Long	6996	65C-280.22	Cần Thơ			
5397	65A-519.79	Cần Thơ	6997	66A-306.79	Đồng Tháp			
5398	65A-522.69	Cần Thơ	6998	66A-316.31	Đồng Tháp			
5399	65A-526.33	Cần Thơ	6999	66B-024.00	Đồng Tháp			
5400	65A-530.39	Cần Thơ	7000	66B-026.79	Đồng Tháp			
5401	65A-533.88	Cần Thơ	7001	66C-186.55	Đồng Tháp			
5402	65A-535.33	Cần Thơ	7002	66C-187.81	Đồng Tháp			
5403	65C-251.69	Cần Thơ	7003	66C-191.00	Đồng Tháp			
5404	65C-253.88	Cần Thơ	7004	66D-012.33	Đồng Tháp			
5405	65C-263.36	Cần Thơ	7005	66D-014.68	Đồng Tháp			
5406	65C-274.79	Cần Thơ	7006	66D-015.77	Đồng Tháp			
5407	65C-276.44	Cần Thơ	7007	67A-330.03	An Giang			
5408	65D-012.22	Cần Thơ	7008	67A-333.78	An Giang			
5409	65D-012.55	Cần Thơ	7009	67A-335.69	An Giang			
5410	66A-302.33	Đồng Tháp	7010	67A-338.68	An Giang			
5411	66A-303.04	Đồng Tháp	7011	67A-342.77	An Giang			
5412	66A-304.79	Đồng Tháp	7012	67C-190.19	An Giang			
5413	66A-305.50	Đồng Tháp	7013	67C-194.44	An Giang			
5414	66A-307.79	Đồng Tháp	7014	68A-366.00	Kiên Giang			
5415	66A-314.88	Đồng Tháp	7015	68A-370.77	Kiên Giang			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	66C-186.99	Đồng Tháp	7016	68A-379.96	Kiên Giang			
5417	66C-190.00	Đồng Tháp	7017	68A-380.39	Kiên Giang			
5418	66C-190.79	Đồng Tháp	7018	68B-037.37	Kiên Giang			
5419	66D-012.55	Đồng Tháp	7019	68C-181.79	Kiên Giang			
5420	66D-013.31	Đồng Tháp	7020	68D-008.11	Kiên Giang			
5421	67A-342.43	An Giang	7021	68D-009.11	Kiên Giang			
5422	67A-342.55	An Giang	7022	69C-108.89	Cà Mau			
5423	67A-344.43	An Giang	7023	69D-008.33	Cà Mau			
5424	67A-345.22	An Giang	7024	70A-592.59	Tây Ninh			
5425	67C-190.88	An Giang	7025	70A-594.77	Tây Ninh			
5426	67C-191.69	An Giang	7026	70A-595.77	Tây Ninh			
5427	67C-192.99	An Giang	7027	70A-599.39	Tây Ninh			
5428	67C-196.77	An Giang	7028	70A-604.05	Tây Ninh			
5429	67D-009.09	An Giang	7029	70A-612.88	Tây Ninh			
5430	68A-366.77	Kiên Giang	7030	70A-613.77	Tây Ninh			
5431	68A-371.37	Kiên Giang	7031	70A-614.88	Tây Ninh			
5432	68A-375.57	Kiên Giang	7032	70C-216.11	Tây Ninh			
5433	68A-381.79	Kiên Giang	7033	70D-011.69	Tây Ninh			
5434	68B-036.00	Kiên Giang	7034	70D-011.79	Tây Ninh			
5435	68C-180.89	Kiên Giang	7035	70D-014.33	Tây Ninh			
5436	69A-169.44	Cà Mau	7036	71A-214.88	Bến Tre			
5437	69A-171.69	Cà Mau	7037	71A-221.39	Bến Tre			
5438	69B-016.66	Cà Mau	7038	71C-135.86	Bến Tre			
5439	69C-106.01	Cà Mau	7039	71C-136.13	Bến Tre			
5440	69C-109.00	Cà Mau	7040	71C-137.66	Bến Tre			
5441	70A-604.22	Tây Ninh	7041	71D-008.09	Bến Tre			
5442	70A-608.39	Tây Ninh	7042	72A-846.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5443	70A-608.86	Tây Ninh	7043	72A-856.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5444	70A-609.69	Tây Ninh	7044	72A-876.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5445	70A-610.01	Tây Ninh	7045	72A-883.84	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5446	70A-613.61	Tây Ninh	7046	72C-266.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5447	70A-615.51	Tây Ninh	7047	72C-274.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5448	70C-216.00	Tây Ninh	7048	72C-279.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5449	71A-215.12	Bến Tre	7049	72C-282.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5450	71A-221.12	Bến Tre	7050	72D-014.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5451	71B-022.88	Bến Tre	7051	73A-378.55	Quảng Bình			
5452	71B-026.33	Bến Tre	7052	73A-378.87	Quảng Bình			
5453	71C-134.33	Bến Tre	7053	73A-380.79	Quảng Bình			
5454	71C-134.77	Bến Tre	7054	73C-197.19	Quảng Bình			
5455	71C-134.79	Bến Tre	7055	74A-278.39	Quảng Trị			
5456	71C-138.31	Bến Tre	7056	74A-281.11	Quảng Trị			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	72A-843.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	7057	74D-014.79	Quảng Trị			
5458	72A-846.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7058	75A-391.33	Thừa Thiên Huế			
5459	72A-865.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	7059	75A-395.69	Thừa Thiên Huế			
5460	72A-866.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7060	75A-399.86	Thừa Thiên Huế			
5461	72A-870.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	7061	75A-402.03	Thừa Thiên Huế			
5462	72A-880.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7062	76A-327.68	Quảng Ngãi			
5463	72A-884.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7063	76A-330.11	Quảng Ngãi			
5464	72C-266.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7064	76A-333.67	Quảng Ngãi			
5465	72C-276.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	7065	76A-336.22	Quảng Ngãi			
5466	72C-281.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	7066	76A-336.99	Quảng Ngãi			
5467	72D-015.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	7067	76B-028.82	Quảng Ngãi			
5468	72D-015.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	7068	76C-181.39	Quảng Ngãi			
5469	73B-017.86	Quảng Bình	7069	76D-013.39	Quảng Ngãi			
5470	73C-192.89	Quảng Bình	7070	76D-013.66	Quảng Ngãi			
5471	73D-009.79	Quảng Bình	7071	77A-357.99	Bình Định			
5472	74A-280.88	Quảng Trị	7072	77A-359.11	Bình Định			
5473	74A-282.44	Quảng Trị	7073	77A-368.89	Bình Định			
5474	74A-285.66	Quảng Trị	7074	77B-037.77	Bình Định			
5475	74B-018.11	Quảng Trị	7075	77B-038.38	Bình Định			
5476	74C-143.86	Quảng Trị	7076	77B-038.44	Bình Định			
5477	74C-148.77	Quảng Trị	7077	77B-040.77	Bình Định			
5478	74D-014.77	Quảng Trị	7078	77C-263.66	Bình Định			
5479	75A-389.55	Thừa Thiên Huế	7079	77C-265.00	Bình Định			
5480	75A-392.77	Thừa Thiên Huế	7080	77D-009.96	Bình Định			
5481	75B-029.79	Thừa Thiên Huế	7081	77D-010.11	Bình Định			
5482	75B-031.66	Thừa Thiên Huế	7082	78A-219.12	Phú Yên			
5483	75C-163.89	Thừa Thiên Huế	7083	78A-222.47	Phú Yên			
5484	76A-325.99	Quảng Ngãi	7084	78C-127.27	Phú Yên			
5485	76A-329.11	Quảng Ngãi	7085	78C-127.39	Phú Yên			
5486	76A-335.86	Quảng Ngãi	7086	79A-582.44	Khánh Hòa			
5487	76B-028.77	Quảng Ngãi	7087	79A-583.55	Khánh Hòa			
5488	76B-030.88	Quảng Ngãi	7088	79A-591.88	Khánh Hòa			
5489	76C-178.11	Quảng Ngãi	7089	79C-234.35	Khánh Hòa			
5490	76D-012.88	Quảng Ngãi	7090	79D-012.86	Khánh Hòa			
5491	76D-014.15	Quảng Ngãi	7091	79D-014.22	Khánh Hòa			
5492	77A-357.69	Bình Định	7092	81A-456.00	Gia Lai			
5493	77A-366.11	Bình Định	7093	81A-473.00	Gia Lai			
5494	77A-366.67	Bình Định	7094	81B-028.77	Gia Lai			
5495	77A-369.86	Bình Định	7095	81C-284.89	Gia Lai			
5496	78A-216.68	Phú Yên	7096	81C-296.66	Gia Lai			
5497	78A-218.99	Phú Yên	7097	81C-297.89	Gia Lai			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	78A-222.36	Phú Yên	7098	81C-298.68	Gia Lai			
5499	78B-019.98	Phú Yên	7099	81C-300.03	Gia Lai			
5500	79A-570.07	Khánh Hòa	7100	82A-162.68	Kon Tum			
5501	79A-572.27	Khánh Hòa	7101	82B-020.69	Kon Tum			
5502	79A-573.00	Khánh Hòa	7102	82B-024.25	Kon Tum			
5503	79A-581.85	Khánh Hòa	7103	82D-012.89	Kon Tum			
5504	79A-593.88	Khánh Hòa	7104	83A-195.99	Sóc Trăng			
5505	79C-230.77	Khánh Hòa	7105	83A-199.77	Sóc Trăng			
5506	79C-231.77	Khánh Hòa	7106	83B-024.77	Sóc Trăng			
5507	79D-013.77	Khánh Hòa	7107	83C-134.31	Sóc Trăng			
5508	81A-454.69	Gia Lai	7108	83D-010.68	Sóc Trăng			
5509	81A-460.99	Gia Lai	7109	83D-010.88	Sóc Trăng			
5510	81A-462.68	Gia Lai	7110	84B-021.02	Trà Vinh			
5511	81A-473.77	Gia Lai	7111	84B-021.44	Trà Vinh			
5512	81A-474.77	Gia Lai	7112	84C-124.77	Trà Vinh			
5513	81A-479.68	Gia Lai	7113	84C-127.72	Trà Vinh			
5514	81B-030.00	Gia Lai	7114	85A-148.33	Ninh Thuận			
5515	81B-030.31	Gia Lai	7115	85A-150.77	Ninh Thuận			
5516	81C-282.89	Gia Lai	7116	85A-152.99	Ninh Thuận			
5517	81C-291.00	Gia Lai	7117	85B-014.89	Ninh Thuận			
5518	81D-014.99	Gia Lai	7118	85B-016.99	Ninh Thuận			
5519	82B-021.12	Kon Tum	7119	85C-088.39	Ninh Thuận			
5520	82C-095.68	Kon Tum	7120	86A-327.28	Bình Thuận			
5521	82C-095.69	Kon Tum	7121	86A-331.13	Bình Thuận			
5522	82C-095.79	Kon Tum	7122	86A-333.16	Bình Thuận			
5523	82C-099.22	Kon Tum	7123	86B-026.68	Bình Thuận			
5524	83B-025.39	Sóc Trăng	7124	86C-209.86	Bình Thuận			
5525	83B-025.44	Sóc Trăng	7125	86C-211.68	Bình Thuận			
5526	83C-134.66	Sóc Trăng	7126	86C-213.77	Bình Thuận			
5527	83C-137.39	Sóc Trăng	7127	88A-794.49	Vĩnh Phúc			
5528	83D-009.11	Sóc Trăng	7128	88A-794.95	Vĩnh Phúc			
5529	84A-148.49	Trà Vinh	7129	88A-796.44	Vĩnh Phúc			
5530	84A-151.66	Trà Vinh	7130	88A-800.39	Vĩnh Phúc			
5531	84A-151.86	Trà Vinh	7131	88A-800.86	Vĩnh Phúc			
5532	84A-153.89	Trà Vinh	7132	88A-808.99	Vĩnh Phúc			
5533	84B-019.55	Trà Vinh	7133	88A-819.18	Vĩnh Phúc			
5534	84D-008.08	Trà Vinh	7134	88A-821.68	Vĩnh Phúc			
5535	85A-151.44	Ninh Thuận	7135	88A-827.79	Vĩnh Phúc			
5536	85D-009.39	Ninh Thuận	7136	88A-829.88	Vĩnh Phúc			
5537	86A-320.33	Bình Thuận	7137	88C-318.11	Vĩnh Phúc			
5538	86A-324.22	Bình Thuận	7138	88C-319.11	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	86A-325.32	Bình Thuận	7139	88C-325.89	Vĩnh Phúc			
5540	86A-327.89	Bình Thuận	7140	89A-534.00	Hưng Yên			
5541	86A-330.11	Bình Thuận	7141	89A-545.77	Hưng Yên			
5542	86C-209.88	Bình Thuận	7142	89A-547.45	Hưng Yên			
5543	86C-210.88	Bình Thuận	7143	89A-552.25	Hưng Yên			
5544	86C-214.12	Bình Thuận	7144	89A-552.89	Hưng Yên			
5545	86D-008.89	Bình Thuận	7145	89A-559.68	Hưng Yên			
5546	88A-804.08	Vĩnh Phúc	7146	89A-560.65	Hưng Yên			
5547	88A-808.11	Vĩnh Phúc	7147	89A-565.33	Hưng Yên			
5548	88A-815.79	Vĩnh Phúc	7148	89A-565.86	Hưng Yên			
5549	88A-824.77	Vĩnh Phúc	7149	89C-348.69	Hưng Yên			
5550	88B-022.77	Vĩnh Phúc	7150	89C-357.44	Hưng Yên			
5551	88B-024.89	Vĩnh Phúc	7151	89C-359.39	Hưng Yên			
5552	88C-311.55	Vĩnh Phúc	7152	89D-023.02	Hưng Yên			
5553	88C-312.89	Vĩnh Phúc	7153	89D-025.88	Hưng Yên			
5554	88C-317.66	Vĩnh Phúc	7154	90A-291.79	Hà Nam			
5555	88C-319.88	Vĩnh Phúc	7155	90A-296.29	Hà Nam			
5556	88C-324.79	Vĩnh Phúc	7156	90B-014.15	Hà Nam			
5557	88C-324.99	Vĩnh Phúc	7157	90C-157.75	Hà Nam			
5558	88D-023.77	Vĩnh Phúc	7158	90C-158.22	Hà Nam			
5559	89A-533.11	Hưng Yên	7159	90D-010.89	Hà Nam			
5560	89A-537.73	Hưng Yên	7160	90D-011.44	Hà Nam			
5561	89A-539.33	Hưng Yên	7161	92A-433.43	Quảng Nam			
5562	89A-548.68	Hưng Yên	7162	92A-434.68	Quảng Nam			
5563	89A-551.77	Hưng Yên	7163	92A-439.77	Quảng Nam			
5564	89A-554.89	Hưng Yên	7164	92A-441.88	Quảng Nam			
5565	89A-555.12	Hưng Yên	7165	92A-446.64	Quảng Nam			
5566	89A-555.14	Hưng Yên	7166	92A-447.00	Quảng Nam			
5567	89C-352.39	Hưng Yên	7167	92B-041.55	Quảng Nam			
5568	89D-023.77	Hưng Yên	7168	92B-041.68	Quảng Nam			
5569	90A-293.77	Hà Nam	7169	92D-012.55	Quảng Nam			
5570	90A-295.99	Hà Nam	7170	93A-507.99	Bình Phước			
5571	90D-013.11	Hà Nam	7171	93A-511.88	Bình Phước			
5572	92A-444.34	Quảng Nam	7172	93A-514.41	Bình Phước			
5573	92A-446.88	Quảng Nam	7173	93A-517.51	Bình Phước			
5574	92B-041.89	Quảng Nam	7174	93A-523.33	Bình Phước			
5575	92C-261.22	Quảng Nam	7175	93B-024.77	Bình Phước			
5576	92C-264.22	Quảng Nam	7176	93B-025.33	Bình Phước			
5577	93A-510.79	Bình Phước	7177	93C-201.11	Bình Phước			
5578	93A-523.52	Bình Phước	7178	93C-205.77	Bình Phước			
5579	93A-525.44	Bình Phước	7179	94A-113.86	Bạc Liêu			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	93C-204.68	Bình Phước	7180	94B-018.33	Bạc Liêu			
5581	94A-111.35	Bạc Liêu	7181	94C-087.22	Bạc Liêu			
5582	94A-113.44	Bạc Liêu	7182	94D-006.86	Bạc Liêu			
5583	94C-083.80	Bạc Liêu	7183	94D-007.07	Bạc Liêu			
5584	95A-138.89	Hậu Giang	7184	95A-139.22	Hậu Giang			
5585	95A-140.11	Hậu Giang	7185	95A-139.93	Hậu Giang			
5586	95C-091.11	Hậu Giang	7186	95A-140.33	Hậu Giang			
5587	97C-051.69	Bắc Kạn	7187	95D-025.11	Hậu Giang			
5588	97C-052.53	Bắc Kạn	7188	97A-095.69	Bắc Kạn			
5589	97D-009.09	Bắc Kạn	7189	97B-015.66	Bắc Kạn			
5590	97D-009.11	Bắc Kạn	7190	97C-053.00	Bắc Kạn			
5591	97D-011.33	Bắc Kạn	7191	97D-010.89	Bắc Kạn			
5592	98A-864.55	Bắc Giang	7192	98A-871.17	Bắc Giang			
5593	98A-871.68	Bắc Giang	7193	98A-871.79	Bắc Giang			
5594	98A-872.77	Bắc Giang	7194	98A-885.22	Bắc Giang			
5595	98A-873.22	Bắc Giang	7195	98A-893.77	Bắc Giang			
5596	98A-875.33	Bắc Giang	7196	98A-901.09	Bắc Giang			
5597	98A-885.44	Bắc Giang	7197	98A-905.77	Bắc Giang			
5598	98A-887.86	Bắc Giang	7198	98A-906.86	Bắc Giang			
5599	98A-895.44	Bắc Giang	7199	98A-907.90	Bắc Giang			
5600	98B-045.68	Bắc Giang	7200	98C-376.11	Bắc Giang			
5601	98C-376.68	Bắc Giang	7201	98C-380.11	Bắc Giang			
5602	98C-384.55	Bắc Giang	7202	98C-380.55	Bắc Giang			
5603	98C-387.99	Bắc Giang	7203	98C-385.89	Bắc Giang			
5604	98C-392.55	Bắc Giang	7204	98C-392.88	Bắc Giang			
5605	98C-397.39	Bắc Giang	7205	98C-394.39	Bắc Giang			
5606	98D-021.88	Bắc Giang	7206	99A-874.75	Bắc Ninh			
5607	99A-858.33	Bắc Ninh	7207	99A-884.69	Bắc Ninh			
5608	99A-863.63	Bắc Ninh	7208	99A-888.05	Bắc Ninh			
5609	99A-885.11	Bắc Ninh	7209	99A-889.66	Bắc Ninh			
5610	99A-888.37	Bắc Ninh	7210	99A-890.79	Bắc Ninh			
5611	99A-896.77	Bắc Ninh	7211	99A-893.39	Bắc Ninh			
5612	99B-032.89	Bắc Ninh	7212	99A-893.94	Bắc Ninh			
5613	99C-331.68	Bắc Ninh	7213	99C-342.11	Bắc Ninh			
5614	99C-333.48	Bắc Ninh	7214	99C-345.33	Bắc Ninh			
5615	11A-140.83	Cao Bằng	7215	99D-025.66	Bắc Ninh			
5616	11B-013.58	Cao Bằng	7216	11A-136.85	Cao Bằng			
5617	11B-014.83	Cao Bằng	7217	11A-141.16	Cao Bằng			
5618	11B-015.19	Cao Bằng	7218	12A-263.98	Lạng Sơn			
5619	11B-015.36	Cao Bằng	7219	12A-271.25	Lạng Sơn			
5620	11D-011.28	Cao Bằng	7220	12B-016.38	Lạng Sơn			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	12B-017.58	Lạng Sơn	7221	12B-018.06	Lạng Sơn			
5622	14A-994.19	Quảng Ninh	7222	14A-992.25	Quảng Ninh			
5623	14A-995.65	Quảng Ninh	7223	14B-052.85	Quảng Ninh			
5624	14C-451.06	Quảng Ninh	7224	14B-053.18	Quảng Ninh			
5625	14C-459.19	Quảng Ninh	7225	14C-454.18	Quảng Ninh			
5626	14C-459.56	Quảng Ninh	7226	14C-454.28	Quảng Ninh			
5627	14C-459.83	Quảng Ninh	7227	14C-455.16	Quảng Ninh			
5628	14C-461.65	Quảng Ninh	7228	14C-462.18	Quảng Ninh			
5629	14C-465.95	Quảng Ninh	7229	14C-464.36	Quảng Ninh			
5630	14K-004.85	Quảng Ninh	7230	14C-471.19	Quảng Ninh			
5631	14K-005.19	Quảng Ninh	7231	14K-002.38	Quảng Ninh			
5632	14K-008.58	Quảng Ninh	7232	14K-007.28	Quảng Ninh			
5633	14K-009.38	Quảng Ninh	7233	14K-012.96	Quảng Ninh			
5634	14K-023.96	Quảng Ninh	7234	14K-015.19	Quảng Ninh			
5635	14K-035.98	Quảng Ninh	7235	14K-021.08	Quảng Ninh			
5636	14K-037.96	Quảng Ninh	7236	14K-027.25	Quảng Ninh			
5637	14K-040.16	Quảng Ninh	7237	14K-027.56	Quảng Ninh			
5638	14K-042.26	Quảng Ninh	7238	14K-027.59	Quảng Ninh			
5639	14K-046.26	Quảng Ninh	7239	14K-033.36	Quảng Ninh			
5640	15B-055.95	Hải Phòng	7240	14K-033.63	Quảng Ninh			
5641	15B-058.29	Hải Phòng	7241	14K-038.98	Quảng Ninh			
5642	15C-482.65	Hải Phòng	7242	14K-045.85	Quảng Ninh			
5643	15C-491.65	Hải Phòng	7243	15B-057.65	Hải Phòng			
5644	15C-493.26	Hải Phòng	7244	15C-482.25	Hải Phòng			
5645	15D-054.56	Hải Phòng	7245	15C-482.59	Hải Phòng			
5646	15D-055.96	Hải Phòng	7246	15C-484.19	Hải Phòng			
5647	15D-056.25	Hải Phòng	7247	15C-489.58	Hải Phòng			
5648	15K-432.98	Hải Phòng	7248	15C-494.98	Hải Phòng			
5649	15K-435.06	Hải Phòng	7249	15K-428.19	Hải Phòng			
5650	15K-437.63	Hải Phòng	7250	15K-429.63	Hải Phòng			
5651	15K-439.83	Hải Phòng	7251	15K-438.06	Hải Phòng			
5652	15K-449.58	Hải Phòng	7252	15K-442.36	Hải Phòng			
5653	15K-449.83	Hải Phòng	7253	15K-443.59	Hải Phòng			
5654	15K-450.65	Hải Phòng	7254	15K-446.85	Hải Phòng			
5655	15K-453.18	Hải Phòng	7255	15K-455.08	Hải Phòng			
5656	15K-453.25	Hải Phòng	7256	15K-459.83	Hải Phòng			
5657	15K-455.63	Hải Phòng	7257	15K-464.56	Hải Phòng			
5658	15K-463.29	Hải Phòng	7258	15K-465.98	Hải Phòng			
5659	15K-466.25	Hải Phòng	7259	15K-466.38	Hải Phòng			
5660	15K-474.08	Hải Phòng	7260	15K-469.38	Hải Phòng			
5661	15K-478.26	Hải Phòng	7261	15K-484.63	Hải Phòng			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	15K-479.08	Hải Phòng	7262	15K-486.36	Hải Phòng			
5663	15K-479.59	Hải Phòng	7263	15K-497.38	Hải Phòng			
5664	15K-479.98	Hải Phòng	7264	15K-507.95	Hải Phòng			
5665	15K-481.15	Hải Phòng	7265	17A-492.59	Thái Bình			
5666	15K-485.38	Hải Phòng	7266	17A-506.96	Thái Bình			
5667	15K-492.25	Hải Phòng	7267	17A-509.18	Thái Bình			
5668	15K-494.16	Hải Phòng	7268	17B-030.98	Thái Bình			
5669	15K-499.15	Hải Phòng	7269	17C-216.38	Thái Bình			
5670	15K-502.98	Hải Phòng	7270	17C-220.58	Thái Bình			
5671	15K-510.09	Hải Phòng	7271	17D-015.28	Thái Bình			
5672	15K-510.18	Hải Phòng	7272	18A-490.08	Nam Định			
5673	15K-511.58	Hải Phòng	7273	18A-490.16	Nam Định			
5674	17A-495.09	Thái Bình	7274	18A-494.29	Nam Định			
5675	17A-497.83	Thái Bình	7275	18A-501.09	Nam Định			
5676	17A-503.19	Thái Bình	7276	18A-502.15	Nam Định			
5677	17A-508.28	Thái Bình	7277	18A-505.96	Nam Định			
5678	17A-509.28	Thái Bình	7278	18A-511.35	Nam Định			
5679	17C-216.36	Thái Bình	7279	18C-182.09	Nam Định			
5680	17C-220.96	Thái Bình	7280	18D-015.06	Nam Định			
5681	17D-014.28	Thái Bình	7281	19A-723.08	Phú Thọ			
5682	17D-015.38	Thái Bình	7282	19A-724.85	Phú Thọ			
5683	18A-496.09	Nam Định	7283	19A-726.16	Phú Thọ			
5684	18A-496.25	Nam Định	7284	19A-726.29	Phú Thọ			
5685	18A-497.38	Nam Định	7285	19A-744.35	Phú Thọ			
5686	18A-503.85	Nam Định	7286	19A-746.19	Phú Thọ			
5687	18A-504.35	Nam Định	7287	19A-747.98	Phú Thọ			
5688	18C-174.35	Nam Định	7288	19B-030.85	Phú Thọ			
5689	19A-717.35	Phú Thọ	7289	19C-263.95	Phú Thọ			
5690	19A-718.96	Phú Thọ	7290	19C-264.29	Phú Thọ			
5691	19A-719.28	Phú Thọ	7291	19C-267.56	Phú Thọ			
5692	19A-723.96	Phú Thọ	7292	19C-268.65	Phú Thọ			
5693	19A-724.38	Phú Thọ	7293	19C-269.59	Phú Thọ			
5694	19A-730.65	Phú Thọ	7294	19C-271.36	Phú Thọ			
5695	19A-736.15	Phú Thọ	7295	19C-277.28	Phú Thọ			
5696	19A-736.96	Phú Thọ	7296	19C-280.58	Phú Thọ			
5697	19A-743.06	Phú Thọ	7297	20A-862.09	Thái Nguyên			
5698	19A-756.96	Phú Thọ	7298	20A-883.63	Thái Nguyên			
5699	19A-757.15	Phú Thọ	7299	20A-886.36	Thái Nguyên			
5700	19B-028.19	Phú Thọ	7300	20A-887.36	Thái Nguyên			
5701	19C-265.95	Phú Thọ	7301	20A-896.58	Thái Nguyên			
5702	19C-270.19	Phú Thọ	7302	20A-897.83	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	19C-271.58	Phú Thọ	7303	20B-036.38	Thái Nguyên			
5704	19C-274.16	Phú Thọ	7304	20C-313.85	Thái Nguyên			
5705	19C-275.56	Phú Thọ	7305	20C-315.63	Thái Nguyên			
5706	19C-276.35	Phú Thọ	7306	20C-316.65	Thái Nguyên			
5707	20A-870.26	Thái Nguyên	7307	20C-320.85	Thái Nguyên			
5708	20A-871.83	Thái Nguyên	7308	21A-227.35	Yên Bái			
5709	20A-873.38	Thái Nguyên	7309	21A-227.65	Yên Bái			
5710	20A-879.58	Thái Nguyên	7310	21B-013.98	Yên Bái			
5711	20A-879.65	Thái Nguyên	7311	21D-007.29	Yên Bái			
5712	20A-884.36	Thái Nguyên	7312	22B-018.09	Tuyên Quang			
5713	20A-884.63	Thái Nguyên	7313	22D-011.96	Tuyên Quang			
5714	20A-884.95	Thái Nguyên	7314	22D-013.56	Tuyên Quang			
5715	20A-898.08	Thái Nguyên	7315	23A-163.85	Hà Giang			
5716	20B-038.19	Thái Nguyên	7316	23A-167.36	Hà Giang			
5717	20B-038.56	Thái Nguyên	7317	23A-168.29	Hà Giang			
5718	20C-324.35	Thái Nguyên	7318	23C-090.56	Hà Giang			
5719	21A-228.15	Yên Bái	7319	23C-090.83	Hà Giang			
5720	21A-228.58	Yên Bái	7320	23C-092.59	Hà Giang			
5721	21A-232.98	Yên Bái	7321	23D-010.16	Hà Giang			
5722	21D-008.35	Yên Bái	7322	24A-320.16	Lào Cai			
5723	22B-019.56	Tuyên Quang	7323	24A-320.35	Lào Cai			
5724	23A-165.25	Hà Giang	7324	24D-013.29	Lào Cai			
5725	23A-170.06	Hà Giang	7325	25B-009.56	Lai Châu			
5726	23C-091.06	Hà Giang	7326	26A-235.09	Sơn La			
5727	23C-092.38	Hà Giang	7327	26A-240.15	Sơn La			
5728	24A-319.65	Lào Cai	7328	26A-241.29	Sơn La			
5729	24A-320.06	Lào Cai	7329	26A-242.08	Sơn La			
5730	24A-321.36	Lào Cai	7330	26A-242.85	Sơn La			
5731	24A-321.85	Lào Cai	7331	26C-164.29	Sơn La			
5732	24A-326.63	Lào Cai	7332	27A-130.19	Điện Biên			
5733	25A-087.25	Lai Châu	7333	27A-133.36	Điện Biên			
5734	26A-241.58	Sơn La	7334	27B-014.95	Điện Biên			
5735	26A-246.28	Sơn La	7335	27D-007.36	Điện Biên			
5736	26B-021.96	Sơn La	7336	27D-007.95	Điện Biên			
5737	26C-166.28	Sơn La	7337	28A-267.95	Hòa Bình			
5738	27A-129.25	Điện Biên	7338	28A-268.28	Hòa Bình			
5739	27A-129.63	Điện Biên	7339	28B-021.26	Hòa Bình			
5740	27B-015.28	Điện Biên	7340	28C-125.29	Hòa Bình			
5741	27B-015.65	Điện Biên	7341	28C-126.95	Hòa Bình			
5742	27B-015.85	Điện Biên	7342	28D-012.15	Hòa Bình			
5743	27B-016.95	Điện Biên	7343	28D-013.28	Hòa Bình			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	27C-074.56	Điện Biên	7344	28D-013.96	Hòa Bình			
5745	27D-008.15	Điện Biên	7345	28D-014.25	Hòa Bình			
5746	27D-008.98	Điện Biên	7346	29B-660.38	Hà Nội			
5747	28A-262.85	Hòa Bình	7347	29D-626.58	Hà Nội			
5748	28A-267.19	Hòa Bình	7348	29D-631.28	Hà Nội			
5749	28C-124.09	Hòa Bình	7349	29D-641.15	Hà Nội			
5750	28C-125.16	Hòa Bình	7350	29K-326.36	Hà Nội			
5751	29B-659.16	Hà Nội	7351	29K-338.09	Hà Nội			
5752	29D-627.83	Hà Nội	7352	29K-345.28	Hà Nội			
5753	29D-635.19	Hà Nội	7353	29K-355.58	Hà Nội			
5754	29K-329.25	Hà Nội	7354	29K-359.06	Hà Nội			
5755	29K-347.58	Hà Nội	7355	29K-361.98	Hà Nội			
5756	29K-348.38	Hà Nội	7356	29K-368.15	Hà Nội			
5757	29K-348.63	Hà Nội	7357	29K-368.19	Hà Nội			
5758	29K-353.59	Hà Nội	7358	29K-371.26	Hà Nội			
5759	29K-356.63	Hà Nội	7359	29K-388.26	Hà Nội			
5760	29K-357.95	Hà Nội	7360	29K-389.28	Hà Nội			
5761	29K-371.35	Hà Nội	7361	29K-391.25	Hà Nội			
5762	29K-372.58	Hà Nội	7362	29K-398.95	Hà Nội			
5763	29K-373.96	Hà Nội	7363	29K-402.95	Hà Nội			
5764	29K-377.56	Hà Nội	7364	29K-416.19	Hà Nội			
5765	29K-386.63	Hà Nội	7365	29K-416.65	Hà Nội			
5766	29K-390.16	Hà Nội	7366	29K-418.83	Hà Nội			
5767	29K-391.26	Hà Nội	7367	29K-422.98	Hà Nội			
5768	29K-402.18	Hà Nội	7368	29K-423.98	Hà Nội			
5769	29K-404.26	Hà Nội	7369	29K-425.06	Hà Nội			
5770	29K-407.18	Hà Nội	7370	29K-427.38	Hà Nội			
5771	29K-413.35	Hà Nội	7371	29K-434.16	Hà Nội			
5772	29K-414.26	Hà Nội	7372	29K-443.63	Hà Nội			
5773	29K-422.25	Hà Nội	7373	29K-445.63	Hà Nội			
5774	29K-429.56	Hà Nội	7374	29K-446.83	Hà Nội			
5775	29K-437.96	Hà Nội	7375	29K-450.06	Hà Nội			
5776	29K-449.65	Hà Nội	7376	29K-453.26	Hà Nội			
5777	29K-451.95	Hà Nội	7377	29K-459.58	Hà Nội			
5778	29K-455.26	Hà Nội	7378	29K-460.26	Hà Nội			
5779	29K-474.28	Hà Nội	7379	29K-460.83	Hà Nội			
5780	29K-475.06	Hà Nội	7380	29K-463.29	Hà Nội			
5781	29K-477.15	Hà Nội	7381	29K-474.98	Hà Nội			
5782	30M-030.56	Hà Nội	7382	29K-475.18	Hà Nội			
5783	30M-039.59	Hà Nội	7383	30M-033.98	Hà Nội			
5784	30M-057.83	Hà Nội	7384	30M-037.63	Hà Nội			

41
NG
G
P DA
T N
QUAN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	30M-065.83	Hà Nội	7385	30M-039.36	Hà Nội			
5786	30M-076.18	Hà Nội	7386	30M-040.36	Hà Nội			
5787	30M-077.28	Hà Nội	7387	30M-043.96	Hà Nội			
5788	30M-079.65	Hà Nội	7388	30M-047.09	Hà Nội			
5789	30M-090.18	Hà Nội	7389	30M-049.16	Hà Nội			
5790	30M-093.58	Hà Nội	7390	30M-054.38	Hà Nội			
5791	30M-099.28	Hà Nội	7391	30M-057.15	Hà Nội			
5792	30M-105.65	Hà Nội	7392	30M-063.96	Hà Nội			
5793	30M-108.98	Hà Nội	7393	30M-065.08	Hà Nội			
5794	30M-110.08	Hà Nội	7394	30M-071.38	Hà Nội			
5795	30M-114.58	Hà Nội	7395	30M-074.35	Hà Nội			
5796	30M-116.56	Hà Nội	7396	30M-083.15	Hà Nội			
5797	30M-117.38	Hà Nội	7397	30M-083.63	Hà Nội			
5798	30M-130.08	Hà Nội	7398	30M-086.25	Hà Nội			
5799	30M-137.25	Hà Nội	7399	30M-091.36	Hà Nội			
5800	30M-137.58	Hà Nội	7400	30M-094.98	Hà Nội			
5801	30M-144.18	Hà Nội	7401	30M-100.95	Hà Nội			
5802	30M-149.56	Hà Nội	7402	30M-102.06	Hà Nội			
5803	30M-153.63	Hà Nội	7403	30M-112.06	Hà Nội			
5804	30M-166.98	Hà Nội	7404	30M-112.19	Hà Nội			
5805	30M-168.29	Hà Nội	7405	30M-112.26	Hà Nội			
5806	30M-170.95	Hà Nội	7406	30M-115.83	Hà Nội			
5807	30M-173.08	Hà Nội	7407	30M-116.25	Hà Nội			
5808	30M-179.36	Hà Nội	7408	30M-118.59	Hà Nội			
5809	30M-181.06	Hà Nội	7409	30M-121.28	Hà Nội			
5810	30M-191.95	Hà Nội	7410	30M-121.29	Hà Nội			
5811	30M-193.65	Hà Nội	7411	30M-122.98	Hà Nội			
5812	30M-194.16	Hà Nội	7412	30M-132.36	Hà Nội			
5813	30M-194.98	Hà Nội	7413	30M-134.85	Hà Nội			
5814	30M-199.18	Hà Nội	7414	30M-135.65	Hà Nội			
5815	30M-199.28	Hà Nội	7415	30M-140.26	Hà Nội			
5816	30M-206.38	Hà Nội	7416	30M-144.96	Hà Nội			
5817	30M-211.58	Hà Nội	7417	30M-148.19	Hà Nội			
5818	30M-216.95	Hà Nội	7418	30M-150.19	Hà Nội			
5819	30M-227.59	Hà Nội	7419	30M-154.09	Hà Nội			
5820	30M-228.59	Hà Nội	7420	30M-157.19	Hà Nội			
5821	30M-229.16	Hà Nội	7421	30M-157.83	Hà Nội			
5822	30M-230.09	Hà Nội	7422	30M-171.56	Hà Nội			
5823	30M-238.98	Hà Nội	7423	30M-172.16	Hà Nội			
5824	30M-241.83	Hà Nội	7424	30M-180.65	Hà Nội			
5825	30M-249.18	Hà Nội	7425	30M-181.38	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-262.38	Hà Nội	7426	30M-185.08	Hà Nội			
5827	30M-266.09	Hà Nội	7427	30M-186.83	Hà Nội			
5828	30M-275.06	Hà Nội	7428	30M-190.63	Hà Nội			
5829	30M-285.29	Hà Nội	7429	30M-193.85	Hà Nội			
5830	30M-289.25	Hà Nội	7430	30M-194.56	Hà Nội			
5831	30M-293.59	Hà Nội	7431	30M-198.25	Hà Nội			
5832	30M-304.26	Hà Nội	7432	30M-202.35	Hà Nội			
5833	30M-305.65	Hà Nội	7433	30M-214.16	Hà Nội			
5834	30M-310.38	Hà Nội	7434	30M-220.08	Hà Nội			
5835	30M-317.29	Hà Nội	7435	30M-220.95	Hà Nội			
5836	30M-319.65	Hà Nội	7436	30M-229.09	Hà Nội			
5837	30M-322.95	Hà Nội	7437	30M-231.19	Hà Nội			
5838	30M-335.83	Hà Nội	7438	30M-231.96	Hà Nội			
5839	30M-342.85	Hà Nội	7439	30M-236.09	Hà Nội			
5840	30M-346.35	Hà Nội	7440	30M-237.25	Hà Nội			
5841	30M-351.18	Hà Nội	7441	30M-238.16	Hà Nội			
5842	30M-354.65	Hà Nội	7442	30M-245.63	Hà Nội			
5843	30M-359.58	Hà Nội	7443	30M-248.83	Hà Nội			
5844	30M-365.85	Hà Nội	7444	30M-256.38	Hà Nội			
5845	30M-366.25	Hà Nội	7445	30M-267.56	Hà Nội			
5846	30M-367.15	Hà Nội	7446	30M-274.83	Hà Nội			
5847	30M-371.95	Hà Nội	7447	30M-275.26	Hà Nội			
5848	30M-382.08	Hà Nội	7448	30M-284.38	Hà Nội			
5849	30M-385.28	Hà Nội	7449	30M-286.38	Hà Nội			
5850	30M-389.08	Hà Nội	7450	30M-291.08	Hà Nội			
5851	30M-393.16	Hà Nội	7451	30M-304.25	Hà Nội			
5852	30M-402.95	Hà Nội	7452	30M-307.35	Hà Nội			
5853	30M-410.59	Hà Nội	7453	30M-307.63	Hà Nội			
5854	30M-411.65	Hà Nội	7454	30M-311.83	Hà Nội			
5855	34A-924.96	Hải Dương	7455	30M-312.15	Hà Nội			
5856	34A-930.28	Hải Dương	7456	30M-315.29	Hà Nội			
5857	34A-930.38	Hải Dương	7457	30M-316.95	Hà Nội			
5858	34A-932.29	Hải Dương	7458	30M-322.28	Hà Nội			
5859	34A-960.29	Hải Dương	7459	30M-323.16	Hà Nội			
5860	34A-974.35	Hải Dương	7460	30M-324.16	Hà Nội			
5861	34C-440.98	Hải Dương	7461	30M-331.29	Hà Nội			
5862	34C-442.58	Hải Dương	7462	30M-331.98	Hà Nội			
5863	34C-447.08	Hải Dương	7463	30M-334.16	Hà Nội			
5864	34C-448.96	Hải Dương	7464	30M-343.29	Hà Nội			
5865	34C-449.18	Hải Dương	7465	30M-345.28	Hà Nội			
5866	35A-464.25	Ninh Bình	7466	30M-345.29	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	35A-468.29	Ninh Bình	7467	30M-346.85	Hà Nội			
5868	35A-474.19	Ninh Bình	7468	30M-351.56	Hà Nội			
5869	35A-481.09	Ninh Bình	7469	30M-352.16	Hà Nội			
5870	35C-180.65	Ninh Bình	7470	30M-360.96	Hà Nội			
5871	35C-184.16	Ninh Bình	7471	30M-369.56	Hà Nội			
5872	35C-185.65	Ninh Bình	7472	30M-373.15	Hà Nội			
5873	35C-186.16	Ninh Bình	7473	30M-374.08	Hà Nội			
5874	36C-548.16	Thanh Hóa	7474	30M-381.15	Hà Nội			
5875	36C-549.58	Thanh Hóa	7475	30M-398.36	Hà Nội			
5876	36C-553.16	Thanh Hóa	7476	30M-405.09	Hà Nội			
5877	36C-557.15	Thanh Hóa	7477	30M-409.29	Hà Nội			
5878	36C-558.63	Thanh Hóa	7478	30M-412.85	Hà Nội			
5879	36C-562.08	Thanh Hóa	7479	30M-413.15	Hà Nội			
5880	36C-564.58	Thanh Hóa	7480	30M-413.85	Hà Nội			
5881	36C-565.36	Thanh Hóa	7481	30M-416.29	Hà Nội			
5882	36C-566.85	Thanh Hóa	7482	34A-924.09	Hải Dương			
5883	36C-570.18	Thanh Hóa	7483	34A-930.95	Hải Dương			
5884	36C-570.98	Thanh Hóa	7484	34A-934.83	Hải Dương			
5885	36C-580.28	Thanh Hóa	7485	34A-935.96	Hải Dương			
5886	36D-032.19	Thanh Hóa	7486	34A-943.09	Hải Dương			
5887	36K-230.65	Thanh Hóa	7487	34A-949.26	Hải Dương			
5888	36K-231.25	Thanh Hóa	7488	34A-955.09	Hải Dương			
5889	36K-232.83	Thanh Hóa	7489	34A-959.58	Hải Dương			
5890	36K-235.96	Thanh Hóa	7490	34A-964.38	Hải Dương			
5891	36K-244.98	Thanh Hóa	7491	34A-968.18	Hải Dương			
5892	36K-246.09	Thanh Hóa	7492	34A-972.38	Hải Dương			
5893	36K-246.25	Thanh Hóa	7493	34A-973.96	Hải Dương			
5894	36K-247.38	Thanh Hóa	7494	34C-439.08	Hải Dương			
5895	36K-257.28	Thanh Hóa	7495	34C-443.09	Hải Dương			
5896	36K-257.65	Thanh Hóa	7496	34C-444.83	Hải Dương			
5897	36K-261.58	Thanh Hóa	7497	34C-447.96	Hải Dương			
5898	36K-262.06	Thanh Hóa	7498	34C-448.28	Hải Dương			
5899	36K-272.56	Thanh Hóa	7499	34C-450.98	Hải Dương			
5900	36K-276.25	Thanh Hóa	7500	35A-468.63	Ninh Bình			
5901	36K-277.63	Thanh Hóa	7501	35A-470.18	Ninh Bình			
5902	36K-279.36	Thanh Hóa	7502	35A-473.35	Ninh Bình			
5903	36K-281.58	Thanh Hóa	7503	35A-474.35	Ninh Bình			
5904	36K-285.16	Thanh Hóa	7504	35A-475.58	Ninh Bình			
5905	36K-286.95	Thanh Hóa	7505	35A-480.56	Ninh Bình			
5906	36K-290.36	Thanh Hóa	7506	35B-022.83	Ninh Bình			
5907	36K-296.08	Thanh Hóa	7507	35B-026.28	Ninh Bình			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	36K-305.35	Thanh Hóa	7508	35C-186.15	Ninh Bình			
5909	37B-048.18	Nghệ An	7509	35D-016.59	Ninh Bình			
5910	37B-048.59	Nghệ An	7510	35D-019.65	Ninh Bình			
5911	37C-572.98	Nghệ An	7511	36B-050.15	Thanh Hóa			
5912	37C-573.63	Nghệ An	7512	36C-548.26	Thanh Hóa			
5913	37C-576.16	Nghệ An	7513	36C-554.29	Thanh Hóa			
5914	37C-577.06	Nghệ An	7514	36C-567.58	Thanh Hóa			
5915	37C-578.06	Nghệ An	7515	36C-568.36	Thanh Hóa			
5916	37D-048.06	Nghệ An	7516	36C-571.26	Thanh Hóa			
5917	37D-050.25	Nghệ An	7517	36D-030.28	Thanh Hóa			
5918	37D-050.36	Nghệ An	7518	36K-234.19	Thanh Hóa			
5919	37K-482.63	Nghệ An	7519	36K-238.96	Thanh Hóa			
5920	37K-487.06	Nghệ An	7520	36K-244.26	Thanh Hóa			
5921	37K-492.06	Nghệ An	7521	36K-254.08	Thanh Hóa			
5922	37K-499.58	Nghệ An	7522	36K-270.09	Thanh Hóa			
5923	37K-512.85	Nghệ An	7523	36K-272.85	Thanh Hóa			
5924	37K-513.35	Nghệ An	7524	36K-273.95	Thanh Hóa			
5925	37K-517.19	Nghệ An	7525	36K-274.63	Thanh Hóa			
5926	37K-520.98	Nghệ An	7526	36K-276.83	Thanh Hóa			
5927	37K-521.96	Nghệ An	7527	36K-279.06	Thanh Hóa			
5928	37K-544.58	Nghệ An	7528	37C-574.95	Nghệ An			
5929	37K-556.26	Nghệ An	7529	37C-575.95	Nghệ An			
5930	37K-558.35	Nghệ An	7530	37C-582.63	Nghệ An			
5931	37K-571.96	Nghệ An	7531	37C-589.09	Nghệ An			
5932	37K-574.58	Nghệ An	7532	37C-594.63	Nghệ An			
5933	38A-700.59	Hà Tĩnh	7533	37C-597.08	Nghệ An			
5934	38A-701.58	Hà Tĩnh	7534	37K-485.08	Nghệ An			
5935	38A-710.59	Hà Tĩnh	7535	37K-491.63	Nghệ An			
5936	38C-251.63	Hà Tĩnh	7536	37K-492.25	Nghệ An			
5937	38C-252.18	Hà Tĩnh	7537	37K-503.59	Nghệ An			
5938	43A-943.83	Đà Nẵng	7538	37K-516.18	Nghệ An			
5939	43A-957.08	Đà Nẵng	7539	37K-516.95	Nghệ An			
5940	43A-958.56	Đà Nẵng	7540	37K-517.06	Nghệ An			
5941	43A-969.09	Đà Nẵng	7541	37K-517.59	Nghệ An			
5942	43A-970.95	Đà Nẵng	7542	37K-522.09	Nghệ An			
5943	43A-972.16	Đà Nẵng	7543	37K-526.08	Nghệ An			
5944	43B-065.58	Đà Nẵng	7544	37K-532.08	Nghệ An			
5945	43B-067.59	Đà Nẵng	7545	37K-535.29	Nghệ An			
5946	43C-315.63	Đà Nẵng	7546	37K-544.16	Nghệ An			
5947	43C-315.85	Đà Nẵng	7547	37K-548.26	Nghệ An			
5948	43C-323.19	Đà Nẵng	7548	37K-553.15	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	47A-814.16	Đắk Lắk	7549	37K-561.83	Nghệ An			
5950	47A-828.35	Đắk Lắk	7550	37K-566.26	Nghệ An			
5951	47A-829.56	Đắk Lắk	7551	37K-571.18	Nghệ An			
5952	47A-834.16	Đắk Lắk	7552	37K-573.58	Nghệ An			
5953	47A-836.18	Đắk Lắk	7553	37K-574.59	Nghệ An			
5954	47A-837.19	Đắk Lắk	7554	38A-680.29	Hà Tĩnh			
5955	47A-840.98	Đắk Lắk	7555	38A-684.83	Hà Tĩnh			
5956	47A-843.58	Đắk Lắk	7556	38A-690.19	Hà Tĩnh			
5957	47A-852.19	Đắk Lắk	7557	38A-693.58	Hà Tĩnh			
5958	47A-860.19	Đắk Lắk	7558	38A-709.08	Hà Tĩnh			
5959	47C-398.26	Đắk Lắk	7559	38C-244.26	Hà Tĩnh			
5960	47C-398.28	Đắk Lắk	7560	38C-248.59	Hà Tĩnh			
5961	47C-406.16	Đắk Lắk	7561	43A-949.98	Đà Nẵng			
5962	47C-407.29	Đắk Lắk	7562	43A-950.65	Đà Nẵng			
5963	47C-409.06	Đắk Lắk	7563	43A-966.83	Đà Nẵng			
5964	47C-409.35	Đắk Lắk	7564	43B-064.25	Đà Nẵng			
5965	47C-411.59	Đắk Lắk	7565	47A-836.96	Đắk Lắk			
5966	47C-413.83	Đắk Lắk	7566	47A-845.83	Đắk Lắk			
5967	47C-416.63	Đắk Lắk	7567	47A-852.98	Đắk Lắk			
5968	47C-418.98	Đắk Lắk	7568	47A-863.06	Đắk Lắk			
5969	47D-021.36	Đắk Lắk	7569	47B-042.09	Đắk Lắk			
5970	48A-259.85	Đắk Nông	7570	47B-045.19	Đắk Lắk			
5971	48C-120.19	Đắk Nông	7571	47C-397.85	Đắk Lắk			
5972	49A-752.16	Lâm Đồng	7572	47C-398.59	Đắk Lắk			
5973	49A-754.63	Lâm Đồng	7573	47C-400.85	Đắk Lắk			
5974	49A-755.83	Lâm Đồng	7574	47C-408.28	Đắk Lắk			
5975	49A-757.98	Lâm Đồng	7575	47C-410.36	Đắk Lắk			
5976	49A-763.19	Lâm Đồng	7576	47C-416.28	Đắk Lắk			
5977	49A-765.19	Lâm Đồng	7577	47C-420.15	Đắk Lắk			
5978	49A-767.15	Lâm Đồng	7578	47C-420.56	Đắk Lắk			
5979	49A-769.26	Lâm Đồng	7579	47C-422.95	Đắk Lắk			
5980	49A-776.95	Lâm Đồng	7580	48A-256.16	Đắk Nông			
5981	49A-780.09	Lâm Đồng	7581	48C-116.98	Đắk Nông			
5982	49A-781.16	Lâm Đồng	7582	48C-119.08	Đắk Nông			
5983	49B-032.56	Lâm Đồng	7583	48C-120.38	Đắk Nông			
5984	49B-034.15	Lâm Đồng	7584	48C-121.15	Đắk Nông			
5985	49C-384.16	Lâm Đồng	7585	49A-751.83	Lâm Đồng			
5986	49C-385.06	Lâm Đồng	7586	49A-752.19	Lâm Đồng			
5987	49C-386.65	Lâm Đồng	7587	49A-763.96	Lâm Đồng			
5988	49C-398.96	Lâm Đồng	7588	49B-033.36	Lâm Đồng			
5989	49D-016.25	Lâm Đồng	7589	51B-712.28	Hồ Chí Minh			

T.Y
 I.A
 NH
 1M
 T.P.H.A

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	51E-340.56	Hồ Chí Minh	7590	51B-713.09	Hồ Chí Minh			
5991	51E-342.26	Hồ Chí Minh	7591	51E-345.28	Hồ Chí Minh			
5992	51E-342.85	Hồ Chí Minh	7592	51L-899.65	Hồ Chí Minh			
5993	51E-353.09	Hồ Chí Minh	7593	51L-913.15	Hồ Chí Minh			
5994	51L-897.08	Hồ Chí Minh	7594	51L-929.15	Hồ Chí Minh			
5995	51L-909.56	Hồ Chí Minh	7595	51L-933.85	Hồ Chí Minh			
5996	51L-911.58	Hồ Chí Minh	7596	51L-935.85	Hồ Chí Minh			
5997	51L-913.56	Hồ Chí Minh	7597	51L-941.38	Hồ Chí Minh			
5998	51L-915.96	Hồ Chí Minh	7598	51L-959.26	Hồ Chí Minh			
5999	51L-916.98	Hồ Chí Minh	7599	51L-978.29	Hồ Chí Minh			
6000	51L-919.08	Hồ Chí Minh	7600	51L-979.98	Hồ Chí Minh			
6001	51L-919.28	Hồ Chí Minh	7601	51L-981.56	Hồ Chí Minh			
6002	51L-921.65	Hồ Chí Minh	7602	51L-987.38	Hồ Chí Minh			
6003	51L-938.56	Hồ Chí Minh	7603	51L-989.58	Hồ Chí Minh			
6004	51L-943.06	Hồ Chí Minh	7604	51L-995.06	Hồ Chí Minh			
6005	51L-948.59	Hồ Chí Minh	7605	51L-998.36	Hồ Chí Minh			
6006	51L-961.06	Hồ Chí Minh	7606	51M-052.06	Hồ Chí Minh			
6007	51L-961.09	Hồ Chí Minh	7607	51M-054.26	Hồ Chí Minh			
6008	51L-966.16	Hồ Chí Minh	7608	51M-061.38	Hồ Chí Minh			
6009	51L-970.18	Hồ Chí Minh	7609	51M-061.59	Hồ Chí Minh			
6010	51L-970.65	Hồ Chí Minh	7610	51M-064.98	Hồ Chí Minh			
6011	51L-976.08	Hồ Chí Minh	7611	51M-065.16	Hồ Chí Minh			
6012	51L-976.65	Hồ Chí Minh	7612	51M-068.29	Hồ Chí Minh			
6013	51L-978.58	Hồ Chí Minh	7613	51M-074.85	Hồ Chí Minh			
6014	51L-984.38	Hồ Chí Minh	7614	51M-076.98	Hồ Chí Minh			
6015	51L-993.83	Hồ Chí Minh	7615	51M-078.25	Hồ Chí Minh			
6016	51L-996.09	Hồ Chí Minh	7616	51M-084.98	Hồ Chí Minh			
6017	51M-051.83	Hồ Chí Minh	7617	51M-086.58	Hồ Chí Minh			
6018	51M-057.38	Hồ Chí Minh	7618	51M-089.15	Hồ Chí Minh			
6019	51M-059.58	Hồ Chí Minh	7619	51M-093.85	Hồ Chí Minh			
6020	51M-061.18	Hồ Chí Minh	7620	51M-093.96	Hồ Chí Minh			
6021	51M-074.26	Hồ Chí Minh	7621	51M-107.63	Hồ Chí Minh			
6022	51M-076.96	Hồ Chí Minh	7622	51M-109.25	Hồ Chí Minh			
6023	51M-077.09	Hồ Chí Minh	7623	51M-119.26	Hồ Chí Minh			
6024	51M-085.96	Hồ Chí Minh	7624	51M-121.36	Hồ Chí Minh			
6025	51M-090.15	Hồ Chí Minh	7625	51M-130.18	Hồ Chí Minh			
6026	51M-105.29	Hồ Chí Minh	7626	51M-142.36	Hồ Chí Minh			
6027	51M-114.98	Hồ Chí Minh	7627	51M-153.38	Hồ Chí Minh			
6028	51M-119.65	Hồ Chí Minh	7628	51M-154.29	Hồ Chí Minh			
6029	51M-125.36	Hồ Chí Minh	7629	51M-157.28	Hồ Chí Minh			
6030	51M-125.38	Hồ Chí Minh	7630	51M-165.19	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51M-135.95	Hồ Chí Minh	7631	51M-168.29	Hồ Chí Minh			
6032	51M-136.25	Hồ Chí Minh	7632	51M-173.15	Hồ Chí Minh			
6033	51M-138.85	Hồ Chí Minh	7633	51M-175.95	Hồ Chí Minh			
6034	51M-139.08	Hồ Chí Minh	7634	51M-177.65	Hồ Chí Minh			
6035	51M-139.38	Hồ Chí Minh	7635	51M-177.96	Hồ Chí Minh			
6036	51M-141.83	Hồ Chí Minh	7636	51M-180.83	Hồ Chí Minh			
6037	51M-142.26	Hồ Chí Minh	7637	51M-203.18	Hồ Chí Minh			
6038	51M-143.56	Hồ Chí Minh	7638	51M-204.56	Hồ Chí Minh			
6039	51M-151.63	Hồ Chí Minh	7639	51M-206.26	Hồ Chí Minh			
6040	51M-155.63	Hồ Chí Minh	7640	51M-207.15	Hồ Chí Minh			
6041	51M-156.83	Hồ Chí Minh	7641	51M-210.28	Hồ Chí Minh			
6042	51M-165.06	Hồ Chí Minh	7642	51M-215.85	Hồ Chí Minh			
6043	51M-166.36	Hồ Chí Minh	7643	51M-217.25	Hồ Chí Minh			
6044	51M-175.26	Hồ Chí Minh	7644	51M-218.25	Hồ Chí Minh			
6045	51M-175.83	Hồ Chí Minh	7645	51M-220.15	Hồ Chí Minh			
6046	51M-178.36	Hồ Chí Minh	7646	51M-220.59	Hồ Chí Minh			
6047	51M-179.56	Hồ Chí Minh	7647	51M-225.18	Hồ Chí Minh			
6048	51M-183.08	Hồ Chí Minh	7648	51M-229.18	Hồ Chí Minh			
6049	51M-185.06	Hồ Chí Minh	7649	51M-237.18	Hồ Chí Minh			
6050	51M-186.98	Hồ Chí Minh	7650	51M-241.06	Hồ Chí Minh			
6051	51M-188.25	Hồ Chí Minh	7651	51M-245.63	Hồ Chí Minh			
6052	51M-188.36	Hồ Chí Minh	7652	51M-248.96	Hồ Chí Minh			
6053	51M-196.56	Hồ Chí Minh	7653	51M-249.26	Hồ Chí Minh			
6054	51M-197.09	Hồ Chí Minh	7654	51M-251.96	Hồ Chí Minh			
6055	51M-201.96	Hồ Chí Minh	7655	51M-253.95	Hồ Chí Minh			
6056	51M-209.25	Hồ Chí Minh	7656	51M-258.06	Hồ Chí Minh			
6057	51M-214.08	Hồ Chí Minh	7657	51M-259.15	Hồ Chí Minh			
6058	51M-214.58	Hồ Chí Minh	7658	51M-265.58	Hồ Chí Minh			
6059	51M-215.18	Hồ Chí Minh	7659	51M-267.63	Hồ Chí Minh			
6060	51M-215.29	Hồ Chí Minh	7660	51M-269.56	Hồ Chí Minh			
6061	51M-232.58	Hồ Chí Minh	7661	51M-271.25	Hồ Chí Minh			
6062	51M-233.98	Hồ Chí Minh	7662	51M-279.16	Hồ Chí Minh			
6063	51M-244.06	Hồ Chí Minh	7663	51M-280.98	Hồ Chí Minh			
6064	51M-248.28	Hồ Chí Minh	7664	51M-286.26	Hồ Chí Minh			
6065	51M-261.98	Hồ Chí Minh	7665	51M-289.29	Hồ Chí Minh			
6066	51M-263.06	Hồ Chí Minh	7666	51M-289.58	Hồ Chí Minh			
6067	51M-267.35	Hồ Chí Minh	7667	51M-292.58	Hồ Chí Minh			
6068	51M-270.15	Hồ Chí Minh	7668	51M-294.35	Hồ Chí Minh			
6069	51M-272.85	Hồ Chí Minh	7669	51M-295.19	Hồ Chí Minh			
6070	51M-284.96	Hồ Chí Minh	7670	51M-297.19	Hồ Chí Minh			
6071	51M-289.85	Hồ Chí Minh	7671	51M-302.29	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51M-292.15	Hồ Chí Minh	7672	51M-304.58	Hồ Chí Minh			
6073	51M-300.08	Hồ Chí Minh	7673	51N-004.26	Hồ Chí Minh			
6074	51M-301.15	Hồ Chí Minh	7674	51N-005.29	Hồ Chí Minh			
6075	51M-303.38	Hồ Chí Minh	7675	51N-012.85	Hồ Chí Minh			
6076	51N-001.18	Hồ Chí Minh	7676	51N-017.09	Hồ Chí Minh			
6077	51N-008.29	Hồ Chí Minh	7677	51N-018.85	Hồ Chí Minh			
6078	51N-013.19	Hồ Chí Minh	7678	51N-026.08	Hồ Chí Minh			
6079	51N-015.36	Hồ Chí Minh	7679	51N-028.56	Hồ Chí Minh			
6080	51N-025.58	Hồ Chí Minh	7680	51N-041.36	Hồ Chí Minh			
6081	51N-031.59	Hồ Chí Minh	7681	51N-044.28	Hồ Chí Minh			
6082	51N-034.36	Hồ Chí Minh	7682	51N-044.29	Hồ Chí Minh			
6083	51N-042.83	Hồ Chí Minh	7683	51N-048.25	Hồ Chí Minh			
6084	51N-044.65	Hồ Chí Minh	7684	51N-053.19	Hồ Chí Minh			
6085	51N-046.96	Hồ Chí Minh	7685	51N-056.19	Hồ Chí Minh			
6086	51N-049.08	Hồ Chí Minh	7686	51N-058.09	Hồ Chí Minh			
6087	51N-049.28	Hồ Chí Minh	7687	51N-062.65	Hồ Chí Minh			
6088	51N-051.28	Hồ Chí Minh	7688	51N-075.06	Hồ Chí Minh			
6089	51N-055.15	Hồ Chí Minh	7689	51N-075.26	Hồ Chí Minh			
6090	51N-059.85	Hồ Chí Minh	7690	51N-085.09	Hồ Chí Minh			
6091	51N-061.35	Hồ Chí Minh	7691	51N-090.85	Hồ Chí Minh			
6092	51N-069.15	Hồ Chí Minh	7692	51N-095.26	Hồ Chí Minh			
6093	51N-071.08	Hồ Chí Minh	7693	51N-104.18	Hồ Chí Minh			
6094	51N-076.06	Hồ Chí Minh	7694	51N-106.95	Hồ Chí Minh			
6095	51N-080.25	Hồ Chí Minh	7695	51N-107.15	Hồ Chí Minh			
6096	51N-083.15	Hồ Chí Minh	7696	51N-110.96	Hồ Chí Minh			
6097	51N-088.65	Hồ Chí Minh	7697	51N-127.96	Hồ Chí Minh			
6098	51N-089.18	Hồ Chí Minh	7698	51N-128.63	Hồ Chí Minh			
6099	51N-098.16	Hồ Chí Minh	7699	51N-130.36	Hồ Chí Minh			
6100	51N-098.58	Hồ Chí Minh	7700	51N-146.36	Hồ Chí Minh			
6101	51N-105.15	Hồ Chí Minh	7701	51N-151.26	Hồ Chí Minh			
6102	51N-118.58	Hồ Chí Minh	7702	60B-078.16	Đồng Nai			
6103	51N-126.19	Hồ Chí Minh	7703	60C-770.29	Đồng Nai			
6104	51N-129.18	Hồ Chí Minh	7704	60C-770.83	Đồng Nai			
6105	51N-129.83	Hồ Chí Minh	7705	60C-779.26	Đồng Nai			
6106	51N-133.35	Hồ Chí Minh	7706	60C-784.95	Đồng Nai			
6107	51N-147.18	Hồ Chí Minh	7707	60C-792.96	Đồng Nai			
6108	51N-151.09	Hồ Chí Minh	7708	60C-793.15	Đồng Nai			
6109	60B-080.36	Đồng Nai	7709	60K-623.06	Đồng Nai			
6110	60C-758.26	Đồng Nai	7710	60K-634.58	Đồng Nai			
6111	60C-759.09	Đồng Nai	7711	60K-653.26	Đồng Nai			
6112	60C-778.09	Đồng Nai	7712	60K-655.16	Đồng Nai			

314
 ÔN
 IAU
 ỘP
 IET
 XU

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	60C-779.65	Đồng Nai	7713	60K-669.08	Đồng Nai			
6114	60C-780.59	Đồng Nai	7714	60K-675.29	Đồng Nai			
6115	60C-785.96	Đồng Nai	7715	60K-681.08	Đồng Nai			
6116	60C-790.36	Đồng Nai	7716	60K-685.65	Đồng Nai			
6117	60K-621.96	Đồng Nai	7717	60K-689.85	Đồng Nai			
6118	60K-628.08	Đồng Nai	7718	60K-689.95	Đồng Nai			
6119	60K-635.98	Đồng Nai	7719	60K-695.15	Đồng Nai			
6120	60K-672.26	Đồng Nai	7720	60K-696.25	Đồng Nai			
6121	60K-675.63	Đồng Nai	7721	60K-697.83	Đồng Nai			
6122	60K-676.06	Đồng Nai	7722	60K-700.58	Đồng Nai			
6123	60K-677.36	Đồng Nai	7723	61B-048.08	Bình Dương			
6124	60K-679.18	Đồng Nai	7724	61B-048.15	Bình Dương			
6125	60K-685.19	Đồng Nai	7725	61C-620.15	Bình Dương			
6126	60K-688.15	Đồng Nai	7726	61C-622.56	Bình Dương			
6127	60K-689.35	Đồng Nai	7727	61C-636.09	Bình Dương			
6128	60K-696.26	Đồng Nai	7728	61D-022.56	Bình Dương			
6129	60K-696.29	Đồng Nai	7729	61D-022.63	Bình Dương			
6130	60K-697.35	Đồng Nai	7730	61K-519.58	Bình Dương			
6131	60K-700.98	Đồng Nai	7731	61K-525.58	Bình Dương			
6132	61C-614.28	Bình Dương	7732	61K-526.16	Bình Dương			
6133	61C-615.29	Bình Dương	7733	61K-531.59	Bình Dương			
6134	61C-618.09	Bình Dương	7734	61K-534.08	Bình Dương			
6135	61C-621.19	Bình Dương	7735	61K-535.96	Bình Dương			
6136	61C-638.98	Bình Dương	7736	61K-536.15	Bình Dương			
6137	61C-639.06	Bình Dương	7737	61K-542.96	Bình Dương			
6138	61C-640.26	Bình Dương	7738	61K-547.26	Bình Dương			
6139	61C-640.95	Bình Dương	7739	61K-566.58	Bình Dương			
6140	61K-522.83	Bình Dương	7740	61K-571.96	Bình Dương			
6141	61K-523.63	Bình Dương	7741	61K-581.63	Bình Dương			
6142	61K-534.19	Bình Dương	7742	61K-582.16	Bình Dương			
6143	61K-534.28	Bình Dương	7743	61K-584.16	Bình Dương			
6144	61K-534.59	Bình Dương	7744	61K-584.19	Bình Dương			
6145	61K-534.95	Bình Dương	7745	61K-586.83	Bình Dương			
6146	61K-542.56	Bình Dương	7746	61K-587.95	Bình Dương			
6147	61K-548.29	Bình Dương	7747	61K-590.15	Bình Dương			
6148	61K-556.19	Bình Dương	7748	61K-594.18	Bình Dương			
6149	61K-564.19	Bình Dương	7749	62A-470.38	Long An			
6150	61K-564.35	Bình Dương	7750	62A-472.28	Long An			
6151	61K-575.29	Bình Dương	7751	62A-477.19	Long An			
6152	61K-575.85	Bình Dương	7752	62A-488.08	Long An			
6153	61K-579.26	Bình Dương	7753	62C-221.18	Long An			

T. C
 T. Y
 GIÁ
 ANH
 VAM
 J. T. P.

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61K-583.63	Bình Dương	7754	62D-015.59	Long An			
6155	61K-584.95	Bình Dương	7755	63A-326.06	Tiền Giang			
6156	61K-588.15	Bình Dương	7756	63A-326.96	Tiền Giang			
6157	61K-592.35	Bình Dương	7757	63A-335.26	Tiền Giang			
6158	61K-595.35	Bình Dương	7758	63A-339.95	Tiền Giang			
6159	62A-470.09	Long An	7759	63B-036.28	Tiền Giang			
6160	62A-472.08	Long An	7760	63C-235.65	Tiền Giang			
6161	62A-479.18	Long An	7761	63C-236.85	Tiền Giang			
6162	62A-480.06	Long An	7762	63D-012.16	Tiền Giang			
6163	62A-482.15	Long An	7763	63D-013.36	Tiền Giang			
6164	62A-482.19	Long An	7764	64A-214.38	Vĩnh Long			
6165	62A-492.15	Long An	7765	64B-016.95	Vĩnh Long			
6166	62A-493.06	Long An	7766	64B-020.28	Vĩnh Long			
6167	62D-016.83	Long An	7767	64C-135.85	Vĩnh Long			
6168	63A-328.58	Tiền Giang	7768	64D-006.65	Vĩnh Long			
6169	63A-332.56	Tiền Giang	7769	65A-518.08	Cần Thơ			
6170	63A-337.26	Tiền Giang	7770	65A-520.58	Cần Thơ			
6171	64A-204.85	Vĩnh Long	7771	65A-524.09	Cần Thơ			
6172	64A-205.29	Vĩnh Long	7772	65A-528.15	Cần Thơ			
6173	64A-208.96	Vĩnh Long	7773	65B-025.18	Cần Thơ			
6174	64C-137.36	Vĩnh Long	7774	65C-249.18	Cần Thơ			
6175	64C-138.96	Vĩnh Long	7775	65C-256.16	Cần Thơ			
6176	65A-517.08	Cần Thơ	7776	65C-259.16	Cần Thơ			
6177	65A-524.58	Cần Thơ	7777	65C-262.08	Cần Thơ			
6178	65A-528.08	Cần Thơ	7778	65C-278.56	Cần Thơ			
6179	65A-529.06	Cần Thơ	7779	66A-303.85	Đồng Tháp			
6180	65C-260.18	Cần Thơ	7780	66A-309.16	Đồng Tháp			
6181	65D-011.58	Cần Thơ	7781	66A-318.25	Đồng Tháp			
6182	66A-307.98	Đồng Tháp	7782	66B-027.25	Đồng Tháp			
6183	66A-314.18	Đồng Tháp	7783	67A-331.08	An Giang			
6184	66A-318.08	Đồng Tháp	7784	67A-344.59	An Giang			
6185	66B-024.18	Đồng Tháp	7785	67B-030.29	An Giang			
6186	66B-025.06	Đồng Tháp	7786	67B-032.38	An Giang			
6187	66B-025.09	Đồng Tháp	7787	67C-195.83	An Giang			
6188	66B-026.63	Đồng Tháp	7788	68A-365.25	Kiên Giang			
6189	66C-186.83	Đồng Tháp	7789	68A-379.95	Kiên Giang			
6190	67A-332.85	An Giang	7790	68A-381.28	Kiên Giang			
6191	67A-336.28	An Giang	7791	68C-181.58	Kiên Giang			
6192	67A-339.35	An Giang	7792	68C-183.15	Kiên Giang			
6193	67A-343.09	An Giang	7793	68D-007.06	Kiên Giang			
6194	67B-030.56	An Giang	7794	69A-172.85	Cà Mau			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	67B-032.65	An Giang	7795	69B-013.96	Cà Mau			
6196	67B-032.96	An Giang	7796	69B-014.35	Cà Mau			
6197	67C-196.95	An Giang	7797	69B-017.16	Cà Mau			
6198	67D-011.09	An Giang	7798	69C-107.58	Cà Mau			
6199	68A-370.85	Kiên Giang	7799	69D-007.19	Cà Mau			
6200	68A-373.59	Kiên Giang	7800	69D-008.63	Cà Mau			
6201	68A-374.06	Kiên Giang	7801	70A-587.59	Tây Ninh			
6202	68A-374.18	Kiên Giang	7802	70A-603.96	Tây Ninh			
6203	68A-377.98	Kiên Giang	7803	70A-613.25	Tây Ninh			
6204	68A-378.85	Kiên Giang	7804	70B-034.15	Tây Ninh			
6205	68C-183.98	Kiên Giang	7805	71A-221.96	Bến Tre			
6206	69A-169.58	Cà Mau	7806	71C-134.65	Bến Tre			
6207	69A-172.83	Cà Mau	7807	71C-136.98	Bến Tre			
6208	69C-106.16	Cà Mau	7808	71C-137.56	Bến Tre			
6209	69C-107.56	Cà Mau	7809	71D-009.19	Bến Tre			
6210	69C-109.38	Cà Mau	7810	72A-844.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6211	70A-588.09	Tây Ninh	7811	72A-849.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6212	70A-592.26	Tây Ninh	7812	72A-854.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6213	70A-597.09	Tây Ninh	7813	72A-857.65	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6214	70A-598.38	Tây Ninh	7814	72A-863.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6215	70A-600.19	Tây Ninh	7815	72A-865.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6216	70A-608.56	Tây Ninh	7816	72A-876.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6217	70A-611.26	Tây Ninh	7817	72B-046.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6218	70A-611.29	Tây Ninh	7818	72C-269.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6219	70A-614.83	Tây Ninh	7819	72C-272.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6220	70C-215.58	Tây Ninh	7820	72C-273.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6221	71A-223.58	Bến Tre	7821	73A-370.85	Quảng Bình			
6222	71C-138.36	Bến Tre	7822	73A-372.98	Quảng Bình			
6223	71D-007.35	Bến Tre	7823	73A-376.36	Quảng Bình			
6224	71D-007.38	Bến Tre	7824	73B-020.59	Quảng Bình			
6225	72A-849.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	7825	73C-196.58	Quảng Bình			
6226	72A-851.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	7826	74A-280.38	Quảng Trị			
6227	72A-858.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	7827	74A-284.36	Quảng Trị			
6228	72A-870.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	7828	74B-018.58	Quảng Trị			
6229	72A-871.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	7829	74C-144.06	Quảng Trị			
6230	72A-874.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	7830	74C-149.26	Quảng Trị			
6231	72A-875.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	7831	74C-150.16	Quảng Trị			
6232	72A-878.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7832	74D-012.56	Quảng Trị			
6233	72A-879.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7833	74D-012.59	Quảng Trị			
6234	72B-045.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	7834	75A-391.58	Thừa Thiên Huế			
6235	72C-265.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	7835	75A-399.19	Thừa Thiên Huế			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	72C-270.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7836	75C-158.96	Thừa Thiên Huế			
6237	72C-270.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	7837	76A-327.15	Quảng Ngãi			
6238	72C-272.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	7838	76A-329.83	Quảng Ngãi			
6239	72C-274.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	7839	76A-330.56	Quảng Ngãi			
6240	72C-277.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	7840	76A-332.35	Quảng Ngãi			
6241	73A-378.95	Quảng Bình	7841	76C-178.65	Quảng Ngãi			
6242	73A-379.63	Quảng Bình	7842	76C-178.85	Quảng Ngãi			
6243	73C-196.38	Quảng Bình	7843	76C-179.95	Quảng Ngãi			
6244	73D-008.38	Quảng Bình	7844	77A-357.28	Bình Định			
6245	74A-278.38	Quảng Trị	7845	77A-366.25	Bình Định			
6246	74A-281.08	Quảng Trị	7846	77A-368.06	Bình Định			
6247	74A-284.26	Quảng Trị	7847	77B-041.18	Bình Định			
6248	74D-012.38	Quảng Trị	7848	77C-261.98	Bình Định			
6249	74D-014.35	Quảng Trị	7849	77D-006.85	Bình Định			
6250	75C-158.06	Thừa Thiên Huế	7850	77D-007.28	Bình Định			
6251	75C-159.09	Thừa Thiên Huế	7851	77D-007.96	Bình Định			
6252	75D-010.59	Thừa Thiên Huế	7852	78A-215.65	Phú Yên			
6253	75D-012.35	Thừa Thiên Huế	7853	78B-020.36	Phú Yên			
6254	75D-013.18	Thừa Thiên Huế	7854	79A-575.56	Khánh Hòa			
6255	76A-328.06	Quảng Ngãi	7855	79A-581.83	Khánh Hòa			
6256	76B-027.59	Quảng Ngãi	7856	79A-586.16	Khánh Hòa			
6257	76B-028.06	Quảng Ngãi	7857	79A-592.19	Khánh Hòa			
6258	76B-030.35	Quảng Ngãi	7858	79B-046.95	Khánh Hòa			
6259	76B-030.38	Quảng Ngãi	7859	79C-227.85	Khánh Hòa			
6260	77B-038.08	Bình Định	7860	79C-233.28	Khánh Hòa			
6261	77D-008.85	Bình Định	7861	81A-458.19	Gia Lai			
6262	77D-009.98	Bình Định	7862	81A-468.38	Gia Lai			
6263	78A-223.58	Phú Yên	7863	81A-472.09	Gia Lai			
6264	78A-224.85	Phú Yên	7864	81A-473.28	Gia Lai			
6265	78B-020.65	Phú Yên	7865	81A-473.63	Gia Lai			
6266	78B-021.63	Phú Yên	7866	81A-475.63	Gia Lai			
6267	78C-128.56	Phú Yên	7867	81B-030.35	Gia Lai			
6268	78D-007.25	Phú Yên	7868	81C-289.36	Gia Lai			
6269	79A-573.85	Khánh Hòa	7869	81C-290.16	Gia Lai			
6270	79A-576.98	Khánh Hòa	7870	81C-294.96	Gia Lai			
6271	79A-577.29	Khánh Hòa	7871	81D-013.85	Gia Lai			
6272	79A-578.63	Khánh Hòa	7872	81D-016.38	Gia Lai			
6273	79A-579.19	Khánh Hòa	7873	81D-017.36	Gia Lai			
6274	79A-582.16	Khánh Hòa	7874	82A-165.38	Kon Tum			
6275	79A-583.09	Khánh Hòa	7875	82B-022.65	Kon Tum			
6276	79A-586.83	Khánh Hòa	7876	82D-011.09	Kon Tum			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	79A-586.98	Khánh Hòa	7877	83A-194.56	Sóc Trăng			
6278	79A-588.29	Khánh Hòa	7878	83A-199.15	Sóc Trăng			
6279	79A-591.58	Khánh Hòa	7879	83D-008.06	Sóc Trăng			
6280	79C-235.08	Khánh Hòa	7880	83D-009.16	Sóc Trăng			
6281	79D-014.28	Khánh Hòa	7881	84B-019.65	Trà Vinh			
6282	81A-456.83	Gia Lai	7882	84B-020.65	Trà Vinh			
6283	81A-459.09	Gia Lai	7883	84B-021.08	Trà Vinh			
6284	81A-461.58	Gia Lai	7884	84B-023.29	Trà Vinh			
6285	81A-462.35	Gia Lai	7885	84D-006.15	Trà Vinh			
6286	81A-468.08	Gia Lai	7886	84D-006.38	Trà Vinh			
6287	81A-468.96	Gia Lai	7887	84D-006.98	Trà Vinh			
6288	81A-476.56	Gia Lai	7888	84D-007.85	Trà Vinh			
6289	81A-478.85	Gia Lai	7889	85A-152.08	Ninh Thuận			
6290	81B-031.65	Gia Lai	7890	85A-152.16	Ninh Thuận			
6291	81C-288.25	Gia Lai	7891	85B-014.56	Ninh Thuận			
6292	81C-291.38	Gia Lai	7892	85B-015.25	Ninh Thuận			
6293	81C-292.35	Gia Lai	7893	85B-016.95	Ninh Thuận			
6294	82B-023.35	Kon Tum	7894	85B-017.09	Ninh Thuận			
6295	82D-013.98	Kon Tum	7895	85C-085.65	Ninh Thuận			
6296	83A-195.83	Sóc Trăng	7896	85D-007.09	Ninh Thuận			
6297	83A-198.59	Sóc Trăng	7897	85D-008.26	Ninh Thuận			
6298	83B-025.06	Sóc Trăng	7898	85D-010.36	Ninh Thuận			
6299	83C-134.65	Sóc Trăng	7899	86A-322.95	Bình Thuận			
6300	83D-010.15	Sóc Trăng	7900	86A-331.95	Bình Thuận			
6301	84A-147.19	Trà Vinh	7901	86A-332.29	Bình Thuận			
6302	84A-153.38	Trà Vinh	7902	86D-009.26	Bình Thuận			
6303	84A-154.18	Trà Vinh	7903	88A-792.83	Vĩnh Phúc			
6304	84C-126.25	Trà Vinh	7904	88A-800.18	Vĩnh Phúc			
6305	84C-127.26	Trà Vinh	7905	88A-807.26	Vĩnh Phúc			
6306	84D-005.19	Trà Vinh	7906	88A-807.29	Vĩnh Phúc			
6307	85A-150.36	Ninh Thuận	7907	88A-821.95	Vĩnh Phúc			
6308	85A-152.83	Ninh Thuận	7908	88A-823.98	Vĩnh Phúc			
6309	85B-014.29	Ninh Thuận	7909	88A-824.96	Vĩnh Phúc			
6310	86A-320.16	Bình Thuận	7910	88A-826.96	Vĩnh Phúc			
6311	86A-328.19	Bình Thuận	7911	88A-827.35	Vĩnh Phúc			
6312	86A-334.08	Bình Thuận	7912	88A-830.59	Vĩnh Phúc			
6313	86B-024.65	Bình Thuận	7913	88B-023.29	Vĩnh Phúc			
6314	86C-209.29	Bình Thuận	7914	88B-023.96	Vĩnh Phúc			
6315	86C-211.65	Bình Thuận	7915	88C-322.06	Vĩnh Phúc			
6316	86C-212.28	Bình Thuận	7916	88C-322.25	Vĩnh Phúc			
6317	86C-213.98	Bình Thuận	7917	89A-531.85	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6318	88A-794.16	Vĩnh Phúc	7918	89A-534.06	Hưng Yên			
6319	88A-795.29	Vĩnh Phúc	7919	89A-546.18	Hưng Yên			
6320	88A-800.28	Vĩnh Phúc	7920	89A-550.08	Hưng Yên			
6321	88A-800.83	Vĩnh Phúc	7921	89A-550.63	Hưng Yên			
6322	88A-809.18	Vĩnh Phúc	7922	89A-551.83	Hưng Yên			
6323	88A-809.38	Vĩnh Phúc	7923	89A-559.83	Hưng Yên			
6324	88A-816.08	Vĩnh Phúc	7924	89B-026.38	Hưng Yên			
6325	88A-818.85	Vĩnh Phúc	7925	89C-348.85	Hưng Yên			
6326	88A-820.08	Vĩnh Phúc	7926	89C-357.15	Hưng Yên			
6327	88A-820.38	Vĩnh Phúc	7927	89C-357.26	Hưng Yên			
6328	88A-825.36	Vĩnh Phúc	7928	89D-023.15	Hưng Yên			
6329	88A-826.65	Vĩnh Phúc	7929	90A-291.95	Hà Nam			
6330	88A-827.06	Vĩnh Phúc	7930	90A-293.65	Hà Nam			
6331	88A-828.15	Vĩnh Phúc	7931	90A-294.36	Hà Nam			
6332	88A-828.16	Vĩnh Phúc	7932	90A-298.95	Hà Nam			
6333	88C-310.28	Vĩnh Phúc	7933	90C-160.58	Hà Nam			
6334	88C-312.18	Vĩnh Phúc	7934	92A-436.18	Quảng Nam			
6335	88C-321.28	Vĩnh Phúc	7935	92A-438.59	Quảng Nam			
6336	89A-540.19	Hưng Yên	7936	92A-439.56	Quảng Nam			
6337	89A-550.36	Hưng Yên	7937	92A-443.96	Quảng Nam			
6338	89A-554.16	Hưng Yên	7938	92A-445.26	Quảng Nam			
6339	89A-556.96	Hưng Yên	7939	92A-449.28	Quảng Nam			
6340	89A-557.29	Hưng Yên	7940	92B-039.16	Quảng Nam			
6341	89C-352.58	Hưng Yên	7941	92C-264.63	Quảng Nam			
6342	89D-023.26	Hưng Yên	7942	92C-266.08	Quảng Nam			
6343	89D-024.83	Hưng Yên	7943	93A-506.56	Bình Phước			
6344	90A-291.08	Hà Nam	7944	93A-524.36	Bình Phước			
6345	90A-301.28	Hà Nam	7945	93A-525.85	Bình Phước			
6346	90A-301.58	Hà Nam	7946	93B-022.38	Bình Phước			
6347	90C-158.29	Hà Nam	7947	93D-007.95	Bình Phước			
6348	92A-440.85	Quảng Nam	7948	93D-008.15	Bình Phước			
6349	92A-445.15	Quảng Nam	7949	93D-009.36	Bình Phước			
6350	92A-446.38	Quảng Nam	7950	93D-009.83	Bình Phước			
6351	92A-446.85	Quảng Nam	7951	94A-114.35	Bạc Liêu			
6352	92B-041.25	Quảng Nam	7952	94C-084.15	Bạc Liêu			
6353	92C-260.35	Quảng Nam	7953	94D-007.35	Bạc Liêu			
6354	92C-260.56	Quảng Nam	7954	95A-138.16	Hậu Giang			
6355	92D-014.35	Quảng Nam	7955	95A-141.96	Hậu Giang			
6356	93A-505.85	Bình Phước	7956	95B-019.63	Hậu Giang			
6357	93A-523.85	Bình Phước	7957	97B-015.56	Bắc Kạn			
6358	93A-524.96	Bình Phước	7958	97C-049.29	Bắc Kạn			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6359	93C-202.29	Bình Phước	7959	97C-050.15	Bắc Kạn			
6360	94A-112.18	Bạc Liêu	7960	97C-052.35	Bắc Kạn			
6361	94A-114.18	Bạc Liêu	7961	98A-867.59	Bắc Giang			
6362	94B-016.36	Bạc Liêu	7962	98A-878.06	Bắc Giang			
6363	94B-016.95	Bạc Liêu	7963	98A-883.36	Bắc Giang			
6364	94D-005.83	Bạc Liêu	7964	98A-886.18	Bắc Giang			
6365	94D-006.29	Bạc Liêu	7965	98A-891.08	Bắc Giang			
6366	95D-027.38	Hậu Giang	7966	98A-896.59	Bắc Giang			
6367	97D-009.18	Bắc Kạn	7967	98A-897.19	Bắc Giang			
6368	98A-861.26	Bắc Giang	7968	98A-899.29	Bắc Giang			
6369	98A-861.29	Bắc Giang	7969	98A-900.08	Bắc Giang			
6370	98A-863.35	Bắc Giang	7970	98A-902.65	Bắc Giang			
6371	98A-865.83	Bắc Giang	7971	98A-905.35	Bắc Giang			
6372	98A-875.15	Bắc Giang	7972	98B-044.29	Bắc Giang			
6373	98A-884.56	Bắc Giang	7973	98C-382.63	Bắc Giang			
6374	98A-886.38	Bắc Giang	7974	98C-394.85	Bắc Giang			
6375	98A-887.29	Bắc Giang	7975	98C-398.16	Bắc Giang			
6376	98A-894.19	Bắc Giang	7976	99A-852.15	Bắc Ninh			
6377	98A-897.15	Bắc Giang	7977	99A-853.06	Bắc Ninh			
6378	98A-897.96	Bắc Giang	7978	99A-865.35	Bắc Ninh			
6379	98A-898.06	Bắc Giang	7979	99A-866.19	Bắc Ninh			
6380	98A-899.15	Bắc Giang	7980	99A-873.18	Bắc Ninh			
6381	98A-899.26	Bắc Giang	7981	99A-878.29	Bắc Ninh			
6382	98A-908.96	Bắc Giang	7982	99A-879.59	Bắc Ninh			
6383	98A-910.16	Bắc Giang	7983	99A-880.16	Bắc Ninh			
6384	98C-377.59	Bắc Giang	7984	99A-890.35	Bắc Ninh			
6385	98C-382.15	Bắc Giang	7985	99B-031.59	Bắc Ninh			
6386	98C-382.36	Bắc Giang	7986	99B-032.09	Bắc Ninh			
6387	98C-393.56	Bắc Giang	7987	99B-033.29	Bắc Ninh			
6388	98C-393.65	Bắc Giang	7988	99B-033.56	Bắc Ninh			
6389	98C-395.08	Bắc Giang	7989	99C-330.96	Bắc Ninh			
6390	98C-395.36	Bắc Giang	7990	99C-332.26	Bắc Ninh			
6391	98D-021.25	Bắc Giang	7991	99C-332.29	Bắc Ninh			
6392	99A-858.06	Bắc Ninh	7992	99C-334.98	Bắc Ninh			
6393	99A-865.58	Bắc Ninh	7993	99C-336.25	Bắc Ninh			
6394	99A-884.98	Bắc Ninh	7994	99C-337.08	Bắc Ninh			
6395	99A-887.83	Bắc Ninh	7995	99C-337.59	Bắc Ninh			
6396	99B-031.65	Bắc Ninh	7996	99C-337.83	Bắc Ninh			
6397	99B-032.26	Bắc Ninh	7997	99C-339.28	Bắc Ninh			
6398	99C-343.19	Bắc Ninh	7998	99C-339.83	Bắc Ninh			
6399	99C-344.36	Bắc Ninh	7999	99C-344.59	Bắc Ninh			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6400	99D-027.16	Bắc Ninh	8000	99D-024.63	Bắc Ninh			

